PHẠM THANH

THI NHÂN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

QUYỂN THƯỢNG

XUÂN THU XUẤT BẢN

PHẠM-THANH

*

THI-NHÂN VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI

IN LẦN THỨ NHẤT

NHÀ SÁCH **KHAI-TRÍ**
62, Đại-lộ Lê-Lợi
SAIGON

Soạn giả Phạm Thanh, người đã có công hội hợp năm mươi sáu thi nhân Việt Nam trong 800 trang sách.



NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU
P.O. Box 97 Los Alamitos CA 90720
Tháng Năm 1990

CẢM ĐỀ

Vườn hoa văn-nghệ thơm ngát,
Sắc hương trăm thuở nở đều.
Sáng lên pha màu thế-hệ,
Của lòng đất nước thân yêu.

Gợi chút đưa người thanh-khí
Hồn đang lâng lâng phiêu phiêu,
Giữa giờ chuông đánh khua đêm tắt
Còn ngỡ không-gian trước bóng chiều.

Sài-thành Xuân Kỷ-Hợi 1959.

PHẠM-THANH

LỜI NÓI ĐẦU

Thơ là nguồn cảm-xúc của con người ở trước những sự-vật xẩy ra trên vũ-trụ hoặc thuộc về bản-ngã hoặc thuộc về khách-quan được tạo lên thành ý thành câu và thành lời...

Thơ là một bộ môn trong các ngành văn-học và văn-nghệ. Nếu nói văn-nghệ và văn-học là các món ăn tinh-thần cần-thiết cho con người, thì chính thơ cũng là một trong những món ăn này vậy.

Do đó, nói đến sinh-hoạt xã-hội, người ta không thể bỏ thơ và những thi-nhân ra ngoài mà không cần biết đến. Hơn nữa, sự-nghiệp của thi-nhân cũng như của các văn-nghệ-sĩ khác lại là những sự-nghiệp cao-quý. Sự-nghiệp ấy phải đem vào thật sự của tinh-thần cùng khối óc sáng-tạo và phải chân-thành, chính ngay ở tại bản-thân mình, phải chủ-động, phải tự-lực, không thể đi mượn, đi van xin cầu lụy, hoặc bằng thế-lực hay là các mưu-mô thủ-đoạn...

Trước đây, ở nước ta, trên đàn văn-học và văn-nghệ đã có quyển « Thi-Nhân Việt-Nam » của Hoài-Thanh, Hoài-Chân ra đời để giúp các bạn đọc biết sơ qua về thân-thế và ít nhiều thi-phẩm của một số thi-nhân. Nhưng sách ấy đến bây giờ đã lui xa thế-hệ vì từ ra đến nay đã gần 20 năm, mà trong khoảng thời-gian ngót một phần tư thế-kỷ này, trên thi-đàn Việt-Nam đã xuất-hiện ra thêm không biết

bao nhiêu nhà thơ nữa, nhất là tác-phẩm ấy lại đã bỏ sót khá nhiều những nhà thơ ngay ở đương thời mà không đề-cập đến.

Vì vậy, và vì sự cần-thiết của một số đông các bạn đọc, chúng tôi xin soạn ra tập này lấy tên là **Thi-Nhân Việt-Nam Hiện-Đại** để kịp thời cung-ứng cho nhu-cầu hiện nay.

Lấy 6 chữ : « **Thi-Nhân Việt-Nam Hiện-Đại** » đặt tên cho tác-phẩm, mục-đích chính-yếu của chúng tôi không hơn gì là để giới-thiệu những nhà thơ còn sống còn viết, và đang mới tiến lên. Nhưng theo nghĩa tương-đối, chúng tôi nhận thấy cần phải kể đến một số thi-nhân tuy đã quá-cố, nhưng ảnh-hưởng vẫn còn trong đàn văn trận bút.

Còn về công việc phê-bình hay dở thế nào của từng thi-nhân và từng thi-phẩm một, chúng tôi xin để quý bạn đọc nhận-xét, và xin nhường quyền ấy để các bậc đàn anh trong văn-giới thi-giới cũng như các cây bút chuyên về nhận-xét và phê-bình.

Sau hết, chúng tôi xin quý bạn đọc, nhất là các bạn thơ và các bạn yêu thơ hiểu cho trong tập « **Thi-Nhân Việt-Nam Hiện-Đại** » này còn rất nhiều thiếu sót vì trong thi-đàn hiện nay số người cũ còn lại cũng nhiều và số người mới cũng thật là đông-đảo, chúng tôi nhìn vào thấy đang nở lên như cả một vườn hoa muôn mầu muôn thức muôn hương, mà sưu-tầm góp lại, thấy chẳng được là mấy, còn bao nhiêu bạn khác nữa, chúng tôi chưa biết được tiểu-sử, cũng như chưa lựa được thi-phẩm.

Chúng tôi mong quý bạn thông-cảm, đồng thời xin hứa cố-gắng sẽ làm cho mỗi lần xuất-bản được kỹ-lưỡng và đầy-đủ hơn lên.

Cuối cùng, xin tất cả nhận lấy ở đây, trong tập này lời chào của chúng tôi : « thân-ái đoàn-kết và tích-cực xây-dựng văn-nghệ... ».

SOẠN-GIẢ và NHÀ XUẤT-BẢN



TẢN-ĐÀ

TẢN - ĐÀ

LÀ một thi-nhân khét tiếng về ngông ở giữa buổi giao thời Pháp-Nam, ông Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu sinh năm 1888 tại làng Khê-Thượng, huyện Bất-Bạt, tỉnh Sơn-Tây, nơi gần núi Tản sông Đà; và mất ngày 17 tháng 6 năm 1939, tại nhà số 71 ngã tư Sở Hà-nội.

Thân-phụ ông là cụ cử-nhân Nguyễn-danh-Kế làm quan đến án-sát. Thân-mẫu là một người cũng có Nho học và đã từng họa thơ với bà Nhan-Khanh con gái quan phó-bảng Vân-đình.

Xuất thân trong một gia-đình khoa bảng, thuở nhỏ, ông Tản-Đà cũng theo cử-nghiệp. Nhưng thi mấy lần đều không đỗ. Rồi sau khoa Nhâm-tý (1912) ông theo học chữ quốc-ngữ, và bắt đầu viết *Giấc Mộng Con*.

Sau đó, Tản-Đà được cụ Trịnh-xuân-Nham giáo-thụ trường Hậu-bổ giới-thiệu với ông Nguyễn-văn-Vĩnh. Thi-văn của Tản-Đà được đăng lên Đông-dương tạp-chí, và được nhiều người chú-ý.

Khi phong-trào cải-lương ở Bắc nhóm lên, ông được ông Nguyễn-đình-Cao mời về cộng-tác. Ông soạn các vở tuồng Tây-Thi, Lưu-Nguyễn nhập Thiên-Thai v. v... Dần-dà, ông cho xuất-bản những tác-phẩm : *Khối tình con*, *Khối tình*, *Lên Sáu*, *Lên Tám*, *Đài gương*, *Đàn-bà Tàu*.

Kể đó, Tản-Đà được các ông Nguyễn-huy-Hội, Nguyễn-mạnh-Bảo mời làm chủ-bút báo Hữu-Thanh. Được ít lâu, ông từ chức và xuống làng Văn-quán cùng với hai ông Nghiêm-thượng-Văn, Đặng-đức-Tô lập Tản-Đà thư-cục ở hàng Gai.

Trong thời-gian này, Tản-Đà cho xuất-bản các tác-phẩm : *Thiên Quốc-phong*, *Đại-học* và *Quốc-sử huấn-mông*. Rồi ra tờ An-nam tạp-chí. Tờ này ra được ít lâu phải tự đình-bản vì tài-chánh ngặt-nghèo, ông Tản-Đà phải quay về dịch Đường-thi cho báo Ngày Nay, chú thích truyện Kiều và dịch Liêu-trai Chí-dị cho nhà xuất-bản Tân-Dân, cùng giữ mục thi-đàn cho Tiểu-thuyết tuần-san.

Ngoài sự-nghiệp thi-văn trên này, ông Tản-Đà còn thuyết minh cả triết-học Phật-giáo và giúp cho tờ « Tiếng Chuông Sớm » cơ-quan của hội Phật-giáo do sư-cụ tổ Đinh-xuân-Lạc chủ-trương.

THI TUYỂN

TỰ TRÀO

(Sau khi hỏng thi ở trường Nam-định)

Vùng đất Sơn-tây nẩy một ông,
Tuổi chửa bao nhiêu văn rất hùng.
Sông Đà núi Tản ai hun-đúc?
Bút Thánh câu Thần sớm vãi-vung.

Chữ chữ nôm nôm nào kém cạnh,
Khuyên khuyên điểm điểm có hay không ?
Bởi ông hay quá, ông không đỗ,
Không đỗ ông càng tốt bộ ngông.



BỨC DƯ-ĐỒ RÁCH

Nọ bức dư-đồ thử đứng coi,
Sông sông núi núi khéo bia cười ;
Biết bao lúc mới công vờn-vẽ,
Sao đến bây giờ rách tả-tơi ?
Ấy trước ông cha mua để lại,
Mà sau con cháu lấy làm chơi.
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi.



MẢNG CON QUỐC TIẾC XUÂN

(Gởi cho các chiến-sĩ tại
Đông-kinh Nghĩa-thục)

Ai khuyên con quốc nó đừng kêu,
Xuân đã qua rồi cứ gọi theo...
Sao cứ lo-co trong bụi rậm,
Lại còn eo-óc với trời cao !

Cỏ non nước lục chờ mi mãi,
Liễu-yếu đào-tơ chán kẻ yêu.
Đen-đủi chẳng nên năn-nỉ phận,
Mặc cơn mưa sớm, hạt mưa chiều.



CHIẾC TÀU AN-NAM

Bốn bể năm châu náo cuộc đời,
Con tầu bản-quốc chị em ơi!
Tấm thân dầm nước đà nên sắt,
Tiếng hiệu non sông mới hét còi.
Vồn-vã gió mưa cơn giục khách,
Mông-mênh trời bể bước ra khơi.
Hỏi thăm Âu-Mỹ bờ đâu bến,
Mở máy quay guồng mấy độ chơi.



MUỐN LÀM THẰNG CUỘI

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần-thế em nay chán nữa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu có bạn can chi tủi,
Cùng gió cùng mây thế mới vui.
Rồi cứ mỗi đêm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế-gian cười.

KIẾP CON QUAY

Trời sinh ra kiếp con quay,
Quay tít mù xanh nghĩ cũng hay.
Lì-mít giang-sơn khi chóng mặt,
Đùng lăn thiên địa lúc rời tay.
Lăng-băng thân-thế đi đi đứng
Nghiêng-ngả quan-hà, tỉnh tỉnh say.
Thân tớ ví to bằng quả đất,
Cũng cho thiên-hạ có đêm ngày.



THĂM BÙ-NHÌN

Lơ-láo kìa ai đứng cạnh bờ;
Trần-ai tri-kỷ đã ai chưa?
Ba thu mưa gió người trơ mộc;
Bốn mặt giang-sơn áo phất cờ.
Được việc thế thôi cày chẳng biết,
Khinh đời ra dáng gọi không thưa.
Lâu nay thiên-hạ văn-minh cả,
Bác mấy ngàn năm vẫn thế ư?



THÚY-KIỀU HẦU RƯỢU HỒ-TÔN-HIẾN

Tiếng sấm ân-tình bốn mặt ran,
Tướng-quân chi tiếc cánh hoa tàn.
Đôi hàng nước mắt đôi làn sóng,
Nửa đám ma chồng nửa tiệc quan.

Tổng-đốc ví thương người bạc mệnh ;
Tiền-đường đâu đến mả hồng-nhan.
Kìa kìa nấm đất bên sông nọ,
Hồn có nghe chăng mấy giọng đàn.



CÁI GIỐNG YÊU HOA

Cái giống yêu hoa lạ lạ đời,
Mắt xanh chưa lọt đã mê tơi.
Chim trời, cá nước duyên ai đó !
Vía dại hồn khôn chết dễ chơi !
Xa cách ngoại trăm nghìn dặm đất,
Ước-ao trong sáu bảy năm trời.
Cái mê vô ích mà mê dại !
Mê dại mà mê mãi chẳng thôi.



NHỚ MỘNG

Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi,
Tỉnh rồi lại muốn mộng mà chơi.
Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng ;
Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời.
Những lúc canh gà ba cốc rượu ;
Vài khi cánh điệp bốn phương trời.
Tìm đâu cho thấy người trong mộng ;
Mộng cũ mê đường biết hỏi ai ?

PHONG THI

Suối tuôn róc-rách ngang đèo,
Gió thu bay lá, bóng chiều về tây.
Chung quanh những đá cùng cây;
Biết người tri-kỷ đâu đây mà tìm?
Hỏi thăm những cá cùng chim,
Chim bay xa bóng, cá chìm bặt tăm.
Bây giờ vắng mặt tri-âm,
Lấy ai là kẻ đồng-tâm với mình?
Nước non vắng khách hữu tình,
Non xanh nước biếc cho mình nhớ ai?

Đêm thu gió đập cành cau,
Chồng ai xa vắng, ai sầu chăng ai?
Đêm thu gió hút ngoài tai,
Gió ôi có biết chồng ai nơi nào?
Đêm thu gió lọt song đào,
Chồng ai xa vắng, gió vào chi đây?
Đêm khuya gió lọt đồi mây,
Gió ơi, có biết nỗi này cho chăng?

Muốn ăn rau sắng chùa Hương,
Tiền đò ngại tốn con đường ngại xa.
Người đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thời khú, cái cà thời thâm.

Ai ơi đợi với tôi cùng,
Tôi đi kiếm rượu cho chồng tôi sơi.
Chồng hư mang tiếng mang tai.
Tiếng tái thiếp chịu, hơn ai không chồng.

Con cò lặn lội bờ ao,
Phất-phơ đôi giải yếm đào gió bay.
Em về dục mẹ cùng thày,
Cắm sào đợi nước biết ngày nào trong ?
Con cò lặn lội bờ sông,
Ngày xanh mòn-mỏi, má hồng phôi-pha.
Em về dục mẹ cùng cha,
Chợ trưa dưa héo, nghĩ mà buồn tênh.



THỀ NON NƯỚC

Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời « nguyện nước thề non »,
Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối tuôn dòng lệ nhớ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời Tây chiều bóng tà-dương,
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi-pha.

Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù như sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
Non xanh đã biết hay chưa ?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội-ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui.
Nghìn năm giao-ước kết đôi ;
Non non nước nước không nguôi lời thề.



NÓI CHUYỆN VỚI ẢNH

Người đâu ? Cũng giống đa tình,
Ngỡ là ai, lại là mình với ta.
Mình với ta dẫu hai mà một,
Ta với mình dẫu một mà hai.
Năm nay mình mới ra đời,
Mà ta ra trước đã ngoài đôi mươi.
Cuộc nhân-thế câu cười tiếng khóc,
Nghề sinh-nhai lối dọc đường ngang.
Đầu xanh ai điểm hơi sương,
Những e cũng thẹn, những thương cũng sầu,

Đôi ta vốn cùng nhau một tướng,
Lạ cho mình cũng sướng như tiên.
Phong-tư tài-mạo thiên-nhiên,
Không thương không sợ không phiền không lo.
Xuân bất tận trời cho có mãi,
Mảnh gương trong đứng lại với tình.
Trăm năm ta lánh cõi trần,
Nghìn năm mình giữ tinh-thần chớ phai.



TỐNG BIỆT

Lá đào rơi rắc lối Thiên-thai,
Suối tiễn oanh đưa, những ngậm-ngùi.
Nửa năm tiên-cảnh,
Một bước trần-ai.
Ước cũ duyên thừa có thế thôi.
Đá mòn rêu nhạt,
Nước chảy hoa trôi.
Cái hạc bay lên vút tận trời !
Trời đất từ nay xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ-thẩn bóng trăng chơi.



CON CÁ VÀNG

Nước giếng trong xanh, lơ-lửng con cá vàng.
Sân ngô cành bích, con chim Phượng-hoàng nó đậu cao.
Anh tiếc cho em phận gái má đào,
Tham đồng bạc trắng gán mình vào cái chú Tây đen.
Sợi tơ mành ai khéo xe duyên,
Để bức tranh Tố-nữ đứng bên ông tượng đồng.
Chị em ơi, ba bảy đường chồng...



HỎI GIÓ

Cát đâu ai bốc tung trời?
Sóng sông ai vỗ, cây đồi ai rung?
Phải rằng: dì gió hay không?
Phong tình đem thói lạ-lùng trêu ai?

Khoái tai phong dã!
Giống vô-tình cây đá cũng mê tơi.
Gặp gió đây hỏi một đôi lời,
Ta hỏi gió quen ai mà phảng phất?
Thử thị Đà-giang phi Xích-bích,
Dã vô Gia-Cát dữ Chu-Lang!

Ai cầu phong? Mà gió tự đâu sang?
Hay mãi khách văn-chương tìm kết bạn?
Gió hỡi gió, phong-trần ta đã chán:
Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong.
Nên chăng gió cũng chiều lòng.



LẠI SAY

Say-sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say.
Đất say đất cũng lăn quay,
Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười...

Say chẳng biết phen này là mấy!
Nhìn non xanh chẳng thấy lại càng say.
Quái! Say sao? Say mãi thế này,
Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh.
Thế ngôn túy tửu chân vô ích,
Ngã dục tiêu sầu thả tự-do.
Việc trần-ai, ai tỉnh ai lo,
Say túy-lúy nhỏ to đều bất kể.
Trời đất nhỉ! Cái say là sướng thế!
Vợ khuyên chồng ai dễ đã chừa ngay.
Muốn say-lại cứ mà say.





THÚC-GIẠ-THỊ

THÚC - GIẠ - THỊ

LÀ một nhà thơ lão-thành nhất trong các nhà thơ còn sống và còn viết, cụ Thúc-giạ-Thị chính tên là Ưng-Bình sinh năm Đinh-Sửu, dương-lịch 1877.

Giòng giõi hoàng-tộc, cụ Thúc-giạ-Thị là cháu nội Tuy-lý-Vương một thi-gia nổi tiếng ở thế-kỷ 19 mà vua Tự-Đức đã phải khen là ngang với các nhà thơ Thịnh-Đường (Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán, Thi đáo Tung Tuy thất Thịnh-Đường).

Cụ học đến thi đỗ cử-nhân Hán-tự và quan đến Lễ-bộ Thượng-thư. Nhưng cái thích của cụ không phải ở chỗ nơi lá ngọc cành vàng, ở chỗ khoa-hoạn và công-danh hiển đạt mà thích ở rượu thơ đàn hát, ở gió trăng sông núi.

Cụ làm thơ rất nhiều, nhưng ít có đăng báo. Tuy nhiên nói đến cụ, không mấy người không biết vì cụ là một nhà thơ nổi tiếng ở sông Hương núi Ngự được nhiều người chú ý, và hiện nay là hội chủ Hương-bình thi-xã ở Huế.

Về phạm-vi thơ, trước đây cụ có ít bài đăng trên các báo *Đông-phong tạp-chí* ở Sài-gòn, *Ngày Mai* ở Huế và mới đây có xuất-bản tập thơ *Tình Thúc-Giạ*, một thi-phẩm được làng thơ đặc-biệt thưởng-thức.

Là một nhà thơ thuộc về phái cổ, năm nay đã ngoại tám mươi rồi, nhưng đặc biệt ở trong thơ cụ vẫn còn cái tinh-thần khoáng-đạt, và nhiều lúc như đang vươn lên ở trước thế-hệ này.

TỰ-THUẬT

Đình hưu vách mây lại ngâm-nga,
Tức cảnh câu thi Tết gọi là.
Khoe cánh tìm hương con bướm liệng,
Vui lòng rủ bạn tiếng oanh ca.
Ngành cây cổ-thụ đương xây lá,
Ngọn bút tao-đàn cứ trổ hoa.
Tuổi thọ trời cho ai có hỏi,
Thưa rằng : Nay đã tám mươi ba.

Xuân Kỷ-Hợi 1959



TIẾT TRÙNG-DƯƠNG NĂM ĐINH-MÃO Ở HÀ-TỊNH

Xa ngái nhau chi mấy dặm trường,
Gió mưa thêm chạnh tiết Trùng-Dương.
Hoa lau trổ bạc đầu phơi tuyết,
Đóa cúc phai vàng mặt giãi sương.
Trăm giận, nghìn thương câu cảm-tác,
Một say, mười tỉnh chén tha-hương.
Non Hồng thử dạo lên cho đến,
Bẻ nhánh thù-du giữ lấy hương.

1928

ĐƯỜNG NA-BẸ

Trải khắp non sông một tỉnh nầy,
Ngả đường Na-Bẹ mới qua đây.
Trước sao cả núi, sau đều núi!
Trên những là cây, dưới cũng cây!
Năm động bảy đèo lên với xuống,
Trăm khe ngàn suối chuyển rồi xây.
Cõi Lào, đất Việt, phương Đông-Á,
Mà bản phân-cương viết chữ Tây!

1929



BUỔI CHIỀU ĐI DẠO BỜ SÔNG, TỨC CẢNH

Cám thương danh-lợi cả hai thằng,
Kẻ chống người chèo bộ xí-xăng.
Ghét cụm bèo trôi che bóng nước,
Giận chòm mây nổi khuất vành trăng.
Chim khôn nhát bẫy nhìn không đậu,
Cá dại ham mồi thấy phải ăn.
Câu hát bên sông thêm chạnh nỗi,
Ông chài lơ-lửng có nghe chăng!

1933



CẢM-HỨNG

Thế-giới ba ngàn vậy ở đâu ?
Họa-đồ trông thấy chỉ năm Châu.
Gió mây xáo lộn tuồng thiên-diễn,
Sông núi in nguy quả địa-cầu.
Nước biển no lòng con chuột lúi,
Cây rừng dựa tổ cái chim sâu.
Có chi chi cũng quyền ông Tạo,
Ai dại chi mà khóc bể dâu !

1940



DẠO CHƠI TRONG VƯỜN, TỨC CẢNH

Xởn gió sưa mưa buổi tạnh trời,
Dạo quanh vườn cũ ngắm thu chơi.
Mày xanh dương-liễu tơ tan tác,
Máy thắm phù-dung lụy nhỏ rơi.
Xây tổ bầy ong đương rủ bạn,
Liệng vành con bướm vẫn trêu ngươi.
Tình nầy, cảnh ấy, khi hiu-quạnh,
Khói lửa xa xa nhớ cuộc đời.

1941





CAO-NGỌC-ANH

CAO-NGỌC-ANH

LÀ một nhà thơ rất giỏi về Hán-học và là cao niên nhất trong các nữ-sĩ ở Việt-Nam hiện nay, nữ-sĩ Cao-ngọc-Anh năm nay 82 tuổi, tức sinh năm 1878.

Quê tại Lam-sơn tỉnh Nghệ-an (Trung-việt), nữ-sĩ là con gái cụ Đông-các Cao-xuân-Dục, bào muội ông Hiệp-tá phó bảng Cao-xuân-Tiếu.

Xuất thân trong gia-đình thế-gia vọng-tộc, nữ-sĩ sớm được thân-phụ cho theo đòi nghiên bút.

Năm 19 tuổi, nữ-sĩ kết duyên với ông án Nguyễn-duy-Nhiếp con cụ cần chánh Nguyễn-trọng-Hiệp.

Về làm dâu nhà họ Nguyễn, nữ-sĩ sinh-hạ được 3 con (một 5 tuổi, một 3 tuổi và một mới 4 tháng) thì ông Nguyễn-duy-Nhiếp từ trần.

Năm ấy, nữ-sĩ mới 26 tuổi, nhưng quyết ở vậy thờ chồng nuôi con, và đem tâm-sự gởi vào văn thơ.

Nữ-sĩ chẳng những giỏi về thơ nôm mà còn cả về thơ chữ Hán. Ai đọc tập *Khuê-sầu Thi-thảo* của nữ-sĩ cũng phải khen là tú khẩu cẩm tâm. Trong tập này, nữ-sĩ viết đủ các loại : bát cú, tứ tuyệt, ngũ ngôn, hát nói, văn tế... Và có người đã khen bài « Đào hoa khẩu chiếm » của nữ-sĩ không kém chi bài « Hoa đào năm ngoái » của Thôi-Hộ đời Đường.

Nữ-sĩ hiện ở Sài-gòn và là một hội-viên của hội Khổng học Việt-Nam. Tuy tóc đã bạc nhiều, mắt phải luôn luôn đeo kính, nhưng tinh-thần vẫn sáng-suốt, nói-năng vẫn ôn-hòa và cử-động vẫn còn hoạt-bát lắm.

THI TUYỂN

ĐÀO HOA KHẨU CHIẾM

Tích niên lang tháp song đào thụ,
Kim kiến đào hoa bất kiến lang.
Giả-sử hoa thần như hữu thức,
Vị lang tiều tụy giảm dung quang.

TỰ DỊCH :

Song đào chàng mới trồng năm trước,
Nay thấy đào hoa chẳng thấy chàng
Ví khiến thần hoa như có biết,
Vì chàng nhan sắc giảm phần chăng ?



HOÀNG-HÔN

Hoàng-hôn tối thị vô liêu lại,
Nhân tự thương tâm, nhật tự tà.
Lâu thượng nhất huỳnh tùy nguyệt-độ,
Liêm tiền sổ điểu họa phong ca.
Văn-chương hồi thủ đô trần mộng.
Phú quý nhàn phao khán lạc hoa.
Tận nhật bế môn duyên để sự,
Sầu thời yếm kiến túc nhân đa.

TỰ DỊCH :

Chiều hôm rất đỗi buồn khôn tả,
Người đã đau thương bóng lại tà.
Trên gác đóm lòe, trăng dọi bóng;
Trước rèm chim hót, gió hòa ca.
Ngẫm xem chữ nghĩa như trò mộng;
Nhẹ ném giàu sang tựa cánh hoa.
Đóng cửa thâu ngày âu cũng thế,
Khi buồn chán thấy khách vào ra.



CẢNH NƯỚC LỤT

(Gởi Bà Sầm-Phổ)

Phảng-phất xa nghe tiếng sóng dờn,
Trời thu như gợi tấm lòng son.
Kiến ong vơ vẩn tìm cây-cối,
Hoa cỏ tơi bời tủi nước non.
Trăng sớm xa trông miền cố-đô;
Mây chiều như vẽ bóng cô-thôn.
Quần-thoa ai kẻ tri-âm đó,
Ngâm họa vài câu đỡ lúc buồn.



THĂM ĐOÀN HƯỚNG-ĐẠO Ở NÚI BẠCH-MÃ

Đường lên hướng-đạo đá cheo leo,
Mỏi gối chồn chân cũng gắng trèo.
Trên núi mịt-mù mây phủ kín ;
Dưới khe róc-rách nước trong veo.
Cờ vàng một ngọn treo cao ngất,
Nhà ngói vài gian bỏ vắng teo.
Ướm hỏi rừng xanh ai chủ đó,
Ù ù gió thổi tiếng thông reo.



DẠO THUYỀN TRÊN HƯƠNG.GIANG VỚI CÔ ĐÀO TUYẾT-NGỌC

(CA-TRÙ)

Nhất diệp khinh châu lăng vạn khoảnh,
Giữa sông Hương mà lanh lảnh tiếng Hồng-Lam.
Khúc cao ca dìu dặt với cung đàn,
Bỗng gặp khách Trường-an thi-xã.
Văn tự tiền duyên giai cố ngã,
Cầm ca cựu khúc tức tân thanh.
Vẻ thiên-nhiên lắm thú hữu tình,
Kìa gió mát trăng thanh ta với bạn.
Kho tạo-hóa chi vô tận tạng,
Góp cùng nhau lạng mạng cuộc mua vui.
Kìa kia cá nước chim trời.

VĂN-TẾ MẸ

Mây Hàng một đám xa xa, cõi trần-thế mơ-màng nửa giấc ;
Núi Dĩ nghìn trùng thăm-thẳm, cuộc tang-thương đau-đớn trăm năm.
Phũ-phàng chi mấy trời xanh,
Chua xót thay lòng con đỏ.

Nhớ mẹ xưa

Tính trời cần-kiệm,
Nết đất thảo hiền.
Vào bậc bố-kinh,
Vốn dòng thi lễ.
Liễu yếu đương tuần đãi giá, chốn phòng khuê trăm nết giữ gìn,
Đào non vịnh chữ nghi gia, việc trung quỹ một mình cáng-đáng.
Tay nội-trợ đã nên tài phụ tướng,
Lòng trai thành thêm rạng đức tổ tôn,
Kiều mộc một cây, cát lũy tuyết sương che-chở ;
Vườn xuân mấy độ, địch hoàn khuya sớm khuyên răn.
Này phú, này quý, này thọ, này khang, này ninh, ở hậu trời cho đủ phúc ;
Nào rể, nào dâu, nào con, nào cháu, nào chắt, khi vui cảnh cũng chiều người.

Thiếu gì võng, thiếu gì dù, thiếu gì cửa tía nhà son, nền chung-đỉnh nên ngôi mệnh-phụ ;
Mà vẫn cày vẫn cửi, vẫn vườn rau ao cá, việc điền-viên vui thú nông-gia.
Phong lưu khác thói thường tình, cuộc tiêu-khiển mượn vui ty trúc ;
Tình tứ nên câu tuyệt diệu, nhà tập rèn vả cũng bút nghiên.
Tuy lò tạo đúc khuôn xanh, cho vuông được vuông, cho tròn được tròn, rủi may âu cũng số trời, con nào quản lênh-đênh chút phận ;
Mà nhà xuân đầy sắc tía, sinh hoa mừng hoa, sinh nụ mừng nụ, tươi tốt đã đành mặt đất, mẹ giúp nên vinh-hiển một nhà.
Bể rộng non cao, công-đức kể muôn nghìn ức triệu ;
Ngày qua tháng lại, xuân-thu mong tám chín mười mươi.

Ai ngờ !

Con mới quy-ninh,
Mẹ đà vĩnh-quyết.
Biển thọ chúc song đường cụ khánh, nét chữ vàng chưa lạt màu son ;
Số nhân-sinh bách tuế vi kỳ, gương tóc bạc bỗng lòa nước thủy.

Đã buồn nỗi năm canh giấc điệp, khối đoạn trường gửi đá vọng phu ;

Lại đau lòng một phút xe loan, giọt hàng lệ nên dòng từ-mẫu.

Thơ-thẩn Lục-đường mượn hứng, rượu Bùi-tương chén đầy chén cạn, lúc thu thanh cảm nỗi cha già ;

Vội-vàng Lê-các từ quy, áo Mạnh-công mũi nhặt mũi thưa, bóng xuân nhật thương tình anh cả.

Nỗi xa, xót đàn con ríu-rít, tìm Bà ngoại ngơ ngơ ngác ngác, biết lấy ai chia ngọt chia bùi ;

Nỗi gần, thương hai chị ngẩn-ngơ, nhớ mẹ già viếng viếng thăm thăm, cực những lúc chạy đi chạy lại.

Ngoài nghìn dặm nặng tình tang tử, mẹ vội về chi ?

Dưới cửu-tuyền chăm việc thần hôn, chàng ơi thay với !

Thương thay !

Chút tình máu mủ ;

Mấy đoạn ruột già.

Mẹ con vẫn tình sâu,

Sống thác là sự lạ.

Ba năm tóc rối, núi Hồng-sơn cao đắp dạ sầu ;
Chín khúc tơ vò, sông Lam-thủy chảy đầy nước mắt.
Nghĩ đến cù-lao chín chữ, khôn đúc người vàng ;
Gọi là báo đáp ba xuân, kính dâng lễ bạc.

Than ôi !





HUYỀN - MẶC ĐẠO - NHƠN

HUYỀN-MẶC ĐẠO-NHÂN

LÀ một vị túc nho lão thành, thi-sĩ Huyền-Mặc Đạo-Nhân sanh năm Tân-Tỵ (1881), người làng Ỷ-la, tổng La-nội, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông (Bắc-Việt).

Cụ Huyền-Mặc xuất thân trong một gia-đình Nho-học, cụ học chữ Hán rất tinh-thông, nhưng không chịu dự thí khoa nào.

Cụ theo học chữ quốc-ngữ, rồi vào Sài-gòn ở từ năm 1926. Cụ sống bằng nghề báo và phiên dịch chữ Hán. Cụ trước thuật tất cả có đến gần trăm quyển, nhưng hiện nay chỉ còn giữ lại được mấy quyển là Đường-thi hợp-tuyển, Kim-vân-Kiều chú-giải và một vở tuồng là « Tình cảnh sông Ngân ».

Cụ là một người trong lớp của các ông Diệp-văn-Kỳ, Đào-trinh-Nhất, Đặng-thúc-Liêng, Hồ-biểu-Chánh v. v... và đã từng đăng thơ trên các báo : Đuốc nhà Nam, Trong khuê phòng, Nông-công-thương, và Tân-Á v v...

Hiện nay cụ sống trong một căn nhà lá ở xóm Cầu Bông (Gia-định). Tuy tuổi đã gần 80, nhưng tinh-thần vẫn còn cứng cát, hàng ngày vẫn làm thơ, và sắp sửa cho ra tập « Mùi đời » một tác-phẩm trên ngàn trang gồm đủ các thể thơ văn và chuyện ký.

THI TUYỂN

SOI GƯƠNG NÓI CHUYỆN VỚI BÓNG

Ta ngỡ rằng ai? chẳng hóa mình;
Mặt càng nhìn mặt lại càng xinh.
Khi cười thân thế câu chân lạc;
Lúc khóc trần ai chuyện bất bình.
Mở mặt non sông ngẩn-ngại bóng;
Chau mày hoa cỏ ngẩn-ngơ hình.
Nỗi niềm tâm-sự cùng ai nói?
Mình biết cho ta, ta biết mình.



CHIỀU HẢI-VÂN

(Bài này đọc quanh theo đủ thể cách)

Chiều hôm cảnh rộn khách Đông, Tây;
Ấy nước non chia dạ đó đây.
Hiu-hắt nửa đèo khe hút gió;
Mịt mù làn biển bãi tuôn mây.
Xiêu xiêu lộn sóng lồng trăng giỡi;
Ngụt ngụt quanh đồi vẩn khói xây.
Nhiều ít mối sanh tình cám cảnh;
Kiều-lam phải chẳng thuốc chi say.

BÀI ĐỌC NGƯỢC

Say chi? thuốc chẳng phải Lam-kiều;
Cảnh cám tình sanh mối ít nhiều.
Xây khói vẩn đồi quanh ngụt ngụt;
Giõi trăng lồng sóng lộn xiêu xiêu.
Mây tuôn bãi biển làn mù mịt,
Gió hút khe đèo nửa hắt-hiu.
Đây đó dạ chia non nước ấy,
Tây, Đông khách rộn cảnh hôm chiều.

1948



HOA NGUYỆT

Một đêm hoa nguyệt, một đêm mây;
Hoa nguyệt trêu người vẫn thuở nay.
Nguyệt nhuộm mầu hoa in lấy ngấn;
Hoa dìu bóng nguyệt rọi vào cây.
Trước hoa đợi nguyệt người bên ấy,
Dưới nguyệt xem hoa kẻ chốn này.
Tình nguyệt hoa chung đây với đó;
Cảnh hoa nguyệt xẻ đó cùng đây.



VĂN-TẾ MỘT VỊ QUAN THAM TÀN

(Làm cho dân trong Hạt)

Than ôi !

Mấy năm đài-các, giấc hoàng lương mê-tỉnh,
tỉnh mà mê ;
Một trận ba đào, cuộc tang hải đổi thay,
thay lại đổi.
Kiếp phù sinh buổi sớm giọt sương sa !
Hồn ảo mộng ban đêm cơn gió hối.

Kính duy quan lớn :

Mặt sắt đen xì,
Hơi đồng đỏ chói.
Lòng hiểm hơn sông,
Máu tham thành suối.
Đấng trượng-phu quần áo bảnh-bao ;
Hàng nam-tử mày râu nhẵn-nhụi.
Nơi thành-thị bóng hồng thấp-thoáng, mắt đã
nẩy hoa ;
Cửa công-hầu vạc dõi sôi trào, miệng từng
nhỏ dãi.
Lửa dục kem lòng ;
Mùi đời nhức mũi.
Hang nguyệt tìm đường ;
Thang mây kiếm lối.
Trong cửa son chui đã hói đầu ;
Ngoài dặm tía chạy đà mỏi gối.

Gặp buổi mù trời bắt két, bậc thang cao dầu nhẩy nhẩy bay bay.
Nhân khi đục nước béo cò, lưới ngư lợi mặc đơm đơm dủi dủi.
Cá nước phải duyên,
Rồng mây gặp hội.
Ra mặt cướp ngày,
Lòn trôn bợ tối.
Đã thỏa lòng ăn cả ngôi cao;
Cho bõ lúc ra lòn vào cúi.
Cái thù nô-lệ tính đền bù,
Món nợ công-danh lo trắng trọi.
Trên công sảnh sấm vang mặt đất, hàng bán cam ngọc dát ngoài da;
Dưới dân gian bóng quáng đèn trời, phường cắp chợ vàng chui lọt túi.
Bạc đâm toạc giấy, luật kim ngân trắng đổi đen thay;
Than đút vào lò, miệng gang thép lửa mang bễ thổi.
Mặc sức hoang dâm,
Dầu lòng dữ-dội.
Vẻ-vang giữa cõi phồn-hoa;
Rong-ruổi trên đường thế lợi.
Bày cô các cậu, ngựa ngựa xe xe,

Bà lớn hầu non, chăn chăn gối gối.
Vợ no con ấm, đều là máu mỡ sanh dân;
Nhà rộng cửa cao, hết thảy thịt da xã-hội.
Những tưởng chuông rung vạc nấc, quan giai lần mọt nước sâu dân;
Nào dè nước chảy hoa trôi, ma quỷ vội đưa đường dẫn lối.
Hay là chốn tham thao địa-phủ triệu xuống dùng tài;
Hay là nơi thẩm-phán thiên-đình, đòi lên hỏi tội?...

Ôi thôi!

Quạnh-quẽ bóng tà;
Bâng-khuâng mây nổi.
Dấu ngựa mờ rêu;
Cửa hầu lạt khói.
Ngõ không én liệng, cảnh thê-lương sầu lại thêm sầu;
Hoa rụng bướm thưa, tình thảm-đạm nói khôn xiết nói.
Nào những lúc nghênh-ngang thềm ngọc, gái to ghé đít, trai trẻ châu đầu;
Tới bây giờ hiu-quạnh suối vàng, quỷ tốt kìm da, ma-vương khởi gối.

Buổi vinh-hoa kìa kẻ đón người đưa;
Cơn tiều-tụy ấy ai thăm ai hỏi?...

Chúng tôi :

Trăm họ trên đời,
Mấy năm dưới cõi.
Đem phận ngựa trâu,
Gởi hàm hùm sói.
Xiết bao nghẹn cổ nghẹn hầu;
Biết mấy chịu trăng chịu trói.
Đau thấu tận xương;
Oán sâu tới phổi.
Nghĩa quan dân cũng kể một ngày;
Tình non nước những căm nhiều nỗi.
Từng đã nghiệp xiêu vì chánh ngược, chỉ có bạc tiền;
Gọi là lễ bạc gởi lòng thành, chút dâng gạo muối.
Than ôi thương thay!
Nói càng thêm tủi!...





THƯỢNG - TÂN - THỊ

THƯỢNG-TÂN-THỊ

LÀ một tay Nho-học thuộc phái Bảo-hoàng, nhà thơ Thượng-tân-Thị chính tên là Phan-quốc-Quang, người phủ Thừa-thiên (Huế) sinh vào khoảng năm 1880.

Cụ vào Nam từ khi ông Thành-Thái Tây du. Sau khi bao phen đông bôn tây tẩu, cụ đã trở nên người chán đời, với cái vẻ thu lời nghe tiếng nói vào cho mình và tự mình trả lại với đời rất ít. Cụ là một ông đồ dạy chữ Nho ở một xóm hẻo lánh thuộc xã Tam-bình, quận Vũng-liêm, tỉnh Vĩnh-long và đã từng làm thơ đăng trên nhiều tờ báo ở Sài-gòn trước đây như : Đuốc nhà Nam, Đại-việt tạp-chí, và Nam-kỳ tuần báo, v. v... và là bạn thanh khí của các ông Trần-chánh-Chiêu, Đặng-thúc-Liêng, Hồ-biểu-Chánh, Diệp-văn-Kỳ trước đây.

Chính cụ là tác-giả bài thơ thập thủ liên hoàn « *Khuê phụ thán* » trước đây, một bài thơ thay lời bà Thành-Thái gởi cho chồng, dưới ký tên Nguyễn-thị-Phi, tức là một bà Phi nhà Nguyễn, mà dư-luận đương thời cho là một áng thơ kiệt-tác, nhưng lại lầm tưởng tác-giả là bà Nguyễn-hoàng-Phi, một bà phi của vợ vua Thành-Thái.

THI TUYỂN

KHUÊ PHỤ THÁN

Chồng hỡi chồng! Con hỡi con!
Cùng nhau chia cách mấy thu tròn.
Ven trời góc bể buồn chim cá;
Dạn gió dày sương tủi nước non.
Mộng điệp khéo vì ai lẽo-đẽo,
Hồn quyên luống để thiếp thon-von.
Ngày qua tháng lại trông đăm đắm,
Muôn dặm xa-xôi mắt đã mòn.

Đã mòn con mắt ở Phi-Châu,
Có thấy chồng con đâu ở đâu.
Dẫu đặng non xinh cùng bể tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu.
Trách ai dắt nẻo khôn lừa lọc,
Khiến thiếp ra thân chịu dãi-dầu.
Bớ bớ xanh kia sao chẳng đoái,
Xui lòng oằn-oại suốt canh thâu.

Canh thâu chưa nghỉ hãy còn ngồi,
Gan ruột như dầu sục sục sôi.
Nghĩa gá ấp yêu đành lỡ-dở.
Công cho bú mớm chắc thôi rồi!

Quyết gìn giữ dạ tròn sau trước,
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nhôi ?
Dâu bể xanh xanh trời một gốc,
Hỡi chồng ôi ! với hỡi con ôi !

Con ôi ruột mẹ ngấu như tương,
Bảy nổi ba chìm xiết thảm thương !
Khô héo lá gan cây đảnh Ngự ;
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.
Quê người đành gởi thân trăm tuổi,
Đất tổ mong vì nợ bốn phương.
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,
Để cho vẹn vẽ mối cang-thường.

Cang-thường gánh nặng cả hai vai,
Biết tỏ cùng ai, ai hỡi ai !
Để bụng chỉn e tầm đứt ruột,
Hở môi thì sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nương bóng chinh chinh một,
Kiến bể soi hình tẻ tẻ hai.
Nhắm thử từ đây qua đến đó
Đường đi non nước độ bao dai ?

Bao dai non nước chẳng hay cùng,
Xin gởi hồn ta đến ở chung.
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết ;
Trước sau khỏi thẹn với ba tùng.

Quê nhà đã có người săn-sóc,
Đất khách nương nhau khỏi lạ-lùng.
Mảng tính chưa xong vừa chợp mắt,
Trống lầu đâu đã đổ lung-tung.

Đã đổ lung-tung tiếng trống thành,
Giựt mình tỉnh dậy mới tàn canh.
Sương sa lác-đác dần tàu lá,
Gió thổi lai-rai lạc bức mành.
Cảnh ấy tình này thôi hết muốn,
Trời kia đất nọ nỡ bao đành.
Thương nhau chẳng đặng cùng nhau trọn,
Xin hẹn chung cùng kiếp tái sanh.

Kiếp tái sanh may có gặp không?
Kiếp này đành thẹn với non sông.
Chiêm-bao lẩn-thẩn theo chân bướm,
Tin-tức bơ-vơ lạc cánh hồng.
Tính tới tính lui thân cá chậu;
Lo quanh lo quẩn phận chim lồng.
Đã không chung hưởng thôi thời chớ,
Sao nỡ xa nhau chồng hỡi chồng?

Hỡi chồng có thấu nỗi này chăng?
Sóng gió khi không dậy đất bằng.
Non nước chia hai trời lộng lộng;
Cha con riêng một biển giăng giăng.

Mối sầu kia gỡ khoanh chưa hết ;
Giọt thảm này tuôn bửng khó ngăn.
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng-gạo,
Canh chầy còn ở dưới cung trăng.

Ở dưới cung trăng luống nỉ-non,
Đắng cay như ngậm trái bồ-hòn.
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỏn,
Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn.
Lần mõ làng xa canh cốc cốc,
Tiếng chuông chùa cũ dộng bon bon.
Nỗi riêng ai biết ta thương nhớ,
Chồng hỡi chồng ! Con hỡi con !

Ba-kè tháng 3 năm 1919



TRUY-NIỆM NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU

Thiên-hạ xôn-xao cuộc đảo huyền,
Đau lòng ngồi viết « Lục Vân-Tiên ».
Hiếu trung khuyên hãy cho bền chặt :
Tiết hạnh trau sao được vẹn tuyền.
Soi xét trên không vừng bạch-nhựt,
Nhớ thương sau có bọn thanh-niên.
Ngàn năm bồi đắp cang-thường đặng,
Một áng văn-chương miệng để truyền.

1943

NGỘ CỐ TRI

(Tặng Thường-Tiên Lê-quang-Nhơn)

Chứng với trên đầu thẳm thẳm xanh,
Vì đâu nên nỗi ngọn xa ngành ?
Minh-tân từ thuở chia vì bạn,
Cảm cựu bây giờ nhắc lại anh.
Giấc mộng Trần-quân mơ lạnh ngắt,
Câu thơ Bùi-lão đọc buồn tanh.
Bốn mươi năm lẻ dài đăng đẳng,
Gặp-gỡ nhau đây họa phước dành.

Gặp-gỡ nhau đây họa phước dành,
Chuyện xưa nhắc lại nghĩ buồn tanh.
Khôn đem chí-khí so hồng-hộc ;
Chỉ mượn thi hồn tỏ yến-anh.
Nước tổ bao giờ mây sạch ngút ;
Quê cha có thuở ngọn thêm ngành.
Dặn lòng tiết vững như tòng bá,
Chứng với trên đầu thẳm thẳm xanh.

19-7-1950





CHIÈU-DƯƠNG

CHIÊU - DƯƠNG

CHÍNH tên là Nguyễn-tác-Phụng, sinh năm Tân-mão (1890) ở làng Tự-nhiên, tổng Chương-dương, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông (Bắc-việt) ; Thi-sĩ Chiêu-Dương là một bực túc-nho trong thi-đàn hiện-đại và là một người đã từng bị nhà cầm quyền Pháp lùng bắt trong những năm 1909, 1910 vì có tham-gia vào phong-trào Cách-mạng. Cũng trong thời-kỳ này, Thi-sĩ đã từng đi khắp các tỉnh miền Thượng-du (Bắc-việt) và phía Bắc Trung-việt.

Ngoài cái học uyên-bác về Hán-văn, Thi-sĩ còn là một người theo Tây-học, và đã từng làm ở sở Công-chánh Tam-đảo một thời-gian.

Thơ của Thi-sĩ làm ra thường đầy giọng yêu nước và trước kia đã từng đăng trên các báo : Nước Nam, Trung-Bắc Tân-Văn và gần đây trên một vài tập-san ở Sài-gòn.

Thi-sĩ có một tập thơ lấy tên là « *Sơn-nhân nhàn bút* », tập này các bạn yêu thơ, nhất là các bực nho-học đều biết, nhưng chưa cho xuất-bản.

Hiện nay Thi-sĩ sống ở Sài-gòn với một đời sống của một người ẩn-dật, hàng ngày thường vẫn uống rượu ngâm thơ và tiếp-tục làm thơ.

Thơ của Thi-sĩ phần nhiều làm theo các thể cũ, và đọc lên ta thấy cái thú thanh-nhàn, sống ngoài vòng danh-lợi.

THI TUYỂN

VỊNH BỐN MÙA

XUÂN

Chim oanh lanh-lảnh hót,
Hoa mai tủm-tỉm cười !
Ngọn núi sương sa lạnh,
Làn cây lá non phơi.

HẠ

Hồ sen xanh ngắt lá,
Vườn lựu đỏ thắm hoa.
Chim muông sinh-sản độ,
Tiếng quốc khắp gần xa.

THU

Ngô-đồng lá vàng bay ;
Nước sông lẫn trời mây.
Đầy vườn hoa cúc nở,
Đêm trăng tựa ban ngày.

ĐÔNG

Núi bể khôn phân biệt
Trắng xóa một màu tuyết ;
Lá cây hạt ngọc reo,
Đào cười gió đông tiết.

TÔN PHU-NHÂN QUY THỤC

Lệnh mẹ mưu anh kết giải đồng,
Anh-hùng rõ mặt gái Giang-Đông;
Đèo-bồng về Thục vương lòng hiếu,
Quyến-luyến rời Ngô vẹn chữ tòng;
Sánh bậc phi-thường giòng đế trụ,
Cũng tay xuất-chúng gái nhà tông.
Cười ai bày kế nhân-duyên giả,
Vừa mất Kinh-Châu các má hồng.



ĐỜI

Đời ngán người ta hay ngán đời ?
Tuồng trời bày đặt lắm trò chơi :
Bạc, tiền, châu, báu làm mê dạ ;
Gạo, cá, chim, muông, để rử mồi.
Rút đến chiến-tranh vàng đá nát,
Chỉ còn phong-cảnh núi sông dài.
Đời người lại hạn là trăm tuổi,
Lao-lục, vinh-hoa cũng thế thôi.



SAY

Mượn chén tiêu sầu ngất-ngưởng say,
Không say hồ dễ biết trời quay.
Ù tai truyện nước nghe đâu rõ,
Hoa mắt tuồng đời diễn nọ hay.
Đất tưởng gồ-ghề đi sệnh-soạng,
Nhà ngờ siêu-vẹo chống loay-hoay.
Văn-nhân tài-tử nào ai tỉnh?
Có rượu như cờ phấp-phới bay.



VỊNH CON VỊT

Hình-dung tuy thấp, tiếng vang to,
Yêu nước cho nên mới lặn mò.
Sấm-sét ầm trời dương mắt ngạo,
Móc-mưa thấm đất lướt đầu khô.
Vẫy-vùng dồn dẹp đàn tôm-tép
Đủng-đỉnh dong chơi khắp bể hồ.
Vương hóa ngoài vòng bay nhẩy nhẹ,
Tự-do quen tính của trời cho.



TỰ TRÀO

Ta nghĩ như ta mới thật gàn,
Ba đào chẳng bớt chút tiêu hoang.
Kim thư cổ-điển không buồn ngó,
Địa-lý thiên-văn lại thích bàn.
Chữ ít cũng khoe thơ phú giỏi,
Tiền khan nhưng vẫn rượu chè sang.
Tụng kinh cầu-nguyện quên mình hẳn
Mong độ sinh-linh cả thế-gian.



TAM-ĐẢO HOÀI-CỔ

Trông lên Tam-Đảo lẫn trời mây
Ba ngọn lô-nhô vẫn rãi bầy ;
Khói tỏa chùa Đồng khi ẩn hiện,
Nước reo suối Bạc lúc vơi đầy.
Lâu-đài phá hủy trơ nền móng,
Lăng miếu hoang tàn rợp cỏ cây.
Danh thắng Phong-Châu nay thế thế,
Trạnh niềm lối cũ dạ khôn khuây.

1947



MỪNG ÔNG KIỂM HỌC HỌ TRẦN HỒI HƯU

(Ông này là một vị Cử-nhân cựu học, hồi hưu ở Vĩnh-yên, tiệc tiễn-hành đặt ở Câu - lạc - bộ Vĩnh - lạc)

Cuối thu gió mát trăng trong,
Trên lầu Vĩnh-lạc đèn rong huy-hoàng.
Tiệc mừng lão hữu hồi quan,
Rượu nồng hương ngát tiếng đàn câu ca.

Mãn triều chu tử quý
Đấng nam-nhi thường để trí bước công-danh :
Nào bác-khoa, nào học-chính, nào tư-pháp, nào hành-chinh,
Đường xuất xử mỗi người tinh mỗi cách.
Nước non nào thiếu anh tài khách,
Trời đất thường nhiều phúc lộc nhân.
Trần Tiên-sinh vốn cựu học kiêm tân,
Đường giáo-huấn gây tình thân cho chủng-tộc.
Thiên tích thông-minh ấu tu học
Thánh phù công-dụng tráng nhi hành.
Nay tuổi cao, công-toại danh thành,
Ơn nhà nước thênh thênh nơi điền dã.
Tiệc luyến ái, anh em đông đủ cả,
Nâng chén quỳnh khánh hạ buổi hồi hương;
Chúc câu phúc thọ an-khang.

NHÀN NHẬT TẦM PHƯƠNG

Trăm năm trong cõi ở đời,
Chẳng vui cũng phí tuổi trời đã cho.
Dầu rằng tiền bạc đầy kho
Mà không phong nguyệt bồng hồ cũng hư.

Xuân bất lão nhân hà lão,
Lúc thanh-nhàn đủng đỉnh dạo tìm hoa,
Nào lan mai đào lý cúc trà,
So hương sắc mỗi hoa tươi một vẻ.
Chẳng trách bướm ong ham đáo-để
Nhẽ nào quân-tử lại vô tâm.
Đã chơi hoa ngắm-nghía ôm cầm,
Vậy thưởng-thức có tinh-thần mới thích.
Xuân khứ xuân hồi thi mãn bích,
Hoa hàm hoa tiếu tửu thiên tôn.
Rượu pha hương say tít càn khôn
Hoa đượm tuyết lại càng tôn vẻ quý.
Vườn Ngọc-uyển chị Hằng lưu ý
Khách tầm phương thường để trí vãng lai;
Còn xuân hoa nguyệt còn dài.





Á-NAM

Á-NAM

LÀ một nhà nho biệt phái, trong thi-ca chứa đầy những ý-tưởng luân-lý rất hợp với tính-tình và tư-tưởng hạng người bậc trung trong xã-hội nước ta, thi-sĩ Á-Nam chính tên là Trần-tuấn-Khải, sanh năm 1894 tại làng Quang-xán, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định (Bắc-việt).

Ông là một trong những cây bút tiền-phong và sở-trường nhất là những bài hát, như bài hát *Anh Khóa* không đâu là không biết, và phổ-thông đến nỗi người ta đã lấy cả vào đĩa hát ở miệng những tay danh ca bực nhất.

Thơ của ông đã từng đăng rất nhiều trên các báo-chí ở Hà-nội trước kia như *Trung Bắc*, *Nam-phong*, *Khai-hóa*, *Đông-dương* v v... và có 3 tập đã xuất-bản là *Duyên nợ phù-sinh* (quyển thứ nhất soạn năm 1921, quyển thứ hai soạn năm 1922), *Bút quan hoài* (quyển một và hai soạn năm 1926, và bị cấm lưu-hành trong thời còn thuộc Pháp), *Với sơn-hà* (xuất-bản năm 1936).

Ông di-cư vào Nam sau hiệp-định Genève và hiện nay là chủ-nhiệm kiêm chủ-bút tờ Văn-học tạp-chí, đồng thời là Chủ-tịch Nghiệp-đoàn Văn-nghệ-sĩ ở trong Tổng liên-đoàn Lao-công Việt-nam.

Sau khi cho tái-bản tập *Bút quan hoài* vào năm 1957, thi-sĩ Á-Nam Trần-tuấn-Khải còn định cho tái-bản bản dịch Thủy-Hử đã in năm 1924, và sẽ xuất-bản thêm những tác-

phẩm : *Phép làm thơ văn*, *Ngụ-ngôn cổ Việt*, *Xử-thế châm-ngôn*, *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, *Gia-huấn tự tự kinh*, 100 *bài tập đọc « Xử thế luân-lý »* và *Á-nam thi-văn toàn tập* gồm 3 quyển có thêm phần chú-giải.

THI TUYỂN

TRÁCH HOÀNG-THIÊN

Nghĩ trách Hoàng-thiên khéo dở-dang !
Sinh ta chi giữa buổi tang-thương ?
Đem thân đấu với chiêm-bao, cũng...
Vẽ mặt theo như bọn hát, thường...
Sống chẳng nên câu không khác chết,
Vui mà quá độ lại thêm thương.
Đã toan tu quách cho xong chuyện.
Giận cái tơ-tằm khéo vẩn-vương !



HAI CHỮ NƯỚC NHÀ

(Nghĩ lời ông Phi-Khanh dặn ông Nguyễn-Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu)

Chốn ải Bắc mây sầu ảm-đạm,
Cõi giời Nam gió thảm đìu-hiu.
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình.

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước,
Chút thân tàn lần bước dặm khơi ;
Trông con tầm-tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên :
Giống Hồng-Lạc, hoàng-thiên đã định,
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay,
Giời Nam riêng một cõi này,
Anh-hùng hiệp-nữ xưa nay kém gì !
Than vận nước gặp khi biến đổi,
Để quân Minh thừa hội xâm-lăng,
Bốn phương khói lửa bừng bừng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông !
Nơi đô-thị thành tung quách vỡ,
Chốn dân-gian bỏ vợ lìa con,
Làm cho xiêu tán hao mòn,
Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu !
Thảm vong-quốc kể sao xiết kể !
Trông cơ-đồ nhường xé tâm-can,
Ngậm-ngùi đất khóc giời than,
Thương tâm nòi giống lầm-than nỗi này !
Khói Nùng-lĩnh như xây khối uất,
Sóng Long-giang nhường vật cơn sầu ;
Con ơi ! càng nói càng đau...

Lấy ai tế-độ đàn sau đó mà ?
Cha xót phận tuổi già sức yếu,
Lỡ sa-cơ đành chịu bó tay,
Thân lươn bao quản vũng lầy,
Giang-san gánh-vác sau này cậy con.

Con nên nhớ tổ-tôn khi trước :
Đã từng phen vì nước gian-lao,
Bắc Nam bờ cõi phân mao (1)
Ngọn cờ độc-lập máu đào còn giây.
Kìa Trưng-Nữ ra tay buồm lái,
Phận liễu-bồ xoay với cuồng phong,
Giết giặc nước, trả thù chồng,
Nghìn thu tiếng nữ-anh-hùng còn ghi.
Kìa Hưng-Đạo gặp khi quốc biến,
Vì giống-nòi huyết-chiến bao phen !
Sông Bạch-Đằng phá quân Nguyên,
Gươm reo chính-khí, nước rền dư-uy.
Coi lịch-sử gương kia còn tỏ,
Mở dư-đồ đất nọ chưa tan,
Giang-san này vẫn giang-san,
Mà nay sẻ nghé tan đàn vì ai ?

(1) — Sách sử chép, những nơi giáp giới nước ta với nước Tàu thì ngọn cỏ chĩa lả ra hai bên. Nghia là nửa đường bên kia thì ngọn cỏ lả về Tàu, mà bên này thì ngọn cỏ lả về bên ta, cho nên gọi là phân mao ; phân mao tức là chia ngọn cỏ vậy.

Con nay cũng một người trong nước,
Phải nhắc cân Gia, Quốc đôi đường,
Làm trai hồ-thỉ bốn phương,
Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc-Hồng.
Thời-thế có anh-hùng là thế,
Chữ vinh-hoa sá kể làm chi !
Mấy trang hào-kiệt xưa kia,
Hy-sinh thân-thế cũng vì nước non.
Con đương độ đầu son tuổi trẻ,
Bước cạnh-tranh há để nhường ai ?
Phải nên thương lấy giống nòi,
Đừng tham phú quý mà nguôi tấc lòng.
Kiếp luồn cúi, đỉnh-chung cũng nhục ;
Thân tự-do, chiên chúc mà vinh.
Con ơi ! nhớ đức sinh-thành,
Sao cho khỏi để ô danh với đời.
Chớ lần-lữa theo loài nô-lệ,
Bán tổ-tiên kiếm kế sinh-nhai,
Đem thân đầy đọa tôi đòi,
Nhục-nhằn bêu riếu muôn đời hay chi ?
Sống như thế sống để sống mạt,
Sống làm chi thêm chật non sông !
Thà rằng chết quách cho xong,
Cái thân cẩu-trệ ai mong có mình !

Huống con cũng học hành khôn biết,
Làm giống người phải xét nông sâu;
Tuồng chi gục mặt cúi đầu,
Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đành!
Nỗi tâm-sự dinh-ninh nhường ấy,
Cha khuyên con có bấy nhiêu lời;
Con ơi! con phải là người,
Thì con theo lấy những lời cha khuyên.
Cha nay đã muôn nghìn bi-thảm,
Nói bao nhiêu tâm-khảm càng đau!
Chân mây mặt cỏ rầu rầu,
Càng trông cố-quốc mạch sầu càng thương!
Lời cha dặn khắc xương để dạ,
Mấy gian-lao con chớ sai nguyền;
Tuốt gươm thề với xương thiên,
Phải đem tâm-huyết mà đền cao sâu.
Gan tráng-sĩ vững sau như trước,
Chí nam-nhi lấy nước làm nhà,
Tấm thân xẻ với san-hà,
Tượng đồng bia đá họa là cam công.
Nữa mai mốt giết xong thù nghịch,
Mũi long-tuyền lau sạch máu tanh.

Làm cho đất động trời kinh,
Bấy giờ quốc hiển gia vinh có ngày!
Nghĩa-vụ đó, còn hay chăng tá?
Tính toan sao vẹn cả đôi đường.
Cha dù đất khách gửi xương,
Trông về cố-quốc khỏi thương hồn già.
Con ơi, HAI CHỮ NƯỚC NHÀ...



MẮNG BÙ-NHÌN

(MƯỠU)

Người đâu trơ-tráo lạ đời,
Ở đâu mà bỗng lạc-loài đến đây?
Tả-tơi áo phất cờ bay,
Ai cho vùng-vẫy đất này hỡi anh?

(NÓI)

Khéo anh rõ hợm đời quá ngán!
Coi chi đây, ai mượn mà coi?
Bớ vờ đâu tạ sự khoe tài!
Cây cỏ ấy há không người trương-chủ?
Mặt nạ tuồng đâu như cú rũ.
Quạ đen ai dám gửi gà con?

Trong năm Châu chi hiếm nước non,
Không kiếm cách sinh-tồn cho thỏa-thích ?
Can chi phải gậy vông khua tít,
Bắt nạt đàn sẻ nhít kiếm ăn quanh ?
Nữa một-mai mưa gió tan-tành,
Giống vô-ích yên lành sao được mãi ?
Đời như thế phỏng khôn hay dại ?
Kiếp đười-ươi nghĩ lại thử xem sao ?
Ăn không ai có ưa nào !



CÙNG BẠN CHƠI VỊNH HẠ-LONG

(Đêm nằm dưới thuyền)

1. Giời cao, bể rộng, bóng trăng xuyên,
Vắng ngắt đêm xuân một chiếc thuyền.
Sóng vỗ muôn trùng kinh mộng thẳm,
Giang-hồ ai lạ, những ai quen ?

2. Một gối lênh-đênh một bạn sầu,
Ngọn đèn le-lói mấy canh thâu.
Hàn-san chuông động thành Tô vẳng,
Nào bóng côn kình biết ở đâu ?

3. Đêm suông giời nước lẫn yên hà,
Tưởng nỗi non sông nhác nỗi nhà.
Mở giọng hò-khoan ai đó tá ?
Nỉ-non như khúc Hậu-đình-hoa.

4. Mấy làn mây cách bến Hòn-gai,
Lửa điện ân tình vẫn ánh soi.
Hỏi khách bồng-tang như có biết ?
Nhổ sào ta quyết vượt ra khơi.

(Giời sáng nhổ sào)

1. Non xanh sương úa, nước vàng soi,
Ánh-ỏi xa đưa tiếng gọi chài.
Mấy lá buồm con xuôi ngược gió,
San-hà riêng chất nặng thuyền ai ?

2. Giọng hò khoan nhặt, gió hiu hiu,
Buông lỏng non-sông một mái chèo.
Này tấm lòng trần toan gột rửa,
Thương giòng nước chảy vẫn trong veo.

3. Ngâm câu Xích-bích nhớ người xưa,
Vận trái, anh-hùng cũng ngẩn-ngơ ;
« Hoành sáo phú thi » chừng mấy kẻ,
Trăm năm thêm bận đám tiều ngư.

4. Duyên nợ chi đây khách với mình ?
Ngọn bèo chân sóng kiếp lênh-đênh.
Chịu sào đứng mũi sao ra mặt,
Cho bõ công ai lúc thác ghềnh.

(Vào hang Đầu gỗ)

1. Ngọn trào cát nổi, đá cây chen,
Cỏ đón hoa đưa cảnh dập-dìu.
Kìa động Kiền-khôn ai khéo mở ?
Non non nước nước một bầu tiên.

2. Nào nơi điểm lục, chộn tô hồng,
Nghìn trạng muôn hình bút hóa-công.
Cửa hé, bóng dương lồng vách gấm,
Hoàng-kim thế-giới phải đây không ?

3. Này bia ai khắc, chữ ai phê ?
Đá vẫn trơ gan có biết gì ?
Mong khách Vị-tân đâu vắng mặt,
Cùng ai than hỏi truyện hưng suy ?

4. Quét sạch tang thương đánh chén khà,
Ta say, ta lại đọc thơ ta.
Đào-nguyện ướm hỏi là đâu nhỉ ?
Ngoảnh lại non tây bóng xế tà.

(Ra về gặp sóng)

1. Giời khéo gây chi nỗi bất-bình !
Phong-trần theo mãi khách ba-sinh.
Sóng nhô đầu bạc kêu hồn nước,
Trông lại giang-san luống giựt mình.

2. Đã trót cùng nhau một chuyến đò,
Cũng liều bể Sở với sông Ngô.
Con thuyền tế-độ đừng non lái,
Đè sấn ba đào mới trượng-phu.

3. Ngậm-ngùi này những lúc chia tay,
Một chén quan-hà nửa tỉnh say.
Non nước như khơi hồn Lý, Đỗ,
Tình này cảnh ấy dễ bao khuây!

4. Trông lại Hòn-gay khuất mấy trùng,
Lâu-đài khói tỏa nước mênh-mông.
Giang-hồ muôn trượng ai tri-kỷ?
Vơ-vẩn riêng mình với núi sông...



GỬI THƯ CHO ANH KHÓA

(Quyển Duyên-nợ Phù-sinh thứ nhất có bài Tiễn-chân Anh Khóa, đến quyển thứ hai lại có bài Mong Anh Khóa, tới nay chưa thấy Anh Khóa về. Vậy có bức thư gửi cho Anh Khóa).

Anh Khóa ơi! Cái cuộc phân ly thấm-thoắt đã mấy năm rồi;
Em mong, em nhớ, em ngồi em nghĩ lại thương anh,

Trông bốn phương non nước mông-mênh.
Trời Âu, bể Á, một chiếc thuyền tình anh biết ghé nơi nao?
Anh Khóa ơi! Em nghĩ thương anh cũng bực anh-hào,
Ngang giời dọc đất dễ anh nào đã có chịu thua ai?
Chỉ tiếc thay cho anh sinh chẳng gặp thời,
Để tang-bồng nặng gánh, anh phải ngậm-ngùi mà bước chân ra.
Anh Khóa ơi! Em nghĩ thương anh cũng một kiếp tài-hoa,
Bước đời xô đẩy anh phải xông-pha với bước phong-trần.
Ngọn gió năm châu giào-giạt sóng duy-tân,..
Tình nhà, nỗi nước, chiếc thân anh lo nghĩ đủ trăm chiều.
Anh Khóa ơi! Kìa con đường văn-minh ai chẳng rập-rìu,
Riêng anh đây lên giốc xuống đèo thui-thủi với gánh giang-san.
Nào những khi: xa trông cơn mây kéo, lúc ngồi tựa bóng trăng tàn,
Biết cùng ai bầy giãi tâm-can cho khách giang-hồ?

Anh Khóa ơi! Trông non sông em lại ngán cơ-đồ,
Bắc Nam anh xuôi ngược, biết bao giờ thỏa chí bồng-tang?
Cái cõi phù-sinh khen con Tạo khéo đưa đường;
Má hồng, mặt trắng, của một kiếp đoạn-trường ai dễ khác ai?

Anh Khóa ơi! Ngẫm ngàn xưa hào-kiệt với anh-tài:
Bể dâu chìm nổi, cái bước trên đời ai khỏi gian-nan?
Anh nghĩ làm sao cho danh-nghĩa được vẹn toàn?
Để treo gương hào-hiệp với giang-san sau này.

Anh Khóa ơi! Nhờ luồng điện trên không em gửi bức tờ mây,
Chân giời mặt biển, cái lá thư này mong đến tay anh;
Chốn buồng riêng đây em tưởng nhớ xiết bao tình,
Khi vui em muốn khóc, lúc buồn tênh em lại cười!

Anh Khóa ơi! Em cám thương anh, em lại giận cho giời:
Bức tranh vân-cẩu cái tấn trò đời bẩy xóa như không.
Anh thà như ai câm điếc đã xong,
Chỉ bưng tai nhắm mắt mà ôm lấy miếng đỉnh-chung nó cũng qua đời!

Anh Khóa ơi! Thôi, kể bao nhiêu lại càng động mối quan-hoài,

Gan vàng dạ sắt nguyện có đất giời soi xét cho nhau.
Em chỉ nhờ ai xoay lại quả địa-cầu,
Cho duyên em gặp-gỡ, cho non nước khỏi u-sầu với lúc mưa râm.

Anh Khóa ơi ! Ở trên đời này được mấy bạn tri-âm,
Giời cao bể rộng, cái mối đồng-tâm xin anh chớ hững-hờ.
Còn non sông, em đây còn quyết chí đợi chờ,
Tầu bay, tầu lặn, đến bấy giờ ta sẽ gặp nhau.





THIÊN-THÊ

THIÊN - THÊ

LÀ bạn thân với thi-sĩ Á-nam Trần-tuấn-Khải, thi-sĩ Thiên-Thê tên thật là Nguyễn-đăng-Đệ, sinh năm 1893, người làng Phương-canh, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông (Bắc-việt).

Xuất thân là một nhà Hán-học, thi-sĩ Thiên-Thê thi đỗ nhất trường khoa Mão tức khoa cuối về Hương thí, rồi quay học quốc-ngữ và chữ Pháp.

Thi-sĩ trở thành một công-chức ngành Công-chánh từ năm 1918. Đến năm 1926, Thi-sĩ quay ra làm nghề thầu-khoán để lấy tiền giúp các nhà cách-mạng bôn-ba ở hải-ngoại. Sau đó, Thi-sĩ có qua Hồng-kông một thời-gian, rồi về nước lập đảng Quốc-gia xã-hội. Thi-sĩ bị chánh-quyền Pháp bắt năm 1939 và được thả ra năm 1941.

Thi-sĩ hiện nay sống ở Sài-gòn và là một bỉnh-bút của tờ « Văn-học tạp-chí » do ông Á-nam Trần-tuấn-Khải chủ-trương.

Về sự-nghiệp văn-nghệ trước đây thi-sĩ Thiên-Thê Nguyễn-đăng-Đệ đã từng đăng thơ trào-phúng rất nhiều trên các báo : *Loa*, *Con ong*, *Vịt đực*, *Lẽ sống* (xuất-bản ở Hà-nội) với bút-hiệu *Nguyễn-an-Du*, và tờ *Hồn nước* xuất-bản ở Sài-gòn năm 1947.

Năm 1949 Thi-sĩ đã xuất-bản một tập thơ ngắn lấy tên là *Tân chinh-phụ ngâm*, và hiện nay đang sửa soạn để ra tập *Hồn nước* là một tập trong đó gồm những bài chọn lọc từ lúc Thi-sĩ bước chân vào làng thơ đến nay.

THI TUYỂN

VỊNH TAM-ĐẢO

Hóa-công khéo tạc cảnh xinh xinh,
Tam-đảo non cao lắm vẻ tình.
Nước lẫn màu mây vàng lộn biếc;
Đá tren sắc cỏ trắng pha xanh.
Tượng đồng lăn-lóc, chùa rêu phủ;
Suối bạc lững-lờ bóng nguyệt chênh.
Càng ngắm nước non càng súc cảnh,
Khôn đem thần-bút vẽ nên tranh.



CỤ NGHỊ HỒ-LỜ

(Vịnh một ông nghị góa vợ thời Pháp thuộc đã lấy một bà vợ tuổi lớn hơn mình; sau bà này chết lại lấy một cô chỉ đáng tuổi con vợ lớn mình rồi cô này lại chết).

Cụ nghị hồ-lô đáng mặt trai,
Trái chua trống bỏi cụ ăn chơi.
Khi còn « non mặt » vin cành cỗi;
Lúc đã « già rồi » hít nhị tươi.
Chống gậy ba lần con khóc mẹ;
Vùi hoa mấy độ bố căm trời.
Trần ai, dễ có ai như cụ,
Nếm đủ thơm, ung, chát, ngọt, bùi...

PHÁ TƯỢNG BÔN-BE

Giữa vườn sừng-sững tượng Bôn-Be,
Mặt mũi trông ra cũng chán phè.
Bình-đẳng tự-do phường xỏ-lá;
Nhân-quần bác-ái lối ba-que.
Nhai xương hút máu khôn đường dậy;
Cướp của giết người hết lối che.
Cái giống thực-dân nay hẳn hết;
Tránh sao cho khỏi búa ông ghè.

1945



MỪNG BÁO LOA

(HÁT NÓI)

Xưa kia ta vẫn có Loa,
Đã non thế-kỷ sao mà im hơi?
Ngày nay Loa hẳn gặp thời,
Tiếng vang khua tỉnh cõi đời mê-ly.

Tướng tiền-phong cầm Loa hò-hét,
Cất tiếng lên rõ ra phết là ngông.
Bốn nghìn thu Loa với núi sông,
Trải bao trận giục quân trong đất Việt.

Từ khi có kèn Tây, miệng Loa phải bịt,
Nay ra đời, Loa hẳn biết thời-cơ.
Ta khuyên Loa nên giữ vững thế cờ ;
Mặc quách hết kẻ chê khờ, người khen phải.
Lại khuyên Loa nên xoay đời lại,
Bảo cho đời đừng dại đừng ngây.
Tiếng Loa khác tiếng kèn Tây !



PHÒNG - THỦ

Vẻ-vang thay xứ Đông-dương,
Làm cho Xiêm, Nhật họ đương muốn thèm.
Ấy đấy ! Họ đàn em ta trước,
Mà bây giờ láo xược thế ư ?...
Quân phát-xít thật là hư !
Sao không nghĩ cái nhục xưa đó mà ?
Còn toan cướp nước ta, gớm nhỉ ?
Đồ dã-man đáng bỉ làm sao.
Để hai Chính-phủ nôn-nao,
Lo cuộc phòng-thủ, tốn hao nhiều tiền.
Bốn tư triệu hoa-viên quốc-trái,
Hai chiến thuyền, hai cái tầu bay.
Pháo-đài, quân-cảng vừa xây,
Tuyển hai vạn lính mấy ngày vừa xong.

Rõ thực là các ông nghĩ quẩn,
Lo làm chi thêm bận tấc lòng!
Xưa nay giồng giống Lạc-Hồng,
Biết bao sự-nghiệp chiến-công vẫn còn.
Vì các cụ tôi khôn vô số,
Lúc dụng binh có đủ kinh-luân.
Lược thao văn võ muôn phần,
Đeo ngù vác giáo xuất quân rất hùng.
Cho cả súng thần-công uống thuốc,
Lại phong cho voi tước quận-công.
Lúc mà giao-chiến dưới sông,
Lấy nhựa thông đánh hỏa công đốt tàu.
Khi nào phải đánh nhau trên bộ,
Hái ổi xanh đem đổ tung ra.
Chân giặc một gióng thôi mà,
Trượt ổi nó ngã ắt là phải thua.
Quan thì phải trung vua « trị nước »,
Cấm dân thường chẳng được hé răng;
Hễ ai nói chuyện ngoại-bang,
Phải đem voi xé, phải đem trầm hà.
Nước ta xưa khôn là thế đấy,
Đố anh nào dám lấy nước ta!
Việc gì mà phải lo xa...
Cứ phương-pháp cũ đem ra thi-hành.

Trừ cho tuyệt mấy anh phát-xít,
Cướp nước ta, ta giết không thương.
Việc gì mà phải lo-lường,
Việc gì mà phải tìm phương đề-phòng.

1940





NHƯỢNG - TỐNG

NHƯỢNG - TỐNG

THI-SĨ Nhượng-Tống, chính tên là Hoàng-phạm-Trân, sinh năm 1897 tại làng Phú-khê, huyện Ý-yên, tỉnh Nam-định (Bắc-việt).

Xuất thân trong một gia-đình Nho-giáo, thi-sĩ Nhượng-Tống là người thông cả Hán-học lẫn Tây-học. Về Tây-học, thi-sĩ Nhượng-Tống học tới năm thứ ba Trung-học. Còn về Hán-học thì chính Thi-sĩ là dịch-giả nổi tiếng của các bản dịch : *Ly-tao*, *Hồng-lâu-mộng*, *Tây-Sương-Ký*, *Sử-Ký*, *Tư-mã-Thiên*, *Thơ Đỗ-Phủ*, *Nam-hoa-kinh*, *Đạo-đức-kinh* v. v... là những áng văn khó dịch nhất của văn-học Trung-quốc.

Thi-sĩ chẳng những là cây bút phải kể vào trong số những cây bút tiền-phong trong làng văn làng báo Việt-nam, mà còn là một cây bút cột trụ của các báo cách-mạng trong khoảng thời-gian 1929 — 1930 như *Nam thành*, *Hồn cách-mạng* và *Thực-nghiệp dân báo* v.v...

Thi-sĩ bị chính quyền Pháp bắt sau cuộc Yên-báy khởi-nghĩa, bị đày đi Côn-đảo vào khoảng năm 1931. Sau đó, được thả về vào khoảng năm 1939, Thi-sĩ lại có mặt trên làng văn làng báo... Nhưng than ôi ! đến khoảng cuối năm 1948, Thi-sĩ lại bị ám-sát ở Hà-nội, khiến bao người phải sa lụy rơi châu...

Bình-sinh thi-sĩ Nhượng-Tống làm thơ rất nhiều, và còn ký dưới bút-hiệu khác là *Hoàng-Kiếm-Thu* nữa. Nhưng chưa có xuất-bản tập nào. Còn về phương-diện văn thì thi-sĩ Nhượng-Tống có 2 tập sáng-tác là tập truyện dài *Lan-Hữu* (đã xuất-bản vào khoảng năm 1940) và tập ký-ức *Nguyễn-thái-Học* (xuất-bản vào khoảng năm 1946). Tuy nhiên nói đến Nhượng-Tống, người ta vẫn thấy là một nhà thơ hơn là một nhà văn, vì thơ là sở-trường của ông, nhất là những bài thơ Đường-luật và những thi-phẩm do ông dịch ra từ các bản chữ Hán...



THI TUYỂN

CẢM ĐỀ LỊCH-SỬ

Ba xứ non sông một giải liền,
Máu đào xương trắng điểm tô nên.
Cơ trời dù đổi trò tang hải,
Mặt đất chưa tàn nghiệp tổ-tiên.
Có nước có dân đừng rẻ-rúng ;
Muốn còn muốn sống phải đua chen.
Giựt mình nhớ chuyện nghìn năm cũ ;
Chiêm, Lạp xưa kia vốn chẳng hèn.

LÊN ĐƯỜNG ĐI HUẾ

(Làm trước mặt Nguyễn-thái-Học trong đêm xuân 1929 trước khi đi Huế tìm cụ Phan-sào-Nam)

Tất-tả đường trường dám quản công,
Thành xưa nhìn lại giục đau lòng.
Sóng say mộng chết người bao kiếp,
Biển đổi dâu thay đất mấy vòng.
Nhục rửa sạch đâu sông lộn sóng ;
Uất còn chứa mãi gió gào thông.
Cuối trời đâu tá con người đẹp ?
Thổn-thức ngàn lâu ánh nguyệt hồng.



KHÓC NGUYỄN - THÁI - HỌC

Nhục mấy trùng cao, ách mấy trùng.
Thương đời không lẽ đứng mà trông.
Quyết quăng nghiên bút xoay gươm súng,
Đâu chịu râu mày thẹn núi sông.
Người dẫu chết đi, lòng vẫn sống,
Việc dù hỏng nữa, tội là công.
Nhớ anh nhớ lúc khi lâm biệt ;
Cười khóc canh khuya chén rượu nồng.

ĐÊM BUỒN

Sực thức đêm khuya mở cửa nhìn,
Thềm khuya vằng-vặc bóng trăng in.
Vắng tanh hàng phố năm canh mộng ;
Xanh ngắt buồng văn một ngọn đèn.
Sót ruột hồi chuông người tỉnh trước ;
Vang tai tiếng ngáy khách nằm bên.
Nghe gà toan tuốt thanh gươm dậy ;
Tức nỗi nghề tay múa chửa quen.



TỪ-GIÃ TUYÊN-QUANG

Dứt tiếng ly ca ném chén vàng ;
Bồi-hồi từ-giã đất Tuyên-Quang.
Biết tìm đâu thấy người trong mộng ;
Khéo não-nùng thay ! cảnh dọc đường !
Cây cỏ ba đông trời cố-quốc ;
Nước non muôn dặm bóng tà-dương.
Xanh xanh sông nọ bao nhiêu khúc ;
Một khúc xa nhau một dặm trường.

Người một phương trời, khách một phương ;
Đôi lòng ai giắt sợi tơ vương.
Không quen-thuộc đã thành dan-díu ;
Có biệt-ly đành phải nhớ thương.

Ơn nặng chưa đền cho đất nước ;
Tình riêng tạm gởi với văn-chương.
Thăm nhau muốn hỏi đường trong mộng
Núi Tản sông Lô mấy dặm đường ?...

Người bến sông Lô, kẻ Chợ-bờ ;
Tìm nhau chẳng thấy ruột vò tơ.
Chiếc thân đất khách ta buồn lắm ;
Giấc mộng đêm trường khách tỉnh chưa ?
Sự trước đã lầm ra thế ấy ;
Đường xa sớm liệu tự bây giờ.
Mông-mênh bốn bể ai tri-kỷ ?
Canh tối đèn tàn, tiếng gió mưa !...



BIỆT - LY

(Dịch Tây-sương-Ký)

Biệt-ly xum họp đôi tuần rượu,
Nam, Bắc, Đông, Tây vốn có câu.

Bầu trời xa thẳm xanh lơ,
Đìu-hiu mặt đất lơ-thơ hoa vàng.
Gió Tây thổi buốt can tràng,
Về Nam, nhạn Bắc kêu thương lạc-loài.

Rừng phong ai nhuộm đỏ tươi?
Đều là nước mắt những người biệt-ly.
Tơ liễu dài, có ích gì,
Buộc sao được gót ngựa phi dặm trường.
Xum vui sao khéo muộn-màng?
Biệt-ly sao khéo vội-vàng xót-xa?...
Rừng thưa ơi! — Có thương ta!
Vì ta, mi níu bóng tà lại nao!..
Ngựa kia chầm-chậm chớ nào,
Xe này liều-liệu theo vào cho mau.
Tương-tư vừa mới qua cầu,
Biệt-ly lại chuốc mối sầu mênh-mang.
Chợt nghe một tiếng « lên đàng »;
Rụng rời tay ngọc, xuyến vàng rộng thênh.
Xa trông mười dặm trường-đình,
Thờ-ơ mặt ngọc, da xanh mấy phần.



QUA TRƯỜNG-GIANG

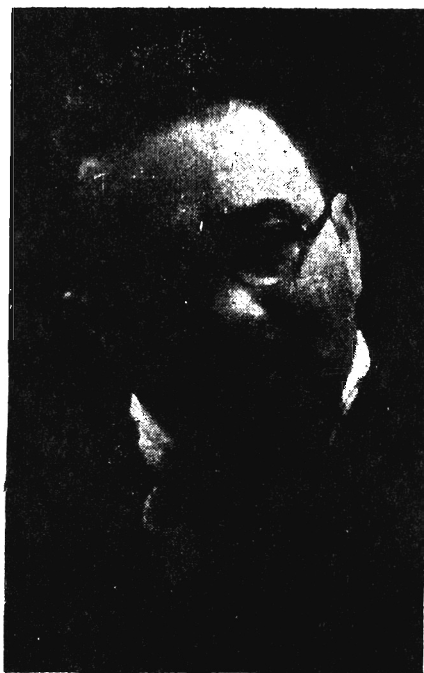
(Dịch Tây-sương-Ký)

Cả chín khúc là đâu chưa kể;
Riêng chốn này hình-thế đã hiên-ngang.
Trẹn, U, Yên; ngăn Tần, Tấn; rẽ Tề, Lương;
Bề hiểm-trở thật khôn lường, hiếm có.

Lớp sóng bạc, ngật trời tung vỗ ;
Mây chiều thu khép mở không thường.
Nhịp cầu xanh trước bến nghênh-ngang ;
Rồng mặt nước nhẹn-nhàng uốn khúc.
Khắp Nam, Bắc, Đông, Tây đỡ dốc,
Ngăn trăm sông mà dọc chín châu.
Con thuyền xuôi trước bến về đâu,
Lìa cánh nỏ, ruổi mau tên mới bắn.
Sông Ngân mới tự trời xa xuống hẳn,
Nguồn treo cao, cao tận chín từng trên.
Biển Đông dường ấy đã quen ;
Thấm muôn cánh ruộng, tưới nghìn thức hoa.

Muốn vin cành quế cung Nga,
Buông trèo đường ấy, biết là có nên !...





TẠ-NGUYÊN-MINH

TẠ - NGUYÊN - MINH

LÀ một nhà thơ trong hàng-ngũ chiến-sĩ cách-mạng, thi-sĩ Tạ-nguyên-Minh chính tên là Tạ-nguyên-Hối sinh năm 1908 tại phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình (Bắc-việt).

Xuất thân trong gia-đình Nho-giáo, thi-sĩ Tạ-nguyên-Minh theo học chữ Pháp tới năm thứ tư Thành-chung thì bị đuổi vì tham-gia cuộc bãi khóa để tang Phan-chu-Trinh.

Từ năm 1925 đến năm 1945, Thi-sĩ bị Pháp bắt 10 lần, đày đi các trại giam : Hòa-bình, Phú-thọ, Vụ-bản. Cũng năm 1945 vào khoảng tháng 6, vì hoạt-động chánh-trị, Thi-sĩ lại bị quân-đội Nhật bắt giam ở Hiến-binh Tư-lệnh-bộ 64 ngày.

Năm 1946, Thi-sĩ Tạ-nguyên-Minh qua Trung-hoa, ở khắp các tỉnh Nam-kinh, Quảng-châu...

Năm 1948, Thi-sĩ hoạt-động ở biên-khu Bắc-hải, Liêm-châu, Phòng-thành, Khâm-châu, Ung-châu, rồi trở về Quảng-châu.

Năm 1949 khi lục-địa Trung-hoa về tay Cộng-sản, Thi-sĩ qua Hải-nam, rồi năm 1950 qua Đài-bắc. Tại đây Thi-sĩ đã từng phải đi bán sách và đi đẩy xe bán cơm ở vỉa hè để tự-lực mưu-sinh và hoạt-động cách-mạng mặc dù có quen thân với nhiều cán-bộ cao-cấp của Chánh-phủ Trung-hoa Quốc-gia.

Năm 1956, Thi-sĩ về nước, và hiện nay đang sống ở Sài-gòn.

Về sự-nghiệp văn-nghệ, Thi-sĩ biết làm thơ từ năm 18 tuổi. Thơ của Thi-sĩ cũng như văn đã từng đăng trên các báo : *Khai-hóa*, *Thực-nghiệp*, *Tiểu-thuyết Tuần-san* trước kia và *Tân-dân*, *Hồn nước* sau này.

Năm 1936, Thi-sĩ có tập *Ngục-trung tam-bách thi-tập* (bị thất lạc). Năm 1946 có 2 tập : *Quốc-dân-đảng ngục-trung thi-tập* (bị đốt), *Tân-trào trường-hận-ca* (2180 câu, bị mất). Ngoài ra, Thi-sĩ còn có tập *Tha-hương hồi-mộng-ký*, gồm 1080 câu song thất lục bát viết từ năm mới 18 tuổi đầu.

Hiện nay, Thi-sĩ vẫn thường sáng-tác thơ, và sẽ ghi lại những bài còn nhớ được trong những tập bị mất cùng bị đốt trên đây để soạn thành một tập.

THI TUYỂN

GIANG-HỒ CẢM-TÁC

(Làm năm 20 tuổi vì cổ-động đình-công ở mỏ Vàng-danh nên bị trục-xuất về Hải-phòng...)

Đêm khuya hiu-hắt ngọn đèn loè,
Nỗi nọ đường kia rối rối xoè.
Có chén bằng trời coi bé cỏn ;
Không tiền dầu thánh hết to-toe.

Đôi đường Nam Bắc hai hàng nhạn ;
Bốn mặt san-hà một tiếng ve.
Lầm bước công-danh nên trắc trở,
Tri-âm ai đó hở anh xe ?

Hồi trống tàn canh đã đổ dồn,
Bên mình le-lói ngọn đèn con.
Lạnh-lùng quán khách sương lồng khói ;
Man-mác lòng quê mộng lẫn hồn.
Ngày tháng thoi đưa kinh tuổi trẻ ;
Công-danh vương nợ chạnh lòng son.
Gió heo cố ý lùa chân mỏng ;
Giết dạ hàn-nho mảnh áo đơn.

1931



ĐÊM TRUNG-THU TẠI NHÀ PHA

Nước gáo cơm bô ngán cảnh tù,
Giật mình ngoảnh lại đã Trung-thu.
Gió mây mặt bạc khoe vành đẹp,
Non nước lòng son trạnh mối thù.
Oanh-liệt ông cha đà lắm nhỉ ;
Ươn-hèn con cháu thế này ru ?
Muốn xe đại-bác lên cung Quảng,
Quét sạch quân gian trận hỏa mù.

1940

GẦN TẾT Ở NHÀ GIAM VỤ-BẢN

Bom đạn buồn nghe khắp địa-cầu,
Tin Xuân náo-nức đã theo sau.
Chông-gai trải lắm chưa sờn gót ;
Tuổi-tác càng thêm tổ nặng đầu.
Mấy chục dặm xa nhà chẳng thấy ;
Bốn nghìn năm cũ nước còn đâu.
Ai về nhắn-nhủ người đồng điệu :
Quyết tính cho xong cuộc biển dâu !

1941



CẢM KHÁI

(Tặng cuộc biểu-tình do nhân-dân Thái-bình tổ-chức đả-đảo chính-quyền Pháp năm 1930. Làm xong bị Tổng-đốc Vi-văn-Định bắt giam và tra-tấn).

Tỉnh Thái ai hay thái bất-bình!
Nhà thiếu người chết cuộc điêu-linh.
Phải chăng vận nước hồi suy biến ;
Hay bởi lòng dân cố biểu-tình.
Theo gót bao chàng oan khó gỡ,
Cầm cân lắm kẻ mắt không tinh.
Xương tan thịt nát vì ai tấn ?
Muốn hỏi Gia-Long bộ luật hình.

THÁNH-ĐẢN TƯ HƯƠNG

Anh em đông đủ bên Đài,
Nhân ngày Thánh-Đản, niệm bài: Tư Hương.
Chúc dân Nam-Việt kiên cường,
Hò nhau thẳng tiến lên đường quang-vinh!

Đất có tuần, nhân có vận;
Này anh em, thẩm thận nghĩ cho sâu.
Nước non nhà luân hãm mấy mươi thâu;
Nay đến hội mở đầu hưng-thịnh đó.
Tuyết sỷ tiền nhân mưu sổ độ;
Đồ cường, ngô bối phụ đa nan!
Bao cơ-hàn, bao nhục-nhã;
Bao vất-vả, bao lầm-than;
Bao thuở bi ca gầm Vũ-trụ,
Bao hồi nhiệt huyết nhuộm giang-san;
Chí quyết thắng, dẹp tan bao chướng ngại.
Giờ ta hãy còn lênh-đênh nơi hải-ngoại;
Giữa đêm này, cảm khái thốt thành ca!
Ca rằng: Tổ Quốc hựu tư Gia...

Đài-loan 25-12-55

⚜

GỬI Ô. GIÁO-THỤ TẦU SANG TÂY KHẢO CỨU VĂN-HÓA TÂY-PHƯƠNG

Ông Tầu, nhân dịp sang Tây,
Thử xem hay dở đổi thay phong-trào.
Ở, đi, ăn, mặc làm sao ?
Á, Âu, văn-hóa, thấp cao nhường nào ?

Thế vị Trung-hoa vô khả tỷ ;
Nào phen này, cũng thử tí xem sao.
Đổi thay rầm-rộ buổi tân trào ;
Hãy dấn bước xông vào trường thí-nghiệm.
Khảo tích, nho lâm, tàng bí hiểm ;
Tầm châu, Học hải, cực thâm uyên.
Đông tây, tập-quán vốn lưu truyền ;
Âu phải xét nguyên tuyền chân đạo-lý.
Thế-sự tuyệt vô giai thiện mỹ ;
Nhân-sinh nan đắc tận hân-hoan.
Chuyện cổ kim, suy thịnh, lọ phải bàn ;
Có mặt phải, ắt liên can về mặt trái.
Đông thuyết : Đại-đồng ; — tây : bác-ái ;
Tân đàm : dũng tiến ; — cựu : cần-lao...

Cùng tiêu hao, cùng trạch tuyển;
Cùng huấn-luyện, cùng huân đào;
Cùng xã-hội góp gom đường tiến-hóa;
Cùng nhân-quần chịu đựng cảnh binh-đao;
Cuộc thắng bại, cùng trải bao vinh lẫn nhục;
Vậy hãy hỏi: Âu thanh, hay Á trọc?
Khách tài-ba, lọc kỹ lấy tinh-hoa.
Chớ chi thiên vị, — nữa mà...





TƯƠNG-PHỐ

TƯƠNG - PHỐ

LÀ một nhà thơ giầu tình-cảm, giầu thơ-mộng, lúc nào cũng thấy thốt ra những lời ảo-não thê-lương của một người sương-phụ, nữ-sĩ Tương-Phố chính tên là Đỗ-thị-Đàm, quán Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên, sinh năm 1900 tại Thất-khê, tỉnh Lạng-sơn, miền Thượng-du Bắc-việt.

Nữ-sĩ ra đời trong tạp-chí Nam-phong vào khoảng năm 1928 với bài *Giọt lệ thu*, một bài vừa văn xuôi vừa văn vần, khóc chồng mất khoảng năm 1923.

Tên của Nữ-sĩ xuất hiện trên văn-đàn từ đó. Thơ của Nữ-sĩ làm ra đến nay cũng khá nhiều (kể cả những bài đăng trong báo Thế-kỷ ở Hà-nội vào khoảng năm 1952-1953 cùng các báo Văn-nghệ Tự-do và Tự-do ở Sai-gon mới đây). Nhưng chỉ có hai bài : *Tái tiếu sầu ngâm* và *Khúc thu hận* viết vào khoảng năm 1930-1931 (sau khi đã tục huyền với ông tuần-phủ Phạm-khắc-Khánh, người làng Kinh-thanh, huyện Ý-yên, tỉnh Nam-định) là đặc-sắc, là tình ý đậm-đà và thiết-tha hơn cả.

THI TUYỂN

TÁI TIẾU SẦU NGÂM

Đàn xưa ai dứt dây đàn,
Đứt dây từ đấy chứa-chan mạch sầu !
Ngày xanh chi dở-dang nhau ;
Tuổi xanh nghĩ buổi bạc đầu mà thương.

Vóc mai gầy võ tuyết sương,
Tám thu chiếc bách cánh buồm bơ-vơ.
E-dè buổi gió chiều mưa,
Con côi mẹ góa dễ nhờ nương đâu ?
Bước đi âu cũng thương nhau,
Dừng chân đứng lại cơ mầu dở-dang.
Dây loan chắp mối đoạn-tràng,
Ngâm câu « tái tiếu » hai hàng lệ sa !
Dễ âu duyên mới ru-mà,
Còn tình chăng nữa cũng là lụy thôi.
Trăm năm danh-tiết lỡ rồi,
Dẫu thân chung-đỉnh cũng đời bỏ đi.
Đào tơ sen ngó từ khi,
Ngây thơ đôi lứa ngờ chi nỗi này.
Uyên-ương chia rẽ bấy nay,
Lạc bày chắp cánh thẹn ngày giao-hoan.
Tình xưa lai láng khôn hàn,
Bến xưa ngoảnh lại muôn vàn thương tâm !
Thuyền ai nào khách ôm cầm,
Dây tơ dìu-dặt âm-thầm tiếng tơ.
Khúc thành lệ ứa như mưa,
Cảm xoang điệu cũ bao giờ cho thôi !
Thân này đôi đã đủ đôi,
Lòng này riêng vẫn lẻ-loi tấm lòng.

Theo duyên ân-ái đèo bòng,
Trăm năm vẫn một khúc lòng bi thương.
Trông về lối cũ Bình, Hương,
Sông sâu chín khúc đoạn-trường quặn đau !
Non cao thẳm ngắt non sầu,
Cảnh xưa ai vẽ nên mầu thê-lương.
Tình xưa càng nghĩ càng thương,
Biết bao khoảng vắng đêm trường khóc nhau.
Gối riêng tầm-tã tuôn châu,
Màn hoa chăn gấm giọt sầu chứa-chan.
Cửa hầu gửi áng xuân tàn,
Chén vinh hoa nhấp muôn ngàn đắng cay.
Nỗi lòng chua xót ai hay,
Tấm thân bồ-liễu võ gầy riêng thương.
Vì chàng tâm-sự dở-dương,
Vì con thôi mấy đoạn-trường cũng cam !
Nghĩ vui đuốc tuệ hoa đàm,
Cha già con dại dễ làm sao đây ?
Chàng từ cưỡi hạc chơi mây,
Bụi hồng nào biết những ngày gió mưa.
Đau lòng thiếp nỗi sau xưa,
Cửa nhà non nước như tơ rối bời !
Lòng nào lòng tưởng vui cười,
Cũng thân nghiêng-ngửa với trời đa-đoan.

Nửa đời nếm hết tân-toan,
Khôn-ngoan chi mấy mà oan-trái nhiều.
Nước non duyên-nợ nghĩ liều,
Cầm như con trẻ chơi diều đã xong.
Nỗi riêng lệ ứa đôi dòng,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây!

1930



KHÚC THU HẬN

Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,
Thu năm về nào thấy chàng về.
Chàng đi, đi chẳng trở về,
Thu về thiếp những tê-mê dạ sầu!
Làng mây nước biết đâu nhắn gửi?
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương.
Vì chàng chín khúc đoạn-trường.
Vì chàng trăm mối sầu vương tháng ngày.
Thu xưa khóc thu này lại khóc,
Năm năm thu mảng khóc mà già.
Người xưa khuất, cảnh cũ qua,
Non buồn, nước lạnh, cỏ hoa tiêu-điều.
Nỗi ly-hận mây chiều gió sớm,
Tình tương-tư khoảng vắng canh trường.

Gió mưa tâm-sự thê-lương,
Chỉ kim ai vá đoạn-trường nhau đây?
Sầu ngây-ngất những ngày thu lại,
Giọt Ngâu tuôn lệ lại chan-hòa.
Ngàn xanh sắc lá vàng pha,
Bông lau lả-lướt la-đà ngọn may.
Non nước buồn cỏ cây hiu-hắt,
Khói mây tuôn mặt đất chân trời.
Vời trông muôn dặm đường đời,
Bước trăm năm luống ngậm-ngùi cho thân.
Kể từ độ phong-trần lạc bước,
Mười lăm năm mặt nước cánh bèo,
Gieo lòng theo ngọn thủy-triều,
Lênh-đênh thôi cũng mặc chiều nước sa!
Con mång sữa nay đà mười sáu,
Chốn hầu-môn nương-náu đức dầy.
Sách đèn cơm áo bấy nay,
Vì con nuốt hết chua cay cuộc đời!
Phong-lưu để ngậm-ngùi tấc dạ,
Chén vinh-hoa lạ-chạ giọt hồng,
Khóc than khôn xiết sự lòng,
Bèo xuôi sóng ngược cho lòng xót-xa!

Khăn lệ cũ chan-hòa lệ mới,
Mối sầu xưa chắp nối sầu nay,
Tân sầu cựu hận bao khuây,
Tuyết sương một gốc mai gầy thảm-thương.
Thu năm về thê-lương dạ cũ,
Nước dòng thu khôn rũ tấm sầu;
Bi-ca một khúc thu sầu,
Trăng thu giãi bóng canh thâu lạnh-lùng!

Bệnh-viện Nam-thành (1931)



ĐỀ ẢNH

Ảnh người thơ-mộng bến Tương-giang,
Đã một chiều thu khóc gió vàng.
Chiếc bách lênh-đênh hai sóng nước;
Mối sầu héo-hắt nửa can-tràng.
Tấn tuồng tạo-hóa vai chua-chát;
Quán trọ phù-sinh khách lỡ-làng.
Dồn cuộc trăm năm còn giọt lệ
Thấm lan giấy mực mấy muôn hàng.

1953

HÒN CHỒNG

Hòn Chồng nhớ buổi hôm nay,
Ất-Mùi thu dạo gót giầy khách du.
Thời-gian tung lớp bụi mù,
Ngàn thu sau hội khách du chốn nào?
Vẫn Hòn Chồng ngạo-nghễ cao,
Sóng xô hoa tuyết, biển gào tang-thương.

1955





ĐÔNG-HỒ

ĐÔNG - HỒ

LÀ một nhà thơ trong nhóm Nam-phong còn sót lại, thi-sĩ Đông-Hồ, người họ Lâm, nhũ-danh là Kỳ-Phác, hộ-tịch chép là Tấn-Phác, ông bác đặt cho tiểu-tự là Quốc-Tỉ, sau đổi là Trác-Chi.

Thi-sĩ sinh năm Bính-ngọ, dương-lịch 1906, tại làng Mỹ-đức tỉnh Hà-tiên, một tỉnh nhỏ ở cực Tây Nam-việt, giáp giới Cao-miên và hải phận Thái-lan.

Vì tổ-tiên mấy đời đều ở ven Đông-hồ ấn-nguyệt, một thắng-cảnh trong Hà-tiên thập cảnh, nên Thi-sĩ lấy hiệu là Đông - Hồ để ký tên tác - phẩm, và sau năm 1945, dời nhà lên Sài-gòn, mới lấy thêm những biệt-hiệu là *Như-liễu tiên-sinh*, là *Thủy-cổ-nguyệt*, cũng là *Đại ẩn-am*.

Thi-sĩ làm thơ rất sớm, ngay từ năm 23 tuổi, tức năm 1923 đã trở nên một cây bút nổi tiếng ở trong nhóm Nam-phong tạp-chí với những thi-ca, những bài biên-soạn, khảo-cứu, ký-sự và tùy-bút.

Thi-sĩ viết cho tạp-chí Nam-phong từ năm 1923 đến năm 1933, vừa đúng 10 năm trời. Trong khoảng thời-gian này, thi-sĩ Đông-Hồ được người ta chú-ý nhất là bài *Linh-phượng*, tức *Trác-Chi lệ-ký tập* và một bài cổ-văn : *Phú Đông-Hồ*.

Năm 1935, Thi-sĩ nghỉ làm báo Nam-phong, đứng ra chủ-trương tuần báo Sống ở Sài-gòn.

Sau một thời-gian vắng tiếng trên đàn văn, gần đây từ năm 1953, Thi-sĩ mới ra làm giám-đốc tập-san Nhân-loại, chủ-trương nhà xuất-bản Bốn phương và thỉnh-thoảng lại thấy có bài đăng trên các báo : Bách khoa, Tự-do, Cách-mạng quốc-gia, v. v...

Ngoài các tạp-chí và các báo trên, trước đây thi-sĩ Đông-Hồ còn viết cho các tờ : Đông-pháp Thời-báo, Phụ-nữ Tân-văn, Việt-dân, Mai (Saigon) và Tri-tân (Hà-nội).

Thi-sĩ làm thơ kể ra ít hơn là làm văn, nhưng thơ của thi-sĩ được người ta chú-trọng hơn

Thi-phẩm của Đông Hồ đã xuất-bản có tập *Thơ Đông-Hồ* (in ở Hà-nội năm 1932) và tập *Cô gái xuân* (in tại Nam-định năm 1935). Ngoài ra thi-sĩ Đông-Hồ còn xuất-bản *Lời Hoa*, nhuận sắc các bài tập viết văn của học-trò Trí-đức Học-xá (in ở Hà-tiên năm 1934), tập *Linh-Phượng* tức *Trác-Chi lệ-ký* (in ở Hà-nội năm 1934) và biên-soạn chung với Trúc-Hà tập : *Những lỗi thường lầm trong sự học Quốc-văn* (Trí-đức học-xá xuất-bản năm 1936).

Thành-tích văn-hóa của thi-sĩ Đông-Hồ đáng kể hơn hết là từ năm 1926 đến năm 1934, tự lập ra Trí-đức Học-xá, chủ-trương dạy toàn bằng tiếng Việt, cổ-động khuyến-khích cho học-trò và bè-bạn tin-tưởng ở tương-lai Việt-ngữ. Trường này dụng-ý theo lối giáo-dục gần thiên-nhiên như Tinh-xá Santiniketan của R. Tagore ở Ấn-độ, và có thêm lớp hàm-thụ cho các học-trò ở xa cũng có thể tập luyện tiếng Việt, cho nên trong mấy năm đã gây được ảnh-hưởng văn-hóa không ít ở miền Nam.

Nói đến Đông-Hồ, chúng tôi cũng không quên nhắc với bạn đọc, Thi-sĩ là người học rất ít cả về Hán-

văn lẫn Pháp-văn, nhưng chuyên-cần tự-học mà trở nên một nhà thơ, một nhà văn nổi tiếng.

Thi-sĩ năm nay tuy tuổi đã gần 60 rồi, nhưng tính-tình vẫn còn hào-sảng, và hồn thơ cũng vẫn còn chứa-chan những tình-cảm hoa-mộng...

THI TUYỂN

CHƠI BẠCH-THÁP-ĐỘNG (1)

Bạch-Vân thăm dấu cũ,
Bạch-Tháp nhớ người xưa ;
Người Bạch-Vân đã vắng,
Động Bạch-Tháp còn trơ ;
Người Bạch-Vân chẳng thấy,
Chòm bạch-vân phất-phơ.
Hỏi đá, đá không nói ;
Hỏi mây, mây làm ngơ.
Nhìn đá lòng ngơ-ngẩn ;
Trông mây dạ thẫn-thờ .
Kim cổ màu rêu phủ,
Tang-thương bóng nhật mờ.

(1). — Bạch-tháp-Động thuộc về giải núi Châu-Nham chỗ tu-hành ẩn-dật của một vị chí-sĩ đời Mạc-thiên-Tích hiệu là Bạch-Vân hòa-thượng là người trong Thập bát Anh ở Châu-anh-Các.

Ngàn cây cơn gió thoảng,
Cửa động tiếng chuông đưa.
Nghe kinh lòng tục sạch,
Lắng kệ giấc tiêu mơ.
Trần-gian hay Cực-lạc ?
Bây giờ là bao giờ ?
Người này tình-cảnh ấy,
Lai-láng mảnh hồn-thơ.

1925



NHỚ TRÍ-ĐỨC HỌC-XÁ

Quốc-ngữ duyên kia lỡ hẹn-hò !
Buồn duyên thêm não cảnh tiêu-sơ ?
Huệ lan hoa thoảng mùi hương cũ,
Đào trúc cành lay vẻ gió xưa.
Kỷ án vắng nghe lời giảng-đọc,
Núi rừng còn nhớ cuộc nô-đùa.
Tháng ngày mưa nắng bao thay đổi,
Chi xiết lòng ai nỗi thẫn-thờ !

Chữ Trí-đức mưa nhòa nét mực,
Mùi huệ lan gió nhạt mùi hương ;
Hồn phong-nhã, cảm văn-chương,
Hồ-sơn mây nước thê-lương sớm chiều.

Nhớ những nhớ ngày nào năm nọ,
Hạt quốc-văn gieo thuở ban đầu ;
Trải bao nắng hạ sương thu,
Mầm non sẽ nảy, cành tơ sẽ chồi.
Rồi đến buổi ra đài nở nhị,
Giữa thành Phương, hoa « Trí-đức » tươi ;
« *Đầu mùa* » xuân có hoa mai,
Sớm đem hương-sắc chào cười chủ-nhân.
Buổi mới dẫu còn phần thưa-thớt,
Nhưng đã nhiều cốt-cánh tinh-thần.
Vườn hồng tỏ mặt Đông-quân,
Bõ công vun tưới ân-cần bấy lâu.
Bỗng bèo nước vẽ màu ly-biệt.
Cảnh Hồ Đông vắng nét hoa mai ;
Thôi đành tan-hợp cuộc đời,
Thôi đành nước chảy hoa trôi ngậm-ngùi.
Thôi đành hãy tài-bồi lớp khác,
Hẳn cũng còn hương ngát màu tươi.
Công-trình kể biết mấy mươi,
Nắng mưa chưa dễ ăn ngồi cho yên.

Dẫu ngày tháng bao phen thay đổi,
Vẫn sớm hôm mọi nỗi ân-cần ;
Hơi xuân đâu lại thấm-nhuần,
Màu xuân đâu lại mười phân đậm-đà.

Vườn Trí-đức « *Bông-hoa đua nở* »,
Sắc-hương cùng một lứa thanh-tân ;
Trước sau dù có đôi lần,
Mà trong khí-vị tinh-thần khác chi.
Đã đẹp chốn hồng khoe biếc mở,
Lại đẹp trong nhị nở đài tươi ;
Oanh ca én hót vui cười,
Vườn trời xuân sắc, lòng người văn-chương.
Lòng những nghĩ xuân-quang vô-tận,
Cảnh thần-tiên còn hẹn nhiều ngày ;
Tương-lai còn lắm điều hay,
Cành « hoa quốc-ngữ » còn tươi tốt nhiều.

Đang mong đợi bao nhiêu mộng cảnh,
Trận gió qua chợt tỉnh mơ-màng ;
Trước mành tơ liễu bay vàng,
Đầy thềm hoa rụng bẽ-bàng xuân đi.
Kiếp hồng-tử đến kỳ linh-lạc,
Dãi màu xuân phấn lạt hương tàn ;
Thuốc nào giữ được hồng-nhan,
Phương nào chữa được hoa tàn lại tươi.
Gió tung cuốn tơi-bời hoa rụng,
Ngùi trông theo cảm-động muôn vàn ;
Đuổi xuân nhặt cánh hoa tàn,
Tấm sầu xuân những bàn-hoàn ngẩn-ngơ !

Nào hay cảnh tiêu-sơ vắng-vẻ,
Còn chùm hoa lẻ-tẻ cuối mùa;
Yêu hoa há có hững-hờ,
Xuân chiều hoa muộn càng âu-yếm nhiều.
Hoa nọ dẫu không yêu-kiều lắm,
Lòng thơm kia riêng cảm với ai;
Dầu chăng sắc nước hương trời,
Mà hương sắc đủ vui người vô liêu.
Hương-sắc ít nhưng nhiều ý-vị,
Cùng Đông-quân chung-thủy có nhau;
Có nhau trong cảnh vui sầu,
Cảnh vui hoa thịnh, cảnh sầu hoa suy;
Có cùng nhau trăng khuya mây tối,
Có cùng nhau gió núi mưa ngàn;
Có nhau thu vãn xuân tàn,
Hơi huân ngày hạ, cơn hàn tháng đông.
Nay là cảnh thưa hồng rậm lục,
Rồi xuân không mấy lúc phôi-pha;
Rồi đây tháng lại ngày qua,
Hương thừa còn chút « *Bông hoa cuối mùa* ».

Còn đâu nữa gió đưa mây đón,
Còn đâu là lá mởn hoa tươi;
Còn đâu sóng bãi trăng đồi,
Còn đâu khúc hát câu cười non sông.

Hội nghiên bút tao-phùng đâu nữa,
Lệ văn-chương giọt ứa cảm-hoài;
Mịt-mù trong cõi trần-ai,
Cao-sơn lưu-thủy ai người tri-âm.
Hoa lan mọc âm-thầm hang tối,
Qua đường, ai kẻ hỏi mùi hương?
Liên thành giá ngọc ai thương?
Nắm xương thiên-lý nghìn vàng ai mua?
Thôi đành chịu người thua cảnh-ngộ,
Cảnh không may thực khó mà nên;
Hồn Đại-Việt, giọng Hàn-Thuyên,
Năm năm ba bận tình-duyên lỡ-làng!

1931

BỐN CÁI HÔN

«... Em nhớ: một sáng ngày mùa đông,
Gió bấc ào ào tiếng hãi-hùng;
Theo khe cửa sổ, gió thổi rít;
Nằm nghe tiếng gió mà lạnh-lùng!
Em cuốn mình trong làn chăn đệm,
Đệm gấm, chăn bông em chẳng ấm.
Bỗng như có một ánh than hồng
Chạm vào trán em, chạy vào lòng.

Lòng em ấm-áp, hơi lạnh tan;
Em nằm sung-sướng mà bàn-hoàn.
Sờ tay lên trán em mới biết :
Hơi ấm âu-yếm mẹ em hôn...

...Em nhớ : một buổi chiều mùa thu,
Bấy giờ mẹ em mất đã lâu;
Trông chiếc lá rơi, em ủ-rũ,
Hơi may hiu-hắt em buồn rầu.
Mất mẹ, em mất tình âu-yếm,
Lạnh-lùng, em thiếu hơi hôn ấm;
Đứng tựa bên vườn em ngẩn-ngơ,
Trông nước, trông mây, em đợi chờ.
Chợt thấy cha em về trước sân,
Áo quần lấm-láp vết phong-trần;
Chạy ra mừng rỡ đưa tay đón,
Cúi xuống mái đầu cha em hôn.
Từ hôm em được cha em hôn,
Đầm-ấm lòng em bớt nỗi buồn,
Nhưng cha em mải bận xuôi-ngược,
Rày đó mai đây việc bán buôn...

...Em nhớ : một buổi trưa mùa hạ,
Buổi trưa nặng-nề, trời oi-ả.
Tựa cửa lớp học em rầu-rầu,
Nghe tiếng ríu-rít đàn chim sâu.

Trước sân, bè bạn em nô đùa.
Riêng em buồn cảm thân bơ-vơ :
Mẹ mất, còn cha, cha ít gặp,
Một năm chỉ hai lần rước đưa !...
Cô giáo, thấy em đứng một mình,
Đi qua, gọi em hỏi sự tình ;
Cầm tay cô dắt lại bàn học,
Ân-cần, thương yêu vuốt mái tóc.
Rồi cô âu-yếm hôn tay em.
Lọng qua cửa lớp cơn gió nồm,
Bao nỗi buồn-bực, gió thổi mát,
Cái hôn như ngọn gió êm-đềm...

Nay em đang giữa cảnh đêm xuân,
Gió trăng tình-tứ đêm thanh-tân.
Trước vùng trời biển cảnh lồng-lộng,
Cùng anh trao đổi tình ái-ân.
Khoác tay anh đi trên bãi cát,
Cát bãi, trăng soi màu trắng mát ;
Nghiêng đầu lơi-lả tựa vai anh,
Lặng nghe sóng bãi đưa rào-rạt.
Nước mây êm-ái bóng trăng sao,
Say-sưa em nhìn lên trời cao,
Buông khúc đàn lòng theo nhịp gió ;
Giờ phút thần tiên, hồn phiêu-dạo.

Một hơi thở mát qua, dịu-dàng
Như cơn gió biển thoảng bay ngang,
Rồi luồng điện ấm chạm trên má :
Ân-ái môi anh kề nhẹ-nhàng.
Nũng-nịu em ngả vào lòng anh,
Đê-mê ngừng lặng giây cảm-tình.
Tóc em xoã tung, tay gió lướt,
Bàng-hoàng em nhớ chuyện sau trước :

Đời em, khoảng hai mươi năm hơn,
Được hưởng bốn lần âu-yếm hôn.
Bốn lần em thấy em vui sướng,
Mưa gió đời em đỡ lạnh buồn.
Nhưng, từ khi em thôi học rồi,
Cùng cô giáo em không gặp-gỡ ;
Mà rồi, từ đó em lớn khôn,
Cha em cũng chẳng hôn em nữa.

Ba lần hôn kia em mất rồi,
Lần nầy biết có được lâu dài,
Nước bèo, em nghĩ đời chia biệt,
Mà lệ sầu em thổn-thức rơi !... »

1933



HAI CÀNH HOA LẠ

Biết tiếng chưa quen mặt,
Biết mặt lại yêu lòng,
Đôi tấm lòng nhi-nữ
Khảng-khái lòng anh hùng.

Đôi cành danh hoa ấy
Nở trong cảnh gió mưa,
Mưa sa và gió táp
Hơn-hớn nét đào-tơ.

Trải bao cảnh nạn khổ,
Thịt nát với xương tan,
Giam-cầm được thể-chất,
Sao cầm được linh-hồn!

Nghĩ rằng đem nước mắt
Than khóc cho loài người
Sao bằng đem máu đỏ
Điểm cho đời thêm tươi!

Mỉm cười rỏ giọt máu
Từ trong tim nóng sôi,
Để rửa cho nhân-loại
Những vết bẩn muôn đời.

1936

THANH - MINH

Giai tiết Thanh-minh đào lý tiếu.
(HOÀNG-ĐÌNH-KIÊN)

Vui lắm thời xưa thuở thái-hòa,
Chim rừng dâng dậy nhạc âu-ca ;
Sương đem bụi ngọc rây lên cỏ,
Rêu mượt mình nhung đá nõn-nà ;
Róc-rách suối tuôn tràn mật ngọt,
Màn căng the mỏng núi xa... xa ;
Khí lành thơm ngát nghìn hương lá,
Bóng rủ về đây mây thướt-tha ;
Đường uốn ven rừng từng biếc phủ,
Hoang-vu ngờ gặp bóng yêu ma ;
Mái tranh nhè-nhẹ vương tơ khói,
Nâng động Cô-liêu vẳng tiếng gà.

Muôn cánh mai vàng muôn cánh bướm
Tưng-bừng yến-tiệc náo làng hoa.
Mái đầu giữ lại hồn Xuân rụng,
Giọt lệ rơi theo nhịp ngón ngà,
Chòm tóc tơ huyền trầm cuộn sóng,
Hàng mi, thanh-liễu gió la-đà.
Mẫu-đơn say nắng hây-hây đỏ,
Hồng ánh lây sang tấm áo là,

Gợn lụa in màu hoa tưởng nhớ,
Đây mùa đào chín ửng làn da,
Bên Nàng, tiên-nữ thơm như mộng,
Ngọc dịch hương vây chén tử hà.

1943



TRINH TRẮNG

Mơn-mởn đồng thơm lá cỏ non,
Hồn đêm chưa có dấu sương mòn ;
Ao tràn mưa ngọt bờ hoang-dại,
Bèo nở xinh-xinh cánh nhỏ tròn.

Chầm-chậm triều lui biển xuống rồi,
Nõn-nường cát ngỏ ý Xanh khơi ;
Bâng-khuâng nhạc Sóng không lên tiếng,
Dìu-dịu Bình-minh tắm nắng tươi.

Lụa cởi, da Chiều Núi tuyết băng,
Làn son phơn-phớt hé môi Trăng.
Thiu-thiu khóe mắt Sao mơ-mộng,
Hồ trải lòng gương nước thẳng bằng.

Giấy mở tơ nhung óng mỡ ngà,
Ảo-huyền nhựa Mực sánh tinh-hoa;
Sương đầm ngòi thỏ run run nét,
Đường Tống hồn xưa ngón nõn-nà.

Lối về Xóm ấy nhiều đom-đóm,
Nhấp-nhánh Thiên hà ngập bước sao;
Ngỡ lạc tiền thân vào xứ mộng,
Lòng tiên, nghe tiếng gọi, nao-nao.

Bên mái Trăng non đêm quá nửa,
Muôn Hương vườn ngậm cánh mong-manh;
Gió mơ, lá ngủ, sương đi lẳng,
Bẽn-lẽn hoa Quỳnh hé ý Trinh

1943



CHUÔNG VANG

Ngân-nga hồi chuông chiều,
Ngân-nga hồi chuông sớm,
Chiều sớm chuông ngân-nga,
Gieo khắp không-gian hồi thảm-đạm.
Không-gian tràn khắp mênh-mang,
Mênh-mang tràn khắp lòng bi-cảm.

Chuông tan trong không gian,
Lòng tan theo chuông vang,
Lòng tan trong không-gian,
Lòng tan theo mơ-màng.

Nhớ thương và Nhớ thương,
Quê-hương và Quê-hương,
Lòng tan theo thương nhớ,
Lòng tan theo Quê-hương.

1496



CHINH - CHIẾN

Đất mát, trời thơm, sông nhẹ nhẹ,
Trăng hiền, mưa ngọt, gió vương vương;
Đời nhìn âu - yếm cười nhung lụa,
Vạn vật ru nhau giấc ngọc vàng.

Đất giận, trời nghiêm, sông lẳng-lặng,
Trăng buồn, mưa xót, gió thê-lương.
Đời nhìn bẽn-lẽn cười chanh ớt,
Vạn vật đưa nhau đến chiến - trường.

Đất lệch, trời nghiêng, sông cuồn-cuộn,
Trăng cuồng, mưa loạn, gió đau-thương.
Đời nhìn hằn-hộc cười nanh vuốt,
Vạn-vật giành nhau miếng máu xương.

Sợ chết, giết nhau giành lấy sống ;
Giành nhau cho được sống huy-hoàng.
Yêu sống giết nhau không sợ chết,
Giành nhau cho được chết vinh-quang.

Ôi ! đến bao giờ chinh-chiến hết ?
Hỏi làm chi nhỉ ? chuyện hoang đường ?
Than làm chi nhỉ ? đời ly loạn ?
Vạn-vật từ xưa đã chủ-trương.

1947



VƯỜN NGỰ BẾN THÀNH

Non nước chưa về Xuân độc-lập,
Đừng hòng ăn được tết huy - hoàng ;
Máu đào lênh-láng thay hoa pháo,
Hơn một mùa Xuân chịu tóc tang.
Cả nước đang say men khói lửa,
Vần thơ chinh-chiến súng ngâm vang.

Nhưng mà khi đến mùa, Xuân đến,
Chim chuyền lời hoa gởi gió hương,
Nghìn mối cảm thông bừng một lúc,
Muôn lòng chung một nỗi Yêu-đương.
Rồi bao quản bút vung tay viết,
Bao lá hồng đơn trải khắp đường.

Trang chữ mực in còn nhánh ướt,
Lời thơ bay bướm tứ hiên-ngang ;
Biết bao châu ngọc rơi trên giấy,
Như thuở Trần Lê, thuở Tống Đường.

Vườn ngự Bến-thành xuân tấp-nập,
Cúc mai vàng ngập chợ hoa vàng ;
Người buôn hương sắc, mua hương sắc,
Xe ngựa dòng xuân chảy ngổn-ngang.

Thôi hãy quên đi thời loạn-lạc,
Nhớ làm chi nữa chuyện kinh-hoàng ?
Quên đi để hưởng giờ ân-ái,
Hưởng phút tưng-bừng của nhớ thương.
Thôi chớ bàn-hoàn đừng thắc-mắc,
Giờ xuân chuông đã đổ vinh-quang.

Tết 1948



VẾT HẬN

Rung-rinh trái ngọc đôi hoa nở,
Nghìn vạn lung-linh ánh thủy-tinh ;
Đôi sợi tóc tơ vàng nhẹ vướng,
Chân mây óng-ánh bóng bình-minh.

Tay tiên ngoạn lộng loài trân bảo,
Da ngọc ngà phô chất phẩm quỳnh ;
Ôi ! Mắt quân-vương viên bạch bích,
Ngắm nhìn say đắm gia liên thành

Phút giây ngưng đọng hồn mê-mẩn,
Viên ngọc rời tay... tiếng mỏng-manh ;
Tiếng khẽ vang trong hồn nức-nở,
Lệ lòng trên mặt đá long-lanh.
Vết lông nhẹ rạn trên mình đá,
Vết rạn qua sâu đáy ẩn-tình
Của kẻ vụng tay nâng hứng ngọc,
Thương lòng mặt đá vết không lành.

Từ xưa ngọc đẹp nào không vết,
Biển đẹp nào không gợn bất bình ?
Duyên đẹp từ xưa nào lại chẳng
Nghìn thu đeo vết hận ba sinh.

1946



QUÁN DƯƠNG-LIỄU

Đôi cành quỳnh ngọc, đôi cành liễu,
Chất ngọc quỳnh xinh, lá liễu tươi ;
Ngan-ngát gió thơm trầm kết quạt,
Bốn bề xuân khóa áng hương trời.

Vườn thơ đôi cánh hồng mơn-mởn,
Đôi đóa đào non nhúng-nhính cười.
Giếng ngọc nước ngâm lòng mát rượi,
Lời vàng nhạc nổi khúc chơi-vơi.

Quanh đây khói lửa nghìn phương dậy
Lặng-lẽ lòng mây ý Biển khơi
Mưa sớm gọi về chiều nắng ấm
Mành mành hoa lọt bóng trăng soi.

1949



ĐÔNG-XUYÊN

ĐÔNG - XUYÊN

LÀ bạn vong-niên với thi-sĩ Tản-Đà, nhà thơ Đông-Xuyên chính tên là Nguyễn-gia-Trụ, sinh năm 1906 tại làng Đông-ngạc, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông (Bắc-việt).

Xuất thân trong một gia-đình cựu-học, ông Đông-Xuyên theo học chữ Hán đến năm 16 tuổi mới bước qua tân-học. Ông học tới năm thứ 3 và đỗ thứ 7 kỳ thi thư-ký quan-thuế năm 1929.

Từ đó Đông-Xuyên trở thành một công-chức, tòng sự tại nha Quan-thuế Đông-dương, cho đến bây giờ vẫn còn theo ngạch này, và hiện kiêm chủ-bút tờ Quan-thuế tập-san.

Về sự-nghiệp văn-nghệ, Đông-Xuyên bước vào làng thơ từ năm 1929 với bài *Buổi chiều sang đò* đăng trong An-nam tạp-chí. Bài này Tản-Đà có phê-bình và tán-thưởng ở trong mục Thi-đàn giảng-tập. Sau đó, Đông-Xuyên lại làm thơ cho Nam-phong tạp-chí, và mới đây vào khoảng đầu thu 1958, đã cho ra đời tập « *Thuyền thơ* » dầy hơn 80 trang, trong có 54 bài sáng-tác và 13 bài dịch thơ chữ Hán. Tất cả đều là những bài chọn lọc từ lúc bước chân vào làng thơ đến nay.

THI TUYỂN

BUỔI CHIỀU SANG ĐÒ

Bên trời soi chếch bóng tà-dương,
Dương mắt giang-san thú lạ nhường.
Mây tỏa đầu non phơi ngọc-thạch ;
Sóng rờn mặt nước nổi kim-cương.
Cánh diều gió bốc tầng không thẳm,
Ngàn trúc sương phong tít dặm trường.
Trời đất kia ai xoay chuyển lại ?
Thuyền sang mang cả bóng ô sang !

1929



CHIỀU BẾN THÁI

Đỏ ngòn mặt đất cánh me rơi,
Bến Thái chiều oi lặng-lẽ ngồi :
Ngọn gió hồ sen trời tháng sáu ;
Tầng mây dặm trúc núi nhà ai ?
Bạn xa tin đợi thơ chưa lại,
Đường nắng người đi bóng đã dài !
Ngao-ngán càng thương cho quả đất,
Vì gì, nghiêng-ngửa mãi hôm mai.

1940

TRÊN CẦU

Chiều êm ra suối đứng trên cầu,
Thủy mạc, ai treo bức họa Tầu ?
Đen nhạt từng chòm cây đứng sững,
Trắng ngần một giải nước đi đâu ?
Lập-lòe xóm quạnh, trăng đầu miếu,
Lốc-cốc đường quai, mõ cổ trâu.
Ai bảo rừng thiêng và nước độc,
Không lưu-luyến nổi khách mày râu ?

1950



ĐƯỜNG RỪNG NHỚ QUÊ

Trời chiều dịu-dịu ánh hoàng-hôn,
Lữ-thứ hoàng-hôn, dạo cuối thôn.
Cổng nứa bên đường con chó nhỏ,
Cành xoan trên giếng bóng trăng tròn.
Cánh qua rừng suối chim bay vội,
Vẫn đánh i-tờ trẻ học ôn.
Trăm dặm quê nhà xa chợt nhớ,
Muốn về, e nhớ củ khoai môn !

1950



THUYỀN THƠ

Chiều xuân dịu, vàng vàng ánh nắng,
Nước xuân đầy, trắng trắng làn sông.
Thuyền ai biệt bến sông Hồng,
Một người thơ-thẩn bên sông tiễn thuyền.
Mặt trời đỉnh núi nghiêng nghiêng,
Gió lên sóng rờn, con thuyền như say.
Thuyền đi đâu thế, hôm nay?
Thuyền say vì nước, ta ngây vì thuyền!
Thuyền đi nhé vào miền mây nước,
Hồn thơ ta hẹn-ước cùng đi.
Nước mây tự trước đi về,
Lạ gì trôi rạt, lạ gì lênh-đênh?
Thuyền ơi! Cùng kiếp phù-sinh,
Cái phiêu-lưu, cái bồng-bềnh giống nhau.
Phiêu-lưu là biết về đâu?
Bồng-bềnh trót với *cao sâu* hẹn-hò!
Thuyền đi nhé! tiền-đồ đẹp lắm,
Vào mênh-mông mà tắm phong quang!
Hương rừng gió thốc đầy xoang,
Ráng chiều, bóng rọi huy-hoàng trên sông!
Giờ được lúc sông trong trời tốt,
Thuyền đi... đi... mai mốt lại về.
Hồn thơ ta chở khi đi,
Tình thơ thuyền đến hôm về nặng thêm!

Thoi-thóp bóng, đàn chim về núi,
Dòng sông xa... trông rõi thuyền xa...
Thuyền xa, lủi-thủi lại nhà,
« Người thơ » đếm mộng, « người hoa » dưới thuyền.

1948

✦

ĐÊM SAO ĐÓM

Đồng lúa chín lập-lòe lửa đóm,
Tầng không trong lốm-đốm chùm sao.
Bao-la đất rộng trời cao,
Điểm vàng không một khoảng nào là không!
Này ai thức mà trông đẹp quá:
Cái đêm nay là cả đêm vàng!
Ngày vàng; nắng giải trang-trang,
Lại đêm sao đóm, huy-hoàng cả đêm!
Rừng lặng-lẽ cây nêm cao vút,
Hồ trong veo mặt nước lạnh-lùng.
Hồ trong sao lộn mấy từng,
Đóm bay lấp-loáng lên rừng... ngỡ sao!
Ô hay! tít trời cao có đóm,
Cõi đất này lốm-đốm sao rơi.
Sao sao đóm đóm tơi-bời,
Huy-hoàng trời đất, người chơi quên về!

Thơ, hứng đến, toan đề họ Lý,
E chùm sao vì thế động lòng.
Bắt con đom đóm trong không,
Bỏ vào chiếc túi hồng hồng có thơ.
Ngọn gió thoảng phất-phơ cành trúc,
Nhớ người xưa bỉnh chúc, bật cười:
Đêm vàng sao đóm không chơi,
Chơi đèn đốt đuốc cho đời mệt thêm!
Giờ, tất cả động-viên tác-chiến,
Việc nước non đã chiếm cả ngày.
Huy-hoàng trời đất đêm nay,
Ngang-tàng ai cấm lúc này chơi đêm?

1950



GÁNH NƯỚC ĐÊM

Đỉnh đầu một bóng trăng,
Trên vai một gánh nước.
Đường khuya xóm Bàn-cờ,
Một cô cao thấp bước.

Trong thùng nước có trăng,
Cô gánh đi thung-thăng.
Lầu cao trông ấp-ánh,
Một gánh hai chị Hằng!!

Trăng lồng cây xóm vắng,
Nước dỏ... chận người trăng.
Nhẹ bước trên đường trắng,
Cô quê mình gánh nặng!

Cô bé, con nhà ai?
Nước gánh bao nhiêu rồi?
Đêm sâu, người đã giấc,
Thôi gánh trăng về ngơi!!...

1957



NAM-TRÂN

NAM-TRÂN

CHÍNH tên là Nguyễn-học-Sỹ. Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1907 ở làng Phú-thứ-thượng, huyện Đại-lộc, tỉnh Quảng-nam. Thuở nhỏ Nam-Trân theo học chữ Hán và tập làm những lối văn trường ốc. Năm 12 tuổi, Nam-Trân mới theo tân-học Từ trường Quốc-học Huế đến trường Bảo-hộ Hà-nội, Nam-Trân có bằng tú-tài bản xứ và trở thành một công chức. Vào khoảng năm 1939-40, Nam-Trân làm tham-tá ở tòa Khâm-sứ Huế, rồi sau đó được cải bổ vào chánh-phủ Nam-triều với chức-vụ Tá-lý bộ Lại, và hiện nay thì hình như đang sống ở Paris.

Về sự-nghiệp văn-nghệ, Nam-Trân đã đăng thơ trong các báo : Annam tạp-chí, Phong-hóa, Tràng-an, và đã xuất-bản 2 tập thơ là : *Huế, Đẹp và thơ*.

Chỗ đặc-biệt của Nam-Trân là ý thơ rất dồi-dào, lời thơ rất biến hóa, không theo một khuôn sáo, không mơ-màng, không buồn vơ-vẩn, và cái lạ nữa là sống ở Huế mà Nam-Trân lại là một nhà thơ rất ghét Nam-ai.

THI TUYỂN

TRƯỚC CHÙA THIÊN-MỤ

Êm êm dòng nước Hương-giang chảy,
Xúm xít thuyền con chỗ ba bảy.
Tiếng hát Ngư-ông đẫm bóng cây,
Như luồng khói nhẹ lên lên mãi.
Tháp cao dòm nước : vết meo trôi.
Đồi thấp sừng trăng dõi dõi soi.
Mờ ở, xa xa gà gáy sáng...
Trong chùa cảnh cảnh tiếng chuông hồi.



ĐẸP VÀ THƠ

Thuyền nan đủng-đỉnh sau hàng phượng ;
Cô gái Kim-luông yểu điệu chèo.
Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết
Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo.
Thuyền qua đến ; bến cô lui lại,
Vẫy chiếc chèo ngang : giọt nước gieo.
Đăm đăm mắt môi vì chèo,
Chèo cô quấy nước trong veo giữa dòng.
Biết không ? cô hỡi biết không ?
Chèo cô còn quấy, sóng lòng còn xao ?

HUẾ, NGÀY HÈ

Lửa hạ bừng bừng cháy,
Làn ma trốt trốt bay.
Tiếng ve rè-rè mãi,
Đánh đổ giấc ngủ ngày.

Đường sá ít người đi,
Bụi cây lắm kẻ núp.
Xơ-xác quán nước chè,
Ra vào người tấp-nập.

Phe-phẩy chiếc quạt tre,
Chú nài ngồi đầu voi.
Thỉnh-thoảng giơ tay bẻ
Năm ba chùm nhãn còi.

Huê phượng như giọt huyết,
Đổ xuống phủ lề đường.
Mặt trời gay gay đỏ
Nhuộm đỏ góc sông Hương.



HUẾ ĐÊM HÈ

Trời nóng băm bốn độ,
Đèn, sao khắp đế đô.
Mặt trăng vàng trỏn-trẻn
Nấp sau nhánh phượng khô.

Ba dịp cầu Trường-tiền,
Đứng dày người hóng mát ;
Ngọn gió Thuận-an lên,
Áo quần kêu sột-sạt.

Đủng-đỉnh chiếc thuyền nan
Qua lại bến sông Hương...
Tiếng đờn chen tiếng hát,
Thánh-thót điệu Nam-bường.

Hai tay xách hai vịm,
Một vài mụ le-te.
Tiếng non rao lảnh-lói :
Chốc chốc : « ai ăn chè ? ».



MÙA ĐÔNG

(Cánh đồng An-cựu)

Lá bàng
Như lá vàng
Rụng.
Ôi ! đìu-hiu
Cảnh chiều
Đông !
Ruộng ngập : mênh-mông
Nước phẳng.
Cò bay, yên lặng,

Quanh đồng.
Thị tứ viễn - vông :
Thần tưởng - tượng
Như đàn cò đôi lượn
Đồng không.



NẮNG THU

Hát bài hát ngô-nghê và êm-ái,
Bên sườn non, mục-tử cưỡi trâu về.
Nắng chiều rây vàng bột xuống dân quê,
Lúa chín đỏ theo gió nồm sấp mái.

Trên suối nhỏ chiếc cầu tre hẻo lánh
Tốp lều qua lẩy-bẩy vịn thành ngang.
Lũ trẻ con sung-sướng nổ cười vang
Đùa với bóng chẩy theo dòng nước lạnh.

Đây núi tím bỗng thay màu xanh ngắt
Rồi ở lần trong giây khắc nhá-nhem.
Âm-thầm cảnh vật vào đêm,
Vết ráng đỏ, tiếng còi xa cùng tắt.



GIÂN KHÚC NĂM-AI

Đừng kể nữa những mảnh tình tan-tác.
Hãy đứng lên, Nhạc-sĩ với tôi đi!
Tôi ghét anh mê giọng hát sầu-bi
Và tung mãi tâm-hồn thừa truy-lạc.

Hãy đứng dậy! Vứt chiếc cầm ảo-não!
Tôi cần nghe những khúc nhạc rất hùng.
— Thét ngựa lòng phi mãi chẳng chồn chân
Sáng như gươm tuốt, mạnh như luồng bão.

Ôi Nhạc-sĩ, thật anh người thậm-tệ:
Quan hoài chi những lối hát mê-ly.
Những câu ca không đẹp lại không thi
Của kỹ-nữ vọc cuộc đời ê-chệ?

Hãy cung kính nhường các ngài tuổi-tác
Những bản đờn, dịp hát thiếu tinh-thần.
Hãy ra nghe sóng vỗ, ngắm mây vần
Rồi sáng-chế cho tôi vài điệu khác.





PHAN-VĂN-DẬT

PHAN - VĂN - DẬT

LÀ một nhà thơ sống giữa cuộc đời náo-động, nhưng ngoảnh mặt làm lơ, tự tạo cho mình một thế-giới riêng, lặng-lẽ đầy thơ-mộng, thi-sĩ Phan-văn Dật, người làng Đạo-đàn, phủ Triệu-phong, tỉnh Quảng-trị. Thi-sĩ sinh ngày 17 tháng 8 năm 1909 ở làng Phú-xuân, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên.

Thi-sĩ học trường Quốc-học Huế, có bằng Thành-chung. Thi-sĩ ra đời làm thư-ký ngạch trước-bạ Huế và sau mất tại đây.

Bước vào làng văn rất sớm và thạo làm thơ từ năm 15 tuổi, Phan-văn-Dật có thơ đăng trong Nam-phong Tạp-chí từ năm 1924 đến năm 1927 Sau đó nhà thơ trẻ tuổi này có cho xuất-bản tập « *Bâng-khuâng* » vào năm 1935, và còn viết cho các tờ : Thần-kinh, Rạng-đông với những bút hiệu : *Tiên-lang* và *Thường-nga-phố* nữa.

⚜

THI TUYỂN

TIỄN ĐƯA

(Lời một người đàn-bà xưa tiễn chân chồng đi lính)

Ngày mai chàng lên đường,
Thân gió bụi tuyết-sương.
Tối nay còn với thiếp,
Xin cạn chén quỳnh-tương.
Chàng mặc áo nhung này,
Thiếp vì chàng mới may,
Thiếp dù xa chân ngựa,
Tơ lòng theo chàng bay.
Đừng nghĩ đến ngày mai!
Hôm nay biết hôm nay,
Thiếp đây mà chàng đó,
Chừng ấy là đủ rồi.
Ngày mai chàng ruổi xa,
Mặc kẻ nước mắt sa,
Yên ngựa rong đường thẳng,
Thức dậy lúc canh gà.
Ngày sau khi chàng về,
Thiếp dù chống gậy lê,
Xin vì chàng dâng rượu,
Tình xưa cạn chén thề.

Rồi bên chàng có thiếp,
Giấc hòe cùng thiêm-thiếp,
Yêu nhau đến trăm năm;
Phong-trần cho bõ kiếp.

1927



BI-XUÂN-NƯƠNG

(Một người khách qua chơi xóm Bình-khang gặp cố-nhân là Bi-xuân-Nương, nhân hỏi vì sao đến đỗi, Bi-xuân-Nương rơi lệ mà làm cho khách bài này)

Em là khách giang-hồ,
Hầu-hạ người khách du;
Vì tiền khách bán thịt,
Mặc lòng khách giầy-vò.
Khách bảo gì em vâng,
Dám thương chút bụi trần.
Hôm nay em của khách,
Quỳ gối, tùy lượng xuân.
Em đã bán mình rồi,
Nhị đào người chán chơi,
Mình băng từ bùn nhuộm,
Hoa trôi mặc sóng dồi.

Khách nhắc gì chuyện cũ ?
Nấu ruột đứa xương-phu !
Hãy bằng lòng mình em,
Hồn em tha cho nó !
Gặp nhau đừng nhớ nhau,
Em đau mà khách đau.
Đừng trêu nhau nợ cũ,
Dòng châu trả dòng châu,
Muốn hỏi xin đừng hỏi
Biết ra chi thêm tủi,
Cố-nhân gì em đây ?
Đồ chơi cho trăm mối.
Thương nhau còn một quên!
Quên là thương nhau bền.
Khách không hay em đã...
Em còn đường khách tin.
Gạt lệ thôi làm lơ,
Khách vui mà em nhờ,
Mấy lời muôn thu giận.
Ruột tằm chưa hết tơ.

1927



NÀNG CON GÁI HỌ DƯƠNG

Năm xưa ta lại chốn này,
Hồ thu nước mới chau mày với thu.
Nàng Dương mười bốn hái dâu,
Hoa non đâu đã biết sầu vì thu.

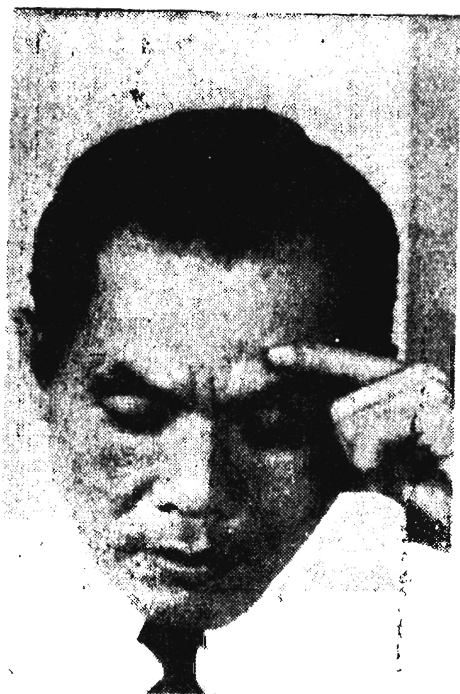
Năm sau ta đến chốn này,
Nàng Dương tóc đã đến ngày cài trâm.
Chiều xuân hoen-hoẻn trăng rằm
Con ong lén gởi thơ thầm ngoài hiên.

Qua năm ta lại chốn này,
Ngựa xe chen bước dấu giầy in sân.
Phòng khuê cửa đóng mấy tầng,
Chim xanh mỏi cánh mấy lần về không.

Rồi năm ta lại chốn này,
Nàng Dương mở cửa suốt ngày đợi tin.
Thềm ba khách vắng rêu in,
Cành hoa năm ngoái ai vin năm này ?

Năm nay ta lại chốn này,
Lầu không chim vắng, chim bay đằng nào ?
Hỏi người có biết tăm-hao,
Láng-giềng rằng có cô nào đâu đây !

1927



NGUYỄN-VỸ

NGUYỄN - VỸ

LÀ một nhà thơ đã từng hô-hào :

Ta hãy truyền một thi hứng mới cho thế-kỷ hai mươi,
Ta hãy ký thác trong văn thơ những tình sâu ý hiểm.

Và đã từng đem kiếp nhà văn so-sánh với kiếp chó, thi-sĩ Nguyễn-Vỹ sinh năm 1910 ở làng Tân-phong, Tỉnh Quảng-ngãi (Trung-việt).

Nguyễn-Vỹ đã học trường Quảng-ngãi, trường Quy-Nhơn, đã từng cạo đầu đi tu, gánh cát ở bãi sông và đã từng ngồi tù vì chánh-trị trong thời Pháp thuộc và Nhật thuộc, cũng đã từng bán kẹo ở Hà-nội, bán báo ở Saigon.

Về sự-nghiệp văn-nghệ, Nguyễn-Vỹ đã xuất-bản « *Tập thơ đầu* », các tiểu-thuyết : *Dây bí rợ*, *Hai thiêng-liêng*, và đã từng viết các báo : Ami du peuple, Le Cygne, Văn-học Tạp-chí, Hà-nội báo, Phụ-nữ. Trong thời-gian gần đây, Nguyễn-Vỹ đã từng làm chủ-nhiệm báo Dân-Ta, thư-ký tòa soạn nhật báo Saigon Mới, chủ-bút tuần báo Bông lúa.

Nguyễn-Vỹ chuyên sống về nghề văn, hiện nay đang chủ-trương tờ tạp-chí Phổ-thông, và dự định sẽ cho ra đời một tập thơ trào-phúng lấy tên là « *Lên ruột* » dưới bút hiệu *Cô Diệu-Huyền*.

THI TUYỂN

SƯƠNG RƠI

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương - liễu...
Nhưng hơi
Gió bấc
Lạnh - lùng
Hiu - hắt
Thấm vào
Em ơi !
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương !...
Rồi hạt
Sương trong
Tan - tác
Trong lòng
Tả - tơi
Em ơi !
Từng giọt

Thánh - thót,
Từng giọt
Điều - tàn
Trên nấm
Mồ hoang !,..
Rơi sương
Cành dương
Liễu ngã
Gió mưa
Tơi - tả
Từng giọt,
Thánh - thót,
Từng giọt,
Tơi - bời,
Mưa rơi,
Gió rơi,
Lá rơi
Em ơi !...

1935





QUÁCH-TẤN

QUÁCH - TẤN

LÀ một nhà thơ sở-trường về Đường, và điêu-luyện, hàm-súc, thi-sĩ Quách-Tấn sinh ngày 23 tháng 11 năm Kỷ-dậu tức Dương-lịch 20-1-1910, người làng Trường-định, huyện Bình-khê, tỉnh Bình-định (Trung-Việt). Thân-phụ Thi-sĩ là một nhà Tây-học, thân-mẫu là một nhà Hán-học. Quách-Tấn thuở nhỏ học chữ Hán, cho tới năm 11 tuổi mới học chữ Quốc-ngữ và Pháp-ngữ. Ông có bằng Thành-chung và đã từng làm phán-sự ở Nha-trang.

Về sự-nghiệp văn-nghệ, thi-sĩ Quách-Tấn có hai tập đã xuất-bản là *Một tấm lòng* (1939) và *Mùa cổ điển* (1941). Cả 2 thi-phẩm này đều được nhiều người chú ý đến.

Thi-sĩ là người làm thơ rất cân-nhắc, gọt dũa, chú trọng từng câu, từng chữ một, nhưng thời-gian gần đây thì hầu như vắng mặt trên văn-đàn, báo-giới.

Hiện nay, Quách-Tấn dạy học ở Nha-trang, và là một giáo-sư Việt-văn nổi tiếng ở Trung-Việt, được nhiều giáo-hữu và các anh chị em học-sinh quý mến.

✤

THI TUYỂN

TRƠ TRỌI

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ,
Bao nhiêu khăng-khít bấy ơ-hờ !
Sầu mang theo lệ khôn rơi lệ,
Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ !
Mưa gió canh dài ngăn lối mộng,
Bèo mây bến cũ quyện lòng tơ...
Hỏi thăm tin-tức bao giờ lại,
Con thước qua song lại ỡm-ờ !



CHIỀU XUÂN

Chim mang về tổ bóng hoàng-hôn,
Vàng lửng-lơ non, biếc đọng cồn.
Cành gió hương xao hoa tỉ muội ;
Đồi sương sóng lộn cỏ vương tôn.
Khói mây quanh-quẩn hồi chuông vọng,
Trời biển nôn-nao tiếng địch dồn :
Thưởng cảnh ông câu tình-tự quá !
Thuyền con chở nguyệt đến cô thôn.



ĐÊM TÌNH

Giấc thắm tình duyên non gối nước,
Màn sương để lọt ánh sao băng.
Hồn hoa chợp mộng thơm hồn gió ;
Tóc liễu dừng thơ đón tóc trăng.
Muôn điệu tơ lòng run sẽ sẽ,
Nửa vời sông nhạc rộn lâng lâng.
Phòng không thương kẻ ngồi nương triện,
Tình gởi mây xa, lệ ngập-ngừng.



MỘNG THẤY HÀN-MẶC-TỬ

Ới Lệ-Thanh ! Ới Lệ-Thanh !
Một giấc trưa nay lại gặp mình.
Nhan-sắc châu pha mùi phú-quý,
Tài-hoa bút trổ nét tinh-anh.
Rượu tàn thú cũ say-sưa chuyện,
Hương tạ trời cao bát-ngát tình.
Tôi khóc, tôi cười vang cả mộng...
Nhớ thương đưa lạc gió qua mành.



ĐÊM THU NGHE QUẠ KÊU

Từ Ô-y-bạng rủ-rê sang,
Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn-ràng...
Trời bến Phong-kiều sương thấp-thoáng,
Thu sông Xích-bích nguyệt mơ-màng.
Bồn-chồn thương kẻ nương sông bạc,
Lạnh-lẽo sầu ai rụng giếng vàng ?
Tiếng dội lưng mây đồng-vọng mãi,
Tình hoang-mang gợi tứ hoang-mang.



VỀ THĂM NHÀ CẢM TÁC

Quê người rong-ruổi bấy nhiêu lâu,
Vườn cũ về thăm cảnh dãi-dầu !
Trống-trải ba gian nhà nhện choán ;
Ngửa-nghiêng bốn mặt dậu bìm leo.
Cội tùng bóng ngả sương rơi lệ ;
Ngõ trúc mây che quốc dục sầu.
Lẳng-lặng bên thềm ôn chuyện cũ...
Giựt mình ngỡ đến chốn nào đâu ?



TÌNH XƯA

Từ buổi thuyền đưa khách thuận dầm,
Trông chừng bến cũ biệt mù tăm...!
Cảm thương chiếc lá bay theo gió.
Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm.



BÊN SÔNG

Gió rủ cành đi ngàn liễu khóc,
Sông đùa lạnh tới bóng trăng run...
Thuyền ai tiếng hát bên kia vắng ?
Ghé lại cho nhau gởi chút buồn.



ĐÀ-LẠT ĐÊM SƯƠNG

Bóng trăng lóng-lánh mặt hồ im,
Thời khắc theo nhau lải-rải chìm.
Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dìu-dịu mộng êm êm.

Một luồng sương bạc bỗng từ mô,
Lên cuốn vừng trăng, cuốn mặt hồ,
Cuốn cả non sao bờ suối ngọc :
Người lơ-lửng đứng giữa hư-vô.

— Trời đất tan ra thành thủy-tinh —
Một bàn tay ngọc đẫm hương trinh.
Âm-thầm mơn-trớn bên đôi má,
Hơi mát đê-mê chạy khắp mình.





VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

LÀ một nhà thơ giầu âm-điệu và nổi tiếng đã trút vào tác-phẩm hầu như tất cả những cái say ở đời, thi-sĩ Vũ-hoàng-Chương sinh ngày 5 tháng 5 năm 1916 ở Nam-định (Bắc-việt).

Xuất thân trong một gia-đình Nho-giáo, Vũ-hoàng-Chương học chữ Pháp có bằng tú-tài Tây. Thi-sĩ đã theo học trường Luật, nhưng lại bỏ để làm phó thanh-tra sở Hỏa-Xa miền Bắc. Được hơn một năm, Vũ-hoàng-Chương lại nghỉ việc. Thi-sĩ bước sang nghề dạy học một độ, rồi theo học ban cử-nhân toán-học. Sau đó Thi-sĩ lại thôi và lại trở nên một nhà giáo.

Vũ-hoàng-Chương bước chân vào làng thơ rất sớm và đã từng viết cho nhiều tờ báo xuất-bản ở Hà-nội.

Thi-phẩm của Vũ-hoàng-Chương được nổi tiếng nhất là tập *Thơ say* xuất-bản năm 1940. Kể đó, từ năm 1943 đến năm 1954, sau khi di-cư vào Sài-gòn, nhà thơ họ Vũ đã cho ra đời thêm mấy tập thơ nữa là : *Mây* (1943), *Rừng phong* (1954) ; một tập kịch thơ *Vân-Muội*, *Trương-Chi*, *Hồng-Điệp* (1944).

Thi-sĩ Vũ-hoàng-Chương hiện nay chuyên sống về nghề dạy học ở nhiều trường tư-thục. Còn về sự-nghiệp thơ, Thi-sĩ vẫn say-sưa sáng-tác và sẽ cho ra mắt bạn đọc tập thơ *Hàm ca* và ba bản kịch thơ : *Tâm-sự kẻ sang Tầu*, *Thằng cuội*, *Cô gái ma*...

THI TUYỂN

NGHE HÁT

Phách ngọt, đàn say, nệm gối êm;
Tiếng ca buồn nổi giữa chừng đêm.
« Canh khuya đưa khách », lời reo ngọc,
Mơ gái Tầm-dương thoảng áo xiêm.
Ai lạ nghìn thu xa tám cõi.
Sen vàng như động phía châu liêm.
Nao nao khói biếc hài thương-nữ;
Trở gối, hoa lê rụng trắng thềm.



SAY ĐI EM

Khúc nhạc hồng êm-ái,
Điệu kèn biếc quay cuồng.
Một trời phấn hương
Đôi người gió sương,
Đầu xanh lận-đận, cùng xót thương, càng nhớ thương.
Hoa xưa tươi, trăng xưa ngọt, gối xưa kề, tình nay sao héo!
Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẻo,
Lòng trót nghiêng mà bước vẫn du-dương.

Lòng nghiêng tràn hết yêu-đương
Bước chân còn nhịp Nghê-thường chẳng lo.
Ánh đèn tha-thướt,
Lưng mềm, não-nuột tiếng tơ.
Hàng chân lả-lướt,
Đê-mê, hồn gửi cánh tay hờ.
Âm ba gờn-gợn nhỏ,
Ánh sáng phai phai dần...
Bốn tường gương điên-đảo bóng giai-nhân,
Lui đôi vai, tiến đôi chân,
Riết đôi tay, ngả đôi thân :
Sàn gỗ trơn chập-chờn như biển gió,
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ,
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta !
Cổ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa,
Tay mềm-mại, bước còn chưa chếnh-choáng,
Chưa cuối xứ Mê-ly, chưa cùng trời phóng-
đãng,
Còn chưa say, hồn khạt vẫn thèm men.
Say đi em ! Say đi em !
Say cho lơi-lả ánh đèn,
Cho cung bậc ngả-nghiêng, điên-rồ xác thịt,
Rượu, rượu nữa, và quên, quên hết !
Ta quá say rồi !
Sắc ngã, màu trôi...

Gian phòng không đứng vững,
Có ai ghì hư-ảnh sát kề môi ?
Chân rã-rời,
Quay cuồng chi được nữa ;
Gối mỏi gần rơi !
Trong men cháy, giác-quan vừa bén lửa,
Say không còn biết chi đời.
Nhưng em ơi !
Đất trời nghiêng-ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ.
Đất trời nghiêng-ngửa,
Thành Sầu không sụp đổ, em ơi !



QUÊN

Đã hẹn với em rồi ; không tưởng tiếc,
Quãng đời xưa, không than khóc gì đâu !
Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc,
Sát gần đây, gần nữa cặp môi nâu.

Đêm nay lạnh, tìm em trên gác tối,
Trong tay em dâng cả tháng năm thừa ;
Có lẽ đâu tâm-linh còn chọn lối
Để đi về Cay-Đắng những thu xưa.

Trên nẻo ấy, tơi-bời — anh đã biết —
Những tình phai duyên úa, mộng tan-tành.
Trên nẻo ấy sẽ từ muôn đáy huyệt.
Ái-ân xưa vùng dậy níu chân anh.

Không em ạ, không còn can-đảm nữa,
Không nguồn yêu, suối lệ đã khô rồi,
Em hãy đốt giùm anh trong mắt lửa
Chút ưu-tư còn sót ở đôi môi...

Hãy buông lại gần đây làn tóc rối,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi điên.
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói,
Đưa hồn say về tận cuối trời Quên.



NGUYỆN CẦU

Ta còn để lại gì không,
Kìa non đá lở, này sông cát bồi.
Lang-thang từ độ luân hồi,
U-minh nẻo trước, xa-xôi dặm về.
Trông ra bến hoặc bờ mê,
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương.
Ta van cát bụi trên đường
Dù nhơ dù sạch đừng vương gót này ;
Để ta chôn một kiếp say,
Cao xanh liều một cánh tay níu trời.

Nói chi thua được với đời,
Quản chi những tiếng ma cười đêm sâu.
Tâm-hương đốt nén linh sầu,
Nhớ quê dằng-dặc, ta cầu đó thôi.
Đêm nào ta trở về ngôi,
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế-gian.
Một phen đã nín cung đàn,
Nghi chi còn mất hơi tàn thanh-âm.



NGAU CẢM

Sao lên từng nụ ngọc lưu-ly,
Trái đất còn xanh chẳng vội gì.
Hồ giỡn gót sen mây bạc đắm ;
Sông trôi tóc liễu gió vàng si.
Trời mong thu tới cao vừng trán ;
Núi hẹn xuân về đậm nét mi.
Gặp mặt trùng-dương vừa gợn sóng.
Kìa họa dương-độ, nguyệt đương thì.

Sống giữa chiêm-bao vạn cuộc đời,
Trắng tay sầu ngất tám phương trời.
Thanh gươm quyết-tử mài chưa bén ;
Ngọn bút mưu sinh giá cũng hời.
Dâu bể hoang-mang lòng phật khóc ;
Gối chăn lạnh-lẽo tiếng ma cười.
Bên sông từ đấy hoa mai nở ;
Không chút cuồng si tưởng bóng người.

Trời vô tâm quá, đất vô tình ;
Biết gửi vào đâu cái chính mình.
Tiếng ếch đã trùm lên tiếng sóng ;
Màu đen lại ngả xuống màu xanh.
Uống cho thơ dẫu bày trăm trận ;
Ngán lẽ sầu khôn phá một thành.
Tưởng tới nguồn đào thôi lại tiếc ;
Con thuyền đêm ấy nhẹ thênh-thênh.

Trở gót quê say ngược Suối Điều,
Nét hoa mờ tỏ sóng phiêu-diêu.
Lên tiên về tục thương Từ-Thức ;
Lấy ảo làm chân học Thúy-Kiều.
Vạn thuở đắng cay gì đỗ-vũ ;
Một cành yên ổn chứ tiêu-liêu.
Đường xuôi cây đá bừng nhân-ảnh ;
Cầu quạ chênh vời nguyệt té xiêu.

Lửa khóa mây then bốn vách trời,
Về đâu mộng cũng chẳng đành nơi.
Vẫn chưa ý gửi vào thơ được ;
Mà đã dâu toan hóa biển rồi.
Ngọn gió nghe chừng xoay mãi hướng ;
Vầng trăng ai nỡ xẻ làm đôi.
Tin xuân lạnh lắm rồng ao cạn,
Há chỉ phòng thu lệ nến rơi.

Này lúc ngàn hoa đẹp sắc hương,
Ghen chi tô-điểm hỡi Thu-nương ?
Cay men đối cảnh ngùi muôn thuở ;
Ôm bệnh lên lầu cảm bốn phương.
Thuyền mộng đã trôi vào lửa khói ;
Tơ tình lại dệt xuống văn-chương.
Áo xanh buổi ấy màu thêm bạc,
Mái tóc lo đời cũng nhuốm sương.



KHÚC MÚA CUNG HẰNG

Này phen mở khóa cung Thiềm,
Ngát men tình-ái vạt xiêm cầu vồng.
Chẳng ai hẹn bể thề sông,
Mà tơ trăng với bụi hồng vấn-vương.

Ngàn xưa lạnh-lẽo
Cô-tịch vầng gương.
Một sớm trời mây ảo điệu,
Cành đan quế thiên duyên hàm tiếu,
Để ngàn sau nồng đượm trán ai bằng sương.
Đã giờ đây bừng hương,
Trần ai còn tri-kỷ,
Tiếng lòng ai thi-sĩ gió lên ngàn phương.
Mộng ấy vừa nương,
Bóng kia đã gửi
Cho người yêu trên thượng giới
Mãi ra đi không tới, mãi chưa thôi bước đường.

Gã thi-nhân say-sưa tìm viễn-ảnh,
Mây trầm-luân chưa lạnh một niềm yêu,
Trước mắt lênh-đênh màu sắc diễm-kiều
Chợt biến hiện ả tình-nương quái-ảo.
Gã dấn bước để càng xanh nếp áo,
Gã ra đi cho càng ngát hương lòng.
Trang ân-ái, mở rồi phong,
Nghìn thu viết mãi chưa xong chữ tình.
Hỏi chi hòn đá ba sinh.
Cuộc dâu bể đã làm thinh mãi rồi.
Thi-nhân chàng ơi!
Si tình hỡi ngươi!
Ra đi mãi mãi đừng quên nhé!
Một khúc lên đường đẹp mấy mươi.

XUÂN THANH-BÌNH

Khói đưa trừ-tịch trầm xây biếc,
Hương đón nguyên-tiêu nụ mở đào.
Nhựa réo thanh-bình vang trái đất,
Cho lòng dâu-bể cũng xôn-xao.

Thuyền thơ chở hứng lên cao,
Sông xuân lại có đêm nào nguyệt hoa !
Bạc trôi từng lớp sao sa,
Bảy màu mây cửa Tháp-Ngà vấn-vương.

Trời khuya chợt vẳng khúc Ngư-Dương,
Đá thét vàng kêu nhịp trống cuồng.
Sực tỉnh trông ra ngoài giấc mộng
Hãy còn run-rẩy ánh trăng xuông.

Tơ xuân rối loạn ai guồng
Mà nghe lòng Tháp buông-tuồng khói mây ?
Gió thanh-bình đã về đây ;
Mưa vơi trừ-tịch, trăng đầy nguyên-tiêu.



GIỜ ĐÃ ĐIỂM

Giờ điểm rồi đây, hỡi Tuổi Xanh !
Có nghe nét chữ réo tung-hoành ?
Có nghe giòng mực sôi trang giấy,
Nhịp bốn ngàn thu Sử Đấu-tranh ?

— Đứng lên, nào Bạn trẻ
Thét lên một tiếng đồng thanh.
Cho vang trời bể
Nỗi sắt niềm đanh!
Cùng đáp ý muôn vàn thế-hệ...
Ôi Sông Bạch, giáo Ngô-Quyền, Bến Hồng,
voi Nguyễn-Huệ!
Dấu xưa còn để;
Chúng ta nguyền noi dấu bậc đàn anh.
Chẳng mơ chuyện nền Vương nghiệp Đế;
Mà hạnh-phúc toàn dân, tự-do toàn thể,
Mà giá-trị con người, tương-lai hậu-thế,
Đòi bảo-vệ
Giục đua-tranh
Đồng tâm kết một bức thành;
Gió tung bay đá-non-hoành rồi kia!

Giờ điểm lâu rồi, Bạn có nghe?
Xôn-xao mặt giấy hiện câu thề,
Hằn lên nét mực nghiêm-trang quá!
Chữ sắp hàng ra đợi nước phi...

Trong lòng Sách-vở đã vừa ghi
Một Sứ-Mạng vô cùng to-tát.
Lòng Tuổi Trẻ bỗng dâng lên giào-giạt,
Ôi nguồn cảm-hứng mê-ly!

Phút nửa khắc, ngàn trái tim cùng đạt
Tới phong-vị Chùa Hương, tới bài ca Sông Hát.
Nghe Cần-thơ điểm khúc tình thi
Với Hà-tiên Hà-tĩnh, cùng Phan-thiết Phan-ri,
Với đèo Ba-dội, đỉnh Ba-vì.
Giữa Đồng-tháp Đồng-đăng, cùng chung niềm phấn-khởi.
Có Chợ Đồng-xuân, có ga Đồng-hới!
Ai? Nào ai cắt được biên-thùy?
Bắc Nam giàu nghĩa tương-tri.
Giải đồng bên nớ bên ni vẫn liền.

Các bạn, Nào ta hãy đứng lên!
Trái tim Dân-tộc đã xây nền.
Tự-do đã hiển linh thần-tượng,
Cánh vỗ hào-quang tỏa bốn bên...

Bút dâng làm nén-hương-Đền,
Trước pho thần tượng, hãy nguyền đồng tâm.
Kìa, đấy Con Người, đây Nước Tổ!
Đôi cánh thiêng nhịp vỗ khói mây trầm.

Lịch-sử bốn nghìn năm
Một mùa hoa đang độ,
Chúng ta bước, với linh kỳ dẫn lộ,
Bốn bề sông núi đăm đăm...
Nền Độc-lập niềm vui cương thổ,
Vững lòng tin, đài Thống-Nhất cao ngâm.
Lắng hồn quê mẹ giáng lâm,
Nén hương đền quyện khói trầm say say...
Con Người còn đó !
Nước Tổ còn đây !
Còn phải đấu tranh vì Lý-tưởng
Kết trong hai chữ Tự-Do này...
Ôi giờ đã điểm ! Nghe thần-tượng
Phơi-phới hào quang đẹp cánh bay.

Chúng ta nguyền : Đã đến ngày
Dâng lên Nước Tổ, vào tay Con Người.
— Đẹp như thần-tượng sáng ngời
Phải chăng các bạn ? — Một đời Tự-do !

✤



J. LEIBA

J. LEIBA

NHÀ thơ ký bút-hiệu chẳng Việt-Nam chút nào này chính tên là Lê-văn-Bái sinh năm 1912 ở Yên-báy, quê làng Nam-trực, huyện Nam-trực, tỉnh Nam-định (Bắc-Việt) và đã mất vào khoảng năm 1942.

J. Leiba học trường Bảo-hộ Hà-nội đến năm thứ ba, rồi bỏ đi theo một bọn giang-hồ mãi võ trót một năm. Sau về quê học chữ Hán. Năm 1935 thi đậu thành-chung, vào ngạch thư-ký tòa sứ Bắc-kỳ. Vì đau nặng được phép nghỉ dài hạn.

Là một nhà thơ có giọng Đường rõ-rệt và lại nói lên được nỗi lòng riêng của người đương thời. Thơ J. Leiba ra đời từ năm 1934, trước hết đăng ở báo Loa rồi Ngọ-báo, Tin-văn, L'Annam nouveau, Tiểu-thuyết thứ bảy, Ích hữu Việt-báo, Nam-cường. Ngoài bút-hiệu trên này J. Leiba còn có một bút-hiệu là Thanh-tùng-Tử nữa. Nhưng bút-hiệu này chỉ ký lúc ban đầu bước chân vào làng văn-nghệ-sĩ.

✤

THI TUYỂN

BẾN GIÁC

Phù-thế đã nhiều duyên nghiệp quá!
Lệ lòng mong cạn chốn am không.
Cửa thiền một đóng duyên trần đứt,
Quên hết người quen chốn bụi hồng.



THUYỀN AI ĐẬU BẾN CÔ-TÔ?

Trên đài Cô-tô bóng trăng soi,
Dưới đài Cô-tô dòng nước trôi.
Trăng lặn non Tây còn lúc mọc,
Nước về Đông cứ lạnh-lùng xuôi...

Cung xưa, tha-thẩn lũ hươu nai!
Tây-tử năm hồ đã dạo chơi.
Xương ngọc, hồn hoa đâu chốn gửi?
Thà như trinh-nữ: Hổ-khâu vùi.

Hổ-khâu, tầng núi, tháp lô-nhô,
Đêm vắng, đèn chong, tỏ ngọn chùa.
Muốn đốt hương thơm nương cửa Phật,
Mà đem thoa xuyến vứt cho sư!

Thuyền dạo hồ Đông muôn dặm chơi,
Quạ kêu, trăng lặn, nước mờ khơi.
Hàn-san vẳng tiếng chuông chùa sớm,
Cây bến, đèn ngư não mộng người !



HOA BẠC MỆNH

Người đẹp vẫn thường hay chết yểu ;
Thi-nhân đầu bạc sớm hơn ai.
Ba xuân muôn thắm thêu cành biếc,
Bạc mệnh hoa kia đã rụng rồi !

Héo trước trăm hoa, hoa bạc mệnh,
Đang xuân để khỏi thấy xuân tàn.
Chúa xuân ví biết tình hoa thế,
Xin kiếp sau đừng nở thế-gian.

Hồn kết gió thương trời Nhược-thủy,
Cánh viền mây thắm động Thiên-thai,
Hóa thành những giọt mưa thơm ấy,
Tưới nở trăm hoa đã héo rồi !



MAI RỤNG

Nụ hồng rải lối, liễu tơ phai,
Vườn cũ rêu lan, cỏ mọc dài.
Bên gốc mai già, xuân vắng-vẻ,
Âu-sầu thiếu-nữ khóc hoa mai...

Hoa mai đã tạ, lá mai vàng,
Vàng úa đầu cành rủ bóng dương.
Lác-đác mai già rơi mặt đất :
Hoa chưa thành quả, quả nay tàn !

Quả tàn héo rụng gốc cây khô ;
Thiếu-nữ âu-sầu tưởng mộng xưa.
Vạch cỏ ngậm-ngùi nghiêng giỏ hốt,
Rạt-rào hoa rụng cánh như mưa.

Giỏ chưa đầy quả, lệ chan sầu,
Vứt giỏ bên mình, kéo áo lau.
Gió đuổi hoa tàn bay xớn-xác,
Má hồng sầu ủ, ủ làn thâu...

...« Năm xưa em ở chốn phòng-khuê,
Yêu nhớ ngây-thơ đã biết gì.
Mai nở, mai tàn, mai lại rụng,
Tường đông xuân sắc mặc đi về.

Tường đông xuân sắc gặp tình-lang ;
Chàng nhủ cùng em nỗi nhớ thương.
Ngơ-ngẩn em về, sầu chẳng mối ;
Ngây-thơ, em mới biết yêu chàng.

Yêu chàng, em cố chuốt hình-dung,
Tô cặp môi son, điểm má-hồng,
Em thấy xuân nay, hoa nở đẹp,
Cảnh tình Thánh-đế, tạ đông-phong.

Vườn tình hoa ánh cánh song sa,
Rễ liễu cùng chàng dựa bóng hoa.
Hoa tặng vừa tàn bông thược-dược,
Tìm chàng bỗng vắng, bóng chàng xa...

Xuân tàn, hạ cỗi, cảnh thu sầu,
Mờ-mịt hơi đông ám ngọn lau.
Xuân tới cành đào hoa lại nở,
Mong chàng mỏi mắt thấy chàng đâu ?

Gió xuân lại thổi chốn vườn xưa,
Lệ đẫm khăn là, dạ ngẩn-ngơ.
Hoa cỏ thương người, xuân ủ bóng ;
Đâu ngày xuân thắm buổi ngây thơ.

Sầu đối gương loan, bóng lạ người.
Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai ?
Bơ-phờ tóc rối, vành khăn lệch,
Ủ-rũ hoa gầy, má đỏ phai.

Phấn mốc, gương bay, chiếu lệch giường,
Song thưa, gió ném cánh hoa tàn;
Ba xuân những biếng thăm vườn cũ;
Trước cửa rêu dày, lớp cỏ lan.

Phòng không chi tưởng cảnh xuân tình,
Nhánh liễu phai tơ rụng trước mành;
Chợt nghĩ vườn xuân, xuân sắp hết,
Gượng vui, khoác áo dạo hoa-đình.

Xuân hết, đào phai, lý rụng rồi,
Hoa-đình tịch-mịch vẻ xuân phai.
Tơi-bời ong bướm bay qua ngõ,
Những tưởng màu xuân ở xóm ngoài.

Xuân buồn như nhắc cảnh xuân vui,
Gió thổi lay cành rụng quả mai.
Thương dấu xuân tàn nghiêng giỏ hốt,
Thượng xuân, xuân hỡi có thương người?

Lệ chan má phấn ủ mày ngài,
Thấm-thoát mầu xuân có thế thôi.
Cảnh cũng như người chung mối hận:
Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai?

. . . . »

Nụ hồng rải lối, liễu tơ phai,
Vườn cũ rêu lan, cỏ mọc dài.
Bên gốc mai già xuân vắng-vẻ,
Âu-sầu thiếu-nữ khóc hoa mai...

NĂM QUA

Em nhớ năm qua mới lên mười,
Tóc em buông xõa chấm ngang vai ;
Ngây thơ nào biết em xinh đẹp,
Cùng trẻ bên đường đánh « chắt » chơi.

Anh đi qua đó đứng nhìn em,
Em vứt sành đi vội đứng lên,
Dắt tay cười nói thi nhau chạy,
Em vấp vào anh ngã xuống thềm.

Me em chạy lại bế em hôn,
Êm-ái đe em sẽ đánh đòn.
Em phải nhịn đau không dám khóc,
Vì em trông thấy vẻ anh buồn...

. . . .

Em nhớ năm em lên mười hai,
Một mình em lấy trộm gương soi.
Đường ngôi đương kẻ thì anh đến,
Anh đến bên em mỉm miệng cười.

Em thẹn quăng gương chạy xuống nhà ;
Nín hơi anh gọi cũng không thưa ;
Sau mành lấp-ló em nhìn trộm,
Em đợi anh về mới dám ra...

. . . .

Em nhớ năm em lên mười lăm,
Cũng ngày đông cuối sắp sang xuân,
Mừng xuân em thấy tim hồi-hộp,
Nhìn cái xuân sang khác mỗi lần.

Ba mươi, em đứng ngắt hoa đào ;
Nghỉ học anh về qua trước ao,
Ngẩng mặt vừa khi anh ngó thấy,
Ném hoa em vội chạy ngay vào.

Mồng hai, anh lễ tết nhà em,
Em đứng nhìn anh, nấp bóng rèm
Mười sáu xuân rồi anh đã lớn ;
Tim em rầu-rĩ vẻ anh nhìn.

Em thấy tim em đập rộn-ràng,
Muốn ra lại ngại cháy tâm can.
Me em rót nước mời anh uống ;
Anh tủi, em rầu, ai khổ hơn ?

Năm ấy xuân em có một mình,
Ai vui em những ngẩn-ngơ tình.
Này quân tam-cúc năm xưa đó ;
Nào lúc vui đùa, em với anh ?

Mồng một, vui xuân hai chúng ta,
Em mười ba tuổi, tính còn thơ.
Em, anh còn cãi nhau như trẻ,
Em dỗi, anh nhìn, dạ ngẩn-ngơ...

Xuân nay xuân trước cách bao rồi ?
Nhớ buổi xuân nào, tiếc phút vui.
Em ước đôi ta cùng bé lại :
Vui xuân lại được đánh bài chơi !

Ngày nay nhớ lại buổi vô tình,
Anh lặng yêu em, em nhớ anh.
Rồi nữa xuân qua, xuân lại lại,
Biết rằng sau có vẹn ba sinh ?

. . . .

Hôm qua em đến mái đông-lân,
Cô gái khâu thêu vẻ ngại-ngần,
Tơ lụa bộn-bề quần áo cưới,
Vội-vàng cho khách kịp ngày xuân.

Duyên mình hờ-hững hộ duyên ai,
Cô gái đông-lân đáng ngậm-ngùi,
Ngán nỗi năm năm đưa chỉ thắm,
Phòng không may áo cưới cho người !...

Anh ơi ! Anh mải bước công-danh,
Để phụ cho nhau một mối tình.
Nhánh liễu vườn xuân, ai ấy chủ ?
Chờ ai biết có khỏi trao cành ?

Má đỏ, xuân em chỉ có thì,
Xuân qua phó nhẽ đợi anh về,
Tương-tư lệ nhỏ phai mầu phấn,
Anh hỡi ! Yêu nhau há đợi gì ?

Danh lợi như mây nổi giữa giời ;
Hồng-nhan phải giống mãi trên đời ?
Đợi anh áo gấm xuân sau lại,
Chỉ sợ nghiêng giành hốt quả mai !



MỘNG - TUYẾT

MỘNG - TUYẾT

NỮ - SĨ Mộng-Tuyết chính tên là Thái-thị-Út (bạn đọc gọi đùa là nàng Út) sinh năm 1914 tại làng Mỹ-đức, tỉnh Hà-tiên. Năm 12 tuổi tức năm 1926, Nữ-sĩ bắt đầu tập văn ở Trí-đức học-xá của thi-sĩ Đông-Hồ. Nữ-sĩ đã ký tên là Thái-nữ Mộng-Tuyết dưới các bài văn nhỏ, góp lại, nhan đề là *Bông hoa đua nở* đăng ở Nam phong tạp-chí.

Năm 1935, Nữ-sĩ viết chuyện ngắn hàng tuần cho tờ báo Sống ở Sài-gòn và thỉnh-thoảng làm thơ. Thơ của Nữ-sĩ có tập *Phấn hương rừng* đã được giải khen tặng của cuộc thi văn-chương do Tự-lực văn-đoàn tổ chức năm 1939, và có tập *Hương xuân* viết chung với ba nữ-sĩ : Vân-Đài, Hằng-Phương, Anh-Thơ, xuất-bản tại Hà-nội năm 1943.

Ngoài những thành-tích văn-nghệ kể trên, nữ-sĩ Mộng-Tuyết trong khoảng từ năm 1936 đến nay còn viết cho rất nhiều báo và tạp-chí như : *Tiểu-thuyết thứ năm*, *Hà-nội báo*, *Gió mùa*, *Con ong*, *Đông Tây*, *Trung Bắc chủ nhật*, *Tri-tân* (ở Hà-nội), *Ánh sáng*, *Nhân-loại tập san*, *Tự-do*, *Cách-mạng quốc-gia* (ở Saigon) với thêm rất nhiều bút-hiệu là : *Hà-tiên-Cô*, *Thất-tiểu-muội*, *Nàng Út*, *Bách-thảo-Sương*, *Muội-muội*, *Bân-bân nữ-sĩ*, *Tuyết muội-muội*, và *Lãn-cô-nương* nữa.

✤

THI TUYỂN

MƯỜI BÀI TƯƠNG TƯ NGẮN

BỨC THƯ TƯƠNG TƯ

Có nghĩa gì đâu một bức thư?
Cho lòng nhẹ vợi nỗi tương tư;
Nhưng rồi lại thấy tương tư nữa,
Một bức thư sau vẫn đợi chờ.

QUẢ NHÃN TƯƠNG TƯ

Lồng kén tơ xanh nhốt quả vàng;
Đây mùa hoang dại thoảng vương vương.
Tay ai hé mở lòng hương mật,
Môi ngọt tương tư ngát ý thương.

NGỌN BẤC TƯƠNG TƯ

Đêm ấy có người ngồi gió lạnh,
Có người chong mãi bấc tương tư.
Người đi trong gió sương đêm ấy
Đã bước trong lòng một giấc mơ.

PHIẾN ĐÁ TƯƠNG TƯ

Tìm đến Trữ-la-thôn giặt lụa,
Ngồi đây trên phiến đá tương tư ;
Lòng hoa chưa có ai là chủ
Nở giữa mùa trăng cạnh nước hồ.

NGÒI BÚT TƯƠNG TƯ

Đêm nối liền đêm vạch gió mưa ;
Vàng thương nhớ Dó, bút tương tư.
Chữ rung Gặp-gỡ, ngòi Âu-yếm,
Lòng Mực bâng-khuâng ngỏ Ý Tờ.

BÓNG TRĂNG TƯƠNG TƯ

Trăng chảy ngập đường đi. Thuở ấy
Đôi người so bóng bước song song ;
Rồi trăng từ đó tương tư bóng,
Chảy ngập tương tư khắp nẻo lòng.

KHUNG CỬA TƯƠNG TƯ

Một chiều bến ghé con tàu nhỏ,
Có một khung trăng cửa sổ tròn ;
Từ đó tương tư « Nhìn trước nhất »
Bàn tay thoáng ngỏ trắng thon-thon.

CÁNH HOA TƯƠNG TƯ

Trinh trắng lòng hoa một điểm vàng,
Ánh hồng rực-rỡ nắng xuyên ngang;
Tương tư cánh đậu trên cành mận,
Mái tóc mùi quen thoảng gió hương.

VUỐNG LỤA TƯƠNG TƯ

Sợi Bèo ai dệt lụa tương tư,
Để bến tương tư Nước đợi chờ?
Xuân giục lòng hoa từng cánh mở,
Từng tao tơ Ý buộc hương Thơ

BÈO NƯỚC TƯƠNG TƯ

Thôi! đã qua rồi hẹn phấn hương,
Một năm làm khách bến sông Tương;
Dịp cầu Nguyện-ước nhờ ai bắc
Bèo nước tương tư. Ôi! nhớ thương!

MỘNG-TUYẾT



HÒN MỘT (1)

Tình thay cảnh hòn Một!
Trên hòn Một, hai người :
Hai người lòng như một,
Yêu nhau giữa biển trời.

Mênh-mông nước biển rộng,
Bát-ngát mây trời cao.
Giữa biển trời cao rộng,
Đôi tâm-hồn phiêu-dao.

Mây bay nước chảy luôn,
Hòn kia còn ở lại
Cùng với tình đôi ta,
Nghìn thu còn mãi mãi.



CHỮ THẬP HỒNG

(Gửi người em gái có bàn tay đẹp)

Có những bàn tay đẹp dịu-dàng,
Bàn tay không vướng nét kiêu sang,
Cũng không tô chuốt màu hồng hạnh,
Mà vẫn hồng tươi, vẫn nhẹ-nhàng.

Bao nỗi-niềm riêng đành phủi bỏ,
Những bàn tay ấy quyết đeo mang
Đem bao êm-dịu cho Đau-đớn,
Hàn vá lành cho những vết thương.

---

(1) Hòn Một : hòn đảo nhỏ ở biển Hà-tiên, thuộc hải-phận làng Dương-hòa.

Là ngọc ngà đem giữa Chiến-trường,
Là ngà ngọc điểm khí hiên-ngang,
Là ngà ngọc kết nên đôi nét
Chữ thập hồng tươi ánh nắng vàng.

Đây một trời Thương phủ chiến công,
Nơi đây ve-vuốt chí anh-hùng,
Nơi đây an-ủi hồn chinh-khách,
Trên cánh tay in chữ thập hồng.





NGUYỄN - NHƯỢC - PHÁP

NGUYỄN-NHƯỢC-PHÁP

LÀ một nhà thơ trẻ tuổi được nhiều người mến nhất trong làng thơ Việt-Nam, Nguyễn-nhược-Pháp sinh ngày 12 tháng 12 năm 1914 và làm thơ từ năm 16 tuổi.

Nguyễn-nhược-Pháp là con trai của cụ Nguyễn-văn-Vĩnh, một người đi tiền-phong trong làng báo Việt-Nam. Nguyễn-nhược-Pháp có bằng tú-tài Tây, đã từng viết các báo : Annam nouveau, Hà-nội báo, Tinh-hoa và Đông-dương tạp-chí, và đã xuất-bản tập thơ « *Ngày xưa* » năm 1935. Ngoài thơ, Nguyễn-nhược-Pháp còn viết nhiều chuyện ngắn và kịch.

Trên đàn thi-văn, người ta đặt rất nhiều tương-lai ở nhà thơ tài-hoa son trẻ này. Nhưng than ôi ! đến năm 1938 vào ngày 19 tháng 11 thì Nguyễn-nhược-Pháp lại không còn ở cõi trần-gian. Thật đáng tiếc lắm vậy.

THI TUYỂN

TAY NGÀ

Đêm nay chờ trăng mọc,
Ngồi thẩn-thơ trong vườn,
Quanh hoa lá róc-rách,
Như đua bắt làn hương.

Ta ngồi bên tảng đá,
Mơ liễu chiếu ngày xưa;
Mơ quan nghè quan thám,
Đi có cờ lọng đưa.

Rồi bao nàng yểu-điệu
Ngấp-nghé bay trên lầu;
Vừa leng-keng tiếng ngựa,
Lẹ gót tiên gieo cầu.

Tay vơ cầu ngũ sắc,
Má quan nghè hây-hây.
Quân hầu reo chuyển đất,
Tung cán lọng vừa quay.

Trên lầu mấy thị-nữ
Cùng nhau róc-rách cười;
« Thưa cô đừng thẹn nữa
Quan nghè trông lên rồi ».

Cúi đầu nàng tha-thướt,
Yêu-kiều như mây qua.
Mắt xanh nhìn man-mác,
Mỉm cười về cành hoa.

Ta còn đang luyến mộng,
Yêu bóng người vẩn-vơ;
Tay ngà ai phủ trán?
— Hiu-hắt ánh trăng mơ...

CHÙA HƯƠNG

(Thiên ký-sự của một cô bé ngày xưa)

Hôm nay đi chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương ;
Cùng thầy me em dậy,
Em vấn đầu soi gương.

Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào,
Quần lĩnh áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.

Me cười : « Thầy nó trông !
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá,
Bao giờ cô lấy chồng ? »

Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mối mai đưa tiếng
Khen tươi như trăng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm.
Ý đợi người tài trai.

Em đi cùng với me,
Me em ngồi cáng tre.
Thầy theo sau cưỡi ngựa,
Thắt lưng dài đỏ hoe.

Thầy me ra đi đò.
Thuyền mấp-mênh bên bờ.
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh buồm lô-nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri-âm ?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn-nhân.

Người đâu thanh lạ nhường !
Tướng mạo trông phi-thường ;
Lưng cao dài, trán rộng ;
Hỏi ai nhìn không thương ?

Chàng ngồi bên me em.
Me hỏi chuyện làm quen :
« Thưa thầy đi chùa ạ ?
Thuyền đông giời ôi chen ! »

Chàng thưa : « Vâng thuyền đông ».
Rồi ngắm giời mênh-mông,
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn-phớt áng mây hồng.

Giòng sông nước đục lờ.
Ngâm-nga chàng đọc thơ.
Thầy khen hay, hay quá !
Em nghe rồi ngẩn-ngơ.

Thuyền đi, bến Đục qua.
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói :
« Nam vô A-di-đà ! »

Réo-rắt suối đưa quanh,
Ven bờ, ngọn núi xanh ;
Dịp cầu xa nho-nhỏ,
Cảnh đẹp gần như tranh.

Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khỉ ngồi ;
Trên núi con voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây.
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa, em thấy :
Bao nhiêu là ăn mày.

Em đi, chàng theo sau.
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp-tấp,
Số gian-nan không giàu.

Thầy me đến điện thờ,
Trầm hương khói tỏa mờ.
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lô-nhô.

Chen vào thật lắm công.
Thầy me em lễ xong
Quay về nhà ngang bảo :
« Mai mới vào chùa trong ».

Chàng hai má đỏ hồng,
Kêu với thằng tiểu-đồng
Mang túi thơ bầu rượu :
« Mai ta vào chùa trong ».

Đêm hôm ấy em mừng !
Mùi trầm hương bay lừng.
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chim kêu trong rừng.

Em mơ, em yêu đời,
Mơ nhiều... viết thế thôi,
Kẻo ai mà xem thấy,
Nhìn em đến nực cười.

Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng.
Thầy me em sắp sửa
Vàng hương vào chùa trong.

Đường mây đá cheo-leo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.
Vì thương me quá mệt,
Săn-sóc chàng đi theo.

Me bảo : « đường còn lâu ;
Cứ vào đi ta cầu,
Quan-thế-âm bồ-tát
Là tha-hồ đi mau. »

Em ư ? Em không cầu,
Đường vẫn thấy đi mau.
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm-đầu).

Khi qua chùa Giải Oan,
Trông thấy bức tường ngang,
Chàng đưa tay, lẹ bút
Thảo bài thơ liên-hoàn.

Tấm-tắc thầy khen hay,
Chữ đẹp như rồng bay.
(Bài thơ này em nhớ
Nên chả chép vào đây).

Ơ ! Chùa trong đây rồi !
Động thẳm bóng xanh ngời.
Gấm thêu trần thạch-nhũ,
Ngọc nhuốm hương trầm rơi.

Me vui mừng hả-hê :
« Tặc ! Con đường dài ghê ! »
Thầy kêu mau lên nhé,
Chiều hôm nay ta về.

Em nghe bỗng rụng rời !
Nhìn ai luống nghẹn nhời !
Giờ vui đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi !

Làn gió thổi hây-hây,
Em nghe tà áo bay ;
Em tìm hơi chàng thở !
Chàng ôi ! chàng có hay ?

Đường đây kia lên giời,
Ta bước tựa vai cười.
Yêu nhau, yêu mãi mãi !
Đi, ta đi, chàng ôi !

Ngun-ngút khói hương vang,
Say trong giấc mơ-màng,
Em cầu xin Giời Phật
Sao cho em lấy chàng.

⚜



MAI-LÂM

MAI - LÂM

THI-SĨ Mai-Lâm chính tên là Đoàn-văn-Thăng, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1915 tại làng Hoàng-mai, tỉnh Bắc-giang thuộc miền Thượng-du Bắc-việt.

Thi-sĩ theo học tại Thầy dòng sư huynh trường Thomas d'Aquin Nam-định, và bước chân vào giáo giới từ năm 1934. Thi-sĩ dạy học ở Cao-bằng trước kia, và hiện nay làm Giám-Thị ở trường Hồ-ngọc-Cẩn (Gia-định).

Là một nhà thơ Công-giáo, tính từ năm 1958 đến nay, Thi-sĩ đã cho ra đời 2 tác-phẩm là : *Bảy thánh vịnh thống hối*, *Ngôi sao lạ*, một tập thơ dịch *Sấm truyền*.

Hiện nay, tuy rất bận về thì giờ công việc ở trường học, nhưng Thi-sĩ vẫn làm thơ và sắp sửa cho ra tập *Duyên thờ*.

Nói đến Mai-Lâm, tưởng chúng ta cũng nên nhắc lại chính Thi-sĩ là người viết bài « viếng Tản Đà » trên Tiểu-thuyết thứ bảy trong khi lầm tin Tản-Đà chết. Bài này, Tản-Đà có họa lại, và sau có trích đăng vào cả tập «Tản-Đà vận văn », của các nhà xuất-bản : Hương-Sơn, Á-Châu. Đó chính cũng một giai-thoại ở trong làng thơ vậy.

⚜

THI TUYỂN

VIẾNG TẢN-ĐÀ

Ôi thôi ! hỡi bác Tản-Đà,
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời !

Xa trông mây nước ngậm-ngùi,
Tấm lòng thương nhớ, mấy lời viếng thăm.
Nhớ ai : vấn-vít tơ-tằm,
Nước non bao kẻ đồng-tâm hẹn-hò !
Thơ đầy túi, rượu lưng hồ,
Dẫu nho kiết, cũng danh nho nước nhà.
Ôi thôi ! hỡi bác Tản-Đà,
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời !

Bác với tôi... Bác với tôi,
Tuy không quen biết, cũng người đồng bang.
Lại thêm cùng mối văn-chương,
Chung tình non nước tơ vương bên lòng.
Bấy lâu tôi những ước mong,
Có phen dun-dủi tương-phùng hai ta.
Ôi thôi ! hỡi bác Tản-Đà,
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời !

Làm chi vội mấy, bác ơi!
Chí cao, nghiệp cả, ai người nối theo?
Thuyền Nan ai giữ mái chèo?
Con tầu Bản-quốc ai liều sóng khơi?
Bức Dư-đồ rách, ai bồi?
Báo An-Nam nghỉ, ai rồi lại ra?
Ôi thôi! hỡi bác Tản-Đà,
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời!

Than ôi! Còn đất, còn trời,
Còn non, còn nước, đâu người nước non?
Đà dù cạn, Tản dù mòn,
Danh thơm Thi-sĩ vẫn còn truyền lâu.
Hồn thơ phảng-phất nơi đâu?
Chút tình có thấu cho nhau chăng là?
Ôi thôi! hỡi bác Tản-Đà,
Suối vàng nay đã lánh xa cõi đời!

Hoàng-mai Hè 1933



CƯỜI ÔNG MAI-LÂM

Bài họa (cùng một thể văn) của Tản-Đà

Nực cười cho bác Mai-Lâm,
Thương nhau chi sớm mà lầm khóc nhau?
Suối vàng ai đã vội đâu?
Mà cho ai nhớ ai sầu, hỡi ai!

Tóc-tơ vương-vít còn dài,
Con tằm còn trả nợ đời chưa xong.
Lửa hương còn chất bên lòng,
Nho tàn còn vẫn trong vòng trăm năm.

Nực cười cho bác Mai-Lâm,
Thương nhau chi sớm mà lầm khóc nhau?
Đôi ta đồng quốc đồng châu,
Lại trong thanh-khí tương cầu tương thân;
Gặp nhau rồi cũng có lần,
Cùng nhau còn ở cõi trần trăm năm.

Nực cười cho bác Mai-Lâm,
Thương nhau chi sớm mà lầm khóc nhau?
Cõi đời đã lánh xa đâu?
Mà cho ai tiếc ai sầu, hỡi ai!
Bức Dư-đồ rách chưa bồi,
Báo An-Nam nghỉ biết đời nào ra?
Hủ nho vô ích nước nhà,
Rượu thơ còn vẫn la-cà trăm năm.

Nực cười cho bác Mai-Lâm,
Thương nhau chi sớm mà lầm khóc nhau?
Hồn thơ đã mất đi đâu?
Mà cho ai khóc, ai sầu hỡi ai!

Dưới trên còn đất, còn trời,
Còn non, còn nước, còn người nước non.
Đà chưa cạn, Tản chưa mòn
Còn ai Thi-sĩ, lại còn Tri-âm.
Nực cười cho bác Mai-Lâm,
Thương nhau chi sớm mà lầm khóc nhau ?

TẢN - ĐÀ

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 33)



CHIỀU XUÂN

Mây trời bay tới tự ngàn phương,
Cánh gió chiều xuân lướt nhẹ-nhàng.
Sông lặng, cây bờ soi tóc biếc,
Ngày xiêu, áo núi dệt tơ vàng.
Không-gian sẵn đó tình mây nước,
Lòng khách tìm chi nỗi nhớ thương ?
Tiếng vẳng thời xa, hương xứ cũ,
Gieo buồn man-mác giữa mênh-mang.

Lạng-sơn, 1941



YÊU ĐỜI

Bữa nay, tôi thấy yêu đời quá !
Tràn ngập tâm-hồn lớp sóng thơ.
Cảnh-vật xung-quanh dường đổi mới,
Tô mầu tươi thắm dưới trời mơ.

Gió thổ êm như một khúc đàn,
Vẳng lời ân-ái khắp không-gian.
Mây đi ngần-ngại chừng lưu-luyến,
Ngừng cánh, chim quên trở lại ngàn.

Giòng nước trong xanh chảy lững-lờ,
Con thuyền nhẹ lướt, mái chèo đưa.
Lòng tôi như chiếc thuyền buông lái,
Trên bể yêu-đương chẳng bến bờ.

Dừng chân, hỏi chuyện khách qua đường,
Tôi thấy lòng đầy nỗi mến thương.
Và ước như tôi, ai cũng sướng :
Trần-gian sẽ hóa một thiên-đường !

Lao-kay, 1937



CAO-BẰNG BAN ĐÊM

Non nước vui chơi mải hết ngày,
Cao-Bằng đêm đến cảnh buồn thay !
Lưa-thưa ngọn điện đường loe đóm,
Lụp-xụp khu nhà mái khuất cây.
Sòng bạc bí-bô vài chú khách,
Rạp tuồng nhí-nhảnh mấy cô Tây.
Nên thơ chỉ có cầu sông Hiến,
Dưới ánh trăng vàng nước cuộn mây.

Cao-bằng, 1934

ĐÊM VẮNG

Đêm lặng dưới trời thanh,
Bên song đứng một mình.
Trăng mây nằm ấp bóng,
Hoa lá ngủ ôm cành.
Nỗi nhớ mơ-màng nét,
Câu thơ phảng-phất hình.
Trở vào : phòng vắng-vẻ,
Bạn cũ, ngọn đèn xanh.



TIÊN-THÀNH (Lạng-sơn)

Có nàng Tô-thị, núi Tam-thanh,
Có tượng Ngô-công, dấu Mạc thành.
Muôn thủa đào thơm tìm suối ngọt,
Bốn mùa gió dịu đón trăng xinh.
Quanh quanh nước quấn giòng vô tận,
Lớp lớp non vây vẻ hữu tình.
Chùa động vì đâu tiên vắng bóng ?
Nhiệm mầu đá biếc đối cây xanh !

Lạng-sơn, 1939

MỪNG CƯỚI EM LẠNG

(bài thơ thêu)

Lời chúc em nghe chắc đã nhiều,
Vật mừng em nhận biết bao nhiêu!
Muốn mua nghìn thứ nhưng anh túng,
Đành viết dăm vần bảo chị thêu.
Nếu ý thơ anh thường vẫn đẹp,
Và đường kim chị vốn không xiêu.
Cũng thành một món quà coi được
Để tặng người em gái mến yêu.



VIẾNG CỤ SÀO-NAM

Khoanh tay buồn ngắm cảnh giang-san,
Tham tiếc gì đâu chút sống tàn!
Bể rộng chứng cho lòng mến nước,
Trời cao soi thấu dạ thương đàn.
Khua chuông gắng gọi hồn dân-tộc,
Mài kiếm hoài trông sức ngoại bang.
Nấm đất cố-đô vùi chí cả,
Anh hùng còn lại tiếng gian-nan!

Hà-nội, 1940

MÙA LY-LOẠN

Đã bấy nhiêu ngày bút để không,
Hôm nay một chút gió se lòng!
Thắm gì cánh nhạn trời thu rộng?
Khua mãi con chèo bến nước nông!
Lá rụng chỉ gieo buồn nghệ-sĩ,
Đạn bay khôn nỗi xót anh-hùng!
Giang-san bao tắt mùa ly-loạn,
Chinh-phụ ru con giọng não-nùng?

Lạng-sơn, thu 1945





THÚC-TỀ

THÚC-TỀ

THI-SĨ Thúc-Tề chính tên là Thúc-Nhuận. Sinh ngày 17 tháng 10 năm 1916 ở Huế, theo học tại trường Quy-nhơn và trường Quốc-học Huế.

Thúc-Tề chuyên sống về nghề báo ở Sài-gòn, đã từng đăng thơ trên các báo: Mai, Dân-quyền và Văn-học tạp-chí, và tạ-thế trước khi có cuộc chiến-tranh Việt-Pháp 1945-1954.

THI TUYỂN

TRĂNG MƠ

Một đêm mờ lạnh ánh gương phai,
Suốt giải sông Hương nước thở dài.
Xào-xạc sóng buồn khua bãi sậy;
Bập-bềnh bên mạn chiếc thuyền ai.

Mây xám xây thành trên núi Bắc,
Nhạc mềm chới với giữa sương êm.
Trăng lờ mờ ngủ lim dim gật;
Ẻo-lả nằm trên ngọn trúc mềm.

Dịp cầu Bạch-hổ mấy bóng ma,
Biến mất vì nghe dục tiếng gà.
Trăng tỉnh giấc mơ lười biếng dậy,
Động lòng lệ liễu, giọt sương sa.

Lai láng niềm trăng tuôn dạ nước,
Ngập tràn sông trắng gợn bâng-khuâng.
Hương trăng quấn-quít hơi sương ướt,
Ngân dội lời tình điệu hát xuân.





KHỔNG-DƯƠNG

KHỔNG - DƯƠNG

CHÍNH tên là Trương-văn-Hai, thi-sĩ Khổng-Dương sinh vào khoảng năm 1921 tại quận Càn-long, tỉnh Trà-vinh (Nam-việt) và bị quân-đội Pháp bắn chết vào khoảng mùa thu năm 1947 giữa lúc trên đường về thăm quê.

Xuất thân trong một gia-đình nông-dân, Khổng-Dương theo học chữ Pháp tới bậc Trung-học rồi bước chân vào con đường văn-nghệ. Khổng-Dương mồ-côi cha từ nhỏ, mẹ tái giá, nhà nghèo, nhưng rất giàu tình-cảm của con người nghệ-sĩ. Trong các nhà thơ ở miền Nam, người ta có thể nói Thi-sĩ là người đã sống ở Trung và ở Bắc nhiều hơn ai và sớm hơn ai hết Cuộc đời của Thi-sĩ gặp không biết bao nhiêu là chua cay mặn đắng, nhưng lúc nào cũng thản nhiên ở trước mọi sự việc, và ở anh có một tính-tình đặc-biệt mà các bạn-bè đã cho là một người khóc giữa lúc thiên-hạ cười và cười giữa lúc thiên-hạ khóc.

Khổng-Dương ra đời chuyên sống bằng văn thơ, văn thơ của anh đã đăng trên các báo : *Tiểu-thuyết thứ bảy*, *Mới*, *Trung-bắc chủ-nhật*, *Văn-hóa*, *Tổng-xã báo*, *Đông-dương tạp-chí*. Tác-phẩm của anh trước năm 1945 đã xuất-bản khá nhiều, nhưng đáng chú ý là tập thơ *Ly-tao* và tập văn *Cứu lấy thanh-niên*.

Khổng-Dương nghèo lắm, có lúc không cơm ăn áo mặc ở giữa đám phồn-hoa đô-thị, nhưng lúc nào Khổng-Dương cũng vẫn vui, vẫn giữ tiết-tháo của con người văn-nghệ. Ngày nay nhắc đến anh, hỏi ai không ngậm-ngùi mến tiếc !...

THI TUYỂN

ĐÀO - NGUYÊN

Gió vàng ngắt cánh hoa lê,
Hồn ta lững-thững đi về Đào-nguyên.
Trầm bay hương khói u huyền,
Lòng say bỡ-ngỡ, xuôi thuyền về đâu ?

Mây năm sắc lập-lòe trên núi bạc,
Ngày chim ca thánh-thót khúc vui vầy.
Đây, hoa đào rơi rắc phấn hương bay,
Cỏ ẻo-lả nghiêng mình qua gió lướt.
Hồ lặng-lẽ, liễu vờn soi bóng nước,
Đào-nguyên ơi, bát-ngát cả hương bay.
Đào-nguyên ơi, lãng-đãng mấy từng mây.
Muôn cánh tuyết, muôn tiên đi lả lướt.
Bầu rượu ngọt say men tình lướt-mướt,
Đàn muôn dây đưa khúc nhạc du-dương.
Có những đêm trăng tỏ gội lên vườn,
Cây lấp-loáng chói lòa trên lá bạc.

Có những buổi thu về hơi gió hắt,
Đào-nguyên ơi, cúc nở trắng vườn hoa.
Vài bướm trôi qua kẽ lá chiều tà,
Nắng vàng nhạt vướng trên tàn liễu rủ.

Con hoàng-điểu trên cành tơ trúc cũ ;
Đàn bạch-nga bơi lội giữa hồ trong.
Có những khi trăng ngủ ở cành tùng,
Sương lác-đác rơi trên tàu lá nhỏ.
Có những lúc Đông về trên thảm cỏ,
Lá vàng rơi từng chiếc để trơ cành.
Đào-nguyên ơi, đây suối ấm trong xanh,
Nước gờn-gợn chảy qua muôn khối đá.

Từng cánh nhỏ hoa đào rơi lả-tả,
Suối đào trôi róc-rách giữa ngàn cây.
Buổi Đông tàn vờ vật gió vờn bay,
Có đôi phượng-hoàng về trên đỉnh núi.
Người khách lạ ngại-ngùng lòng chỉ rối,
Thuyền nan trôi nhè-nhẹ giữa dòng mơ.
Ngư phủ ngồi gác mái dạ bơ-vơ,
Ôi lạc lối, tìm đâu ra ánh sáng.
Nhưng xa thẳm muôn hào quang lấp-loáng,
Đào-nguyên đây, thấm-thía biết bao tình,
Đào-nguyên đây, suối ấm nước vờn xanh.
Đưa thuyền khách trần-gian vào động phủ.
Đây, một chiếc nhạn về trên tổ cũ,
Đây, một đoàn oanh hát tiếng ly-ca,
Đây, một nàng tiên-nữ uốn mình hoa.
Hương bát-ngát dật-dờ say thế tục.
Một con khiếu ngang trời đưa cánh vút.

Mấy tầng mây lòa ánh sáng vàng tươi.
Bên khóm tùng đùa rỡn một đoàn nai,
Vài thỏ trắng lẩn mình trong lá sớm.
Sen bát-ngát hồ trong pha bóng lộn,
Gió lơ-thơ tơ trúc rủ bên thềm.
Đào-nguyên ơi, ngào-ngạt vị hương tiên,
Bàn cẩm-thạch mâm vàng nâng chén ngọc.
Con bạch hạc nghiêng bầu tiên nhẹ rót,
Chập-chờn đôi cánh tuyết múa vui vầy.
Ánh lưu-ly giải ngọc phủ cành cây.
Gió lưởng-vưởng, hương trời đùa cỏ đất.
Đàn hoàng-oanh thổi lên muôn tiếng nhạc,
Mấy nàng tiên uyển-chuyển tấm thân ngà,
Và nhịp-nhàng ca múa uốn mình hoa.
Chàng ngư-phủ say-sưa hồn lạc phách.
Ôi, Đào-nguyên, Đào-nguyên vừa lỡ bước.
Kẻ phàm nhân ngây-ngất thú vui vầy.
Đào-nguyên ơi, hương-vị quyến mê say,
Hoa vạn sắc, phủ cành sương ướt lệ.
Dòng suối thơm đang âm-thầm kể-lể,
Cây tùng say trước gió, lá tùng xao.
Đào-nguyên ơi, vô vạn cánh hoa đào,
Ngây-ngất lắm, mê-ly trong ảo-mộng.

Khách vườn đào trở lại chốn trần-gian,
Gió phất-phơ rủ xuống nắm xương tàn.

Ngàn muôn tiếng ly ca còn đồng vọng,
Nhưng hào-quang khói tỏa ánh muôn hoa.
Phàm trần ơi, đây suối lệ tran hòa,
Dừng bước lại, người thơ càng ảo-não,
Đào-nguyên đâu ? — cho tâm-hồn lảo-đảo ?
Vài thi-nhân vơ-vẩn mộng huyền thôi.
Đào-nguyên đâu ? — muôn sắc dệt mây trời ?
Người lữ-thứ tưởng chừng lòng lạnh-lẽo.
Đào - nguyên đâu ? — hương hoa cùng
nhạc điệu ?
Người mơ say nằm giữa cõi trần-gian.
Nhà thi-nhân rơi giữa cảnh điêu-tàn,
Nhắm mắt lại cho hồn về động-phủ.
Cho tưởng-tượng dâng lên đường lối cũ.
Uống men tình trong những cốc say-sưa.
Đào-nguyên đâu, còn đâu nữa bây giờ.
Người vẫn nhớ không tìm ra dấu vết.

Những đêm buồn trăng ngủ dưới lòng sông,
Những canh khuya gió rét lạnh tê lòng,
Trong những chiếc thuyền chèo lơ lửng mái.
Khách tìm tiên trên nước thu biếng chảy,
Đàn ngân nga theo gió lững-lờ bay.
Hơi rượu nồng trong cốc uống mê say.
Cho lảo-đảo ngả mình vào khoái lạc.
Cho điên cuồng, ôm ghì trong tay sắc.
Mây vờn trôi, và nước cũng đưa qua,
Mộng sáng hẳn cho lòng người bỡ-ngỡ.

Đào-nguyên đâu? tàn canh mầu rực-rỡ.
Biến sau làn dâm uế của đêm trăng
Những canh khuya trong quán trọ âm-thầm,
Khách trăn trở đi về cùng khói thuốc.
Có những lúc tiệc vui say lướt-mướt,
Hồn lên cao, tìm lại cảnh đào-nguyên,
Nhưng còn đâu phấp-phới áo muôn tiên,
Thân chết lịm giữa đêm tàn rũ-rượi.
Cả xác thịt cả tâm-hồn uể-oải,
Cả tay chân biến động, cả linh-hồn,
Cũng lả dần theo cốc rượu đêm sương.
Đào-nguyên hỡi, đâu còn lưu-luyến nữa?
Những khói thuốc u huyền trong khói lửa,
Tàn canh khuya đầu ngả gục bên đèn.
Đào-nguyên ơi! đâu nữa động Đào-nguyên?
Hồn đau-khổ đến tìm nơi nghỉ bước?
Người thi-sĩ của mây đưa gió rước,
Lê gót mòn buồn-bã những đêm sương.
Muôn lòng sầu rên-rỉ tiếng thê-lương.
Tìm cứu-cánh đời mình trong mộng ảo,
Muốn anh-dũng lăn thân vào gió bão,
Trùng ải quan xa vắng lạnh thân tàn,
Đây, Đào-nguyên trong giây phút mê-man.
Nhưng nước cuốn thuyền đời trôi mãi mãi,
Thời-gian qua không bao giờ trở lại,
Đào-nguyên ơi!... đâu nữa vạn hương hoa?
Đào-nguyên ơi! — lẵng-đẵng bóng trăng ngà!

Hà-nội, 1941

QUAN - SAN

Ngựa anh say bước đường dài,
Tình em chan chứa ra ngoài thành Nam.
Mịt mù cánh dậm quan-san,
Tuần trăng vò-võ mây ngàn xa-xôi.

Ra đi không hẹn một lời;
Ngày về không biết còn người năm xưa.
Rừng mai lá úa bơ-thờ,
Hắt-hiu khói núi, mịt-mờ đồi thông.

Hẹn hò thôi cũng bằng không,
Hàn-huyên nhờ có đông-phong thổi về.



MÊNH - MÔNG

Mưa sáu ngày đêm, cây tả tơi,
Lá tơ rách bét rụng ven đồi.
Nước nguồn máng núi ùa sông lụt,
Mây vẩn đầu non, phủ kín trời.

Rào đổ mênh-mông vườn rộng quá,
Nhà ai nổi nước cạnh chân đê.
Âm-thầm mây bạc đùa hơi gió,
Mấy cánh chim côi lẻ-tẻ về.

Trăng mướt mầu sương, giỡn bóng tùng,
Đồng hoang phăng-phẳng nước mênh-mông.
Phên Nam gió lọt sầu hơi lạnh,
Nửa mái lều xiêu, chân cột long.

Trốc gốc tàn cây phủ mái nhà,
Nền mềm đất lở, nước trôi qua.
Cánh tre yêu yếu run hơi gió,
Chó xóm ngừng tru, vắng tiếng gà.

Tay yếu giăng lòng ra đón gió,
Vườn ai lấp-loáng bóng kim-cương.
Bên này bên nọ bao-la nước,
Thâm thấp trời thu, lạc dấu đường.





HÀN-MẶC-TỬ

HÀN - MẶC - TỬ

LÀ một nhà thơ phải sống một cảnh đời đau thương nhất trong các thi-nhân ở Việt-nam, lời thơ thành-thực, khi nghẹn-ngào, khi hoạt-bát, bao giờ cũng chứa-chan tình-tứ hay một tin-tưởng cao-xa, khiến cho nhiều người phải chú ý, Hàn-Mặc-Tử chính tên là Nguyễn-trọng-Trí sinh ngày 22 tháng 9 năm 1912 ở Đồng-hới (Trung-việt) và mất ngày 11 tháng 11 năm 1940.

Hàn-Mặc-Tử trú ngụ ở Qui-nhơn từ nhỏ. Nhà nghèo, cha mất sớm. Hàn-Mặc-Tử học trường Qui-nhơn đến năm thứ ba Trung-học. Ra trường, Hàn-Mặc-Tử làm công-chức trong sở Đạc-điền, nhưng không bao lâu bị mất việc vì bệnh. Thôi nghề công-chức, Hàn-Mặc-Tử vào Sài-gòn chuyên sống về nghề báo. Được ít lâu, Hàn-Mặc-Tử trở về Qui-nhơn, kế mắc bệnh cùi và mất tại nhà thương Qui-hòa.

Hàn-Mặc-Tử làm thơ từ năm 16 tuổi, trước tiên lấy hiệu là Phong-Trần, rồi Lệ-Thanh. Đến năm 1936, khi chủ-trương tờ phụ chương văn-nghệ báo Sài-gòn, mới đổi hiệu là Hàn-Mặc-Tử.

Là một nhà thơ của thế-hệ mới, nhưng Hàn-Mặc-Tử lại cũng rất giỏi và có thể nói là xuất-sắc về lối thơ Đường-luật.

Về sự-nghiệp văn-nghệ đã đăng thơ trong các báo : *Phụ-nữ tân-văn*, *Sài-gòn*, *Trong khuê-phòng*, *Đông-dương tuần-báo*, *Người mới*, và đã xuất-bản tập : « *Gái quê* » năm 1936. Sau đó, Hàn-Mặc-Tử còn soạn được rất nhiều và chia ra những tập : Thơ điên, Xuân như-ý, Thượng thanh khí, Cẩm-châu duyên, Duyên kỳ-ngộ, Quần-tiên hội.

THI TUYỂN

BUỒN THU

Ấp-úng không ra được nửa lời,
Tình thu bi thiết lắm thu ơi!
Vội-vàng cánh nhạn bay đi trốt.
Hiu-hắt hơi may thoảng lại rồi...
Nằm gắng đã không thành mộng được,
Ngâm tràn cho bõ lúc buồn thôi.
Ngàn trùng bông liễu trông xanh ngắt,
Chỉ có thông kia chịu với trời.



CHÙA HOANG

Mái sụp, tường siêu, khách ngẩn-ngơ,
Hỏi thăm duyên cớ, Phật làm lơ!
Vắng sư, bụt đã toan hồi tục;
Lạnh khói hương cây sắp thoát chùa.
Hoành cổ nhện giăng treo lỏng-chỏng,
Bình phong rêu bám đứng chơ-vơ.
Tiếng chuông tế-độ rầy đâu tá?
Để khách trầm-luân luống đợi chờ!

TÌNH QUÊ

Trước sân anh thơ-thẩn,
Đăm-đăm trông nhạn về :
Mây chiều còn phiêu-bạt
Lang-thang trên đồi quê ;
Gió chiều quên ngừng lại,
Dòng nước luôn trôi đi...
Ngàn lau không tiếng nói ;
Lòng anh dường đê-mê.
Cách nhau ngàn vạn dặm,
Nhớ chi đến trăng thề.
Dầu ai không mong đợi,
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục,
Tiếng hờn trong lũy tre,
Dưới trời thu man-mác,
Bàng bạc khắp sơn khê.
Dầu ai trên bờ liễu,
Dầu ai dưới cành lê...
Với ngày xanh hờ-hững,
Cố quên tình phu-thê,
Trong khi nhìn mây nước,
Lòng xuân cũng não-nề...

MÙA XUÂN CHÍN

Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm-tấm vàng.
Sột-soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên-lý. Bóng xuân sang.

Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,
Bao cô thôn-nữ hát trên đồi.
— Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...

Tiếng ca vắt-vẻo lưng chừng núi,
Hổn-hển như lời của nước mây...
Thầm-thỉ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý-vị và thơ-ngây...

Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí bâng-khuâng sực nhớ làng.
— Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?



TRƯỜNG TƯƠNG-TƯ

Hiểu gì không, ý nghĩa của ngày thơ?
Của hương hoa trong trắng lờn-lợt bay.
Của lời câm, muôn vì sao áy-náy.
Hiểu gì không, em hỡi hiểu gì không?

Anh ngâm-nga để mở rộng cửa lòng,
Cho trăng xuân tràn-trề say chới-với,
Cho nắng hương vẫn vương muôn ngàn sợi ;
— Cho em buồn trời đất ứa sương khuya.
Để em buồn, để em nghiệm cho ra
Cái gì kết lại mới thành tinh-tú ?
Và uyên-ương bởi đâu không đoàn tụ ?
Và tình-duyên sao lại dở-dang chi ?
Và vì đâu, gió gọi giật lời đi ?
— Lời đi qua, một chiều trong kẽ lá,
Một mùa xuân mới nửa lừng sa-ngã,
Anh nếm rồi, ý-vị của làn mơ.

Lệ-Kiều ơi ! em còn giữ ý thơ
Trong đôi mắt mùa thu trong lẻo-lẻo ?
Ở xa-xôi lặng nhìn anh khô héo,
Bên kia trời, hãy chụp cả hồn anh.
Hãy van-lơn ở dưới chân Bàn-thành,
Cho yêu ma muôn năm vùng trở dậy,
Náo không-gian cho lửa lòng bùng cháy,
Và để cho kinh-động đến người tiên,
Đang say-sưa ở thế-giới hão-huyền,
Đang trửng-giỡn ở bên sông Ngân biếc...
Anh rõ trước sẽ có ngày cách-biệt.
Ngó như gần nhưng vẫn thiệt xa khơi !

Lau mắt đi, đừng cho lệ đầy vơi,
Hãy mường-tượng một người thơ đang sống
Trong im-lìm lẻ-loi trong đãy động,
— Cũng hình như, em hỗi động huyền-không !
Mà đêm nghe tiếng khóc ở đáy lòng,
Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa.
Em có nghĩ ra một chiều nắng úa,
Lá trên cành héo-hắt, gió ngừng ru :
« Một khối tình nức-nở giữa âm-u,
« Một hồn đau rã lần theo hương khói,
« Một bài thơ cháy tan trong nắng dọi,
« Một lời run hoi-hóp giữa không-trung,
« Cả niềm yêu, ý nhớ cả một vùng,
« Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn ».

Đây là tất cả người anh tiêu-tán
Cùng trăng sao bàng-bạc xứ say mơ,
Cùng tình em tha-thiết như văn thơ,
Ràng-rịt mãi cho đến ngày tận thế.



RA ĐỜI

Một chiều xanh — một chiều xanh huyền-
hoặc,
Sáng bao-la vây lút cõi thiên không ;
Xuất thế-gian chưa có tại trong lòng,
Muôn ý tứ say chìm nơi Bất giác,

Hương cám-dỗ mê người trong khoái-lạc.
A ! a ! a !
Thiên địa đắm hoang-mang
— Là đương khi thờ lạy cả thiên-đàng,
Bay những tiếng ; tung hô thánh đức.
Muôn thần phẩm trong lâng lâng chầu-chực.
Ánh hào-quang chan-chói ngất lưu-ly !
Ôi, cao sang khôn ví trọng ai bì !
Trên nước cả có vô vàn châu-báu,
Trí rất ngớp bởi chưng xuân hồn-hậu,
Đã ra đời, theo lệnh của Ngôi-Hai.
Ôi thánh tai, thánh tai, và thánh tai !
Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc,
Rất trọng-vọng, rất thơm-tho, man-mác,
Rất phương-phi trên hết cả anh hoa.
Xuân ra đời ! Điểm ngọc ấm như ngà,
Thơ có tuổi và chiêm-bao có tích,
Và tâm-tư có một chiều rất thích,
Không nói ra vì sợ bớt say-sưa !...
— « Chàng ơi ! chàng ơi, sự lạ đêm qua !
Mùa xuân tới, mà không ai biết cả... »

⚜

ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN

Trời hôm nay bình-an như nguyệt-bạch,
Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt-vời bay...
Đây là hương quí-trọng thấm trong mây.
Ngời phép lạ của đức-tin kiều-diễm:
Câu tán tạ, khong-khen long cả phiếm,
Bút xuân thu mùa nhạc đến vừa khi
Khắp mười phương điềm lạ trổ hoài-nghi:
Cây bằng gấm và lòng sông toàn ngọc;
Và đầu hôm một vì sao liền mọc
Ở phương Nam mầu-nhiệm biết ngần mô!
Vì muôn kinh dồn-dập cõi thơm-tho
Thêm nghĩa-lý sáng trưng như thất bảo,
Ta chắp hai tay lại quỳ hoan-hảo,
Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không-
gian.
Để vừa dâng, vừa hiệp bốn mùa xuân,
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng-Đế.

Đã no-nê, đã bưa rồi thế-hệ,
Của phường trai mê-mẩn khí thanh-cao;
Phượng-hoàng bay trong một tối trăng sao,
Mà ánh sáng không còn khiêm-nhượng nữa;
Đương cầu xin, ọc thơ ra đường sữa,
Ta ngất đi trong khoái-lạc của hồn đau...
Trên chín tầng điều-động cả trân-châu,

Đường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết,
Nhịp song đôi : này đây cung cầm-nguyệt,
Ướp lời thơ thành phước-lộc của đường tu.
Tôi van lơn thầm nguyện chúa Giê-su
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn-phối ;
Xin tha-thứ những câu thơ tội-lỗi
Của bàn tay thi-sĩ kẻ lên trăng :
Trong bao đêm xao-xuyến vũng sông Hằng.



AVE MARIA

Như song lộc triều nguyên : ơn phước cả,
Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng.
Thơm-tho bay cho đến cõi Thiên đàng.
Huyền-diệu biến thành muôn kinh trọng thể.
Và Tổng-lãnh Thiên-thần quỳ lạy Mẹ,
Tung hô câu đường hạ ngớp châu sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum hoa.
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh.

Maria ! Linh-hồn tôi ớn lạnh.

Run như run thần-tử thấy long-nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng,
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến.

Lạy Bà là Đấng tinh truyền thanh vẹn
Giàu nhân-đức, giàu muôn hậu từ-bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơm lâm-lụy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm-động rưng rưng hai dòng lệ :
Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ.
Bút tôi reo như châu ngọc đền vua ;
Trí tôi hít bao nhiêu là khí-vị...
Và trong miệng ngâm câu ca huyền-bí,
Và trong tay nắm một nạm hào-quang...

Tôi no rồi, ơn vũ-lộ hòa chan.

Tấu lại Bà, Bà rất nhiều phép lạ,
Ngọc Như-ý vô-tri còn biết cả,
Huống chi tôi là thánh-thể kết tinh.
Tôi ưa nhìn Bắc-đẩu rạng bình-minh,
Chiếu cùng hết ba ngàn thế-giới...
Sáng nhiều quá cho thanh-âm vời-vợi,
Thơm dường bao cho miệng lưỡi không khen.

Hỡi sứ-thần Thiên-chúa Gabriel,
Khi người tới truyền tin cho Thánh-nữ.
Người có nghe xôn-xao muôn tinh-tú ?
Người có nghe náo-động cả muôn trời ?

Người có nghe thơ mầu-nhiệm ra đời.
Để ca-tụng — bằng hoa hương sáng-loáng,
Bằng tràng hạt, bằng Sao-mai chiếu rạng ;
Một đêm xuân là rất đỗi anh-linh ?

Đây rồi ! đây rồi ! Chuỗi ngọc vàng kinh,
Thơ cầu nguyện là thơ quân-tử ý.
Trượng-phu lời và tông-đồ triết-lý,
Là Nguồn Trăng yêu mến Nữ-đồng-trinh.
Là Nguồn Đau chầu lụy Nữ-đồng-trinh.

Cho tôi thắp hai hàng cây bạch lạp,
Khói nghiêm-trang sẽ dâng lên tràn ngập
Cả hàn-giang, cả màu sắc thiên không,
Lút trí khôn và âm ảnh hương lòng
Cho sốt-sắng, cho đê-mê nguyện ước...

Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước,
Cho tình tôi nguyên vẹn tựa trăng rằm,
Thơ trong trăng như một khối băng tâm,
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu ;
Cho vỡ-lở cả muôn ngàn tinh đẩu,
Cho đê-mê âm-nhạc và thanh-hương,
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng,
Lòng vua chúa cũng như lòng vua thứ.
Sẽ ngây-ngất bởi chưng thơ đầy ứ
Nguồn thiêng-liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi.

Phượng-Trì ! Phượng-Trì ! Phượng - Trì !
Phượng-Trì !
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu,
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu,
Trên triều-thiên ngời chói vạn hào-quang ?



T. T. KH.

T. T. KH. là tên tắt của một nữ-sĩ xuất-hiện trên Tiểu-thuyết thứ bảy xuất-bản tại Hà-nội vào khoảng tháng 9 năm 1937, sau bài « Hoa Ti-gôn » chuyện ngắn của ký-giả Thanh-Châu.

Nữ-sĩ gởi đến cho nhà báo trên một bài thơ nhan đề là *Bài thơ thứ nhất*, kế một bài nữa là bài *Hai sắc hoa ti-gôn*. Cả hai, đều ký bút-hiệu là T. T. Kh.

Lời thơ rất nhẹ-nhàng, rất lâm-ly cảm-động, khiến có người đã không ngần-ngại phê-bình cho là những thi-phẩm kiệt-tác. Và cũng vì T. T. Kh. là ai, không có nhà thơ nhà văn nào biết được, nên có người đã tự nhận là người yêu của mình, nhất là tác-giả chuyện ngắn « Hoa Ti-gôn ».

Thế rồi, từ đó trở đi, người ta không còn được đọc bài nào của T. T Kh. Nữ-sĩ chỉ có hai bài đã đăng trên mặt báo, nhưng hai bài ấy cũng như tên tác-giả, mỗi lần nhắc đến không mấy ai không biết.

Nhưng thật T. T. Kh chẳng phải là người yêu của ông nào trong Tiểu-thuyết thứ bảy. Nữ-sĩ chính tên là Trần-thị-Khánh, một nữ-sinh nhà ở phố Sinh-từ Hà-nội, có tâm-hồn thơ lắm. Nữ-sĩ có yêu một thanh-niên, hai người đã cùng đi lại, hứa sẽ thành-hôn, nhưng nửa chừng

vì sự ép-buộc của gia-đình, Nữ-sĩ đành phải hát khúc chia ly, về làm vợ một người khác tên Nghiêm, làm công cho một hãng buôn nọ.

Nữ-sĩ không phải chỉ có 2 bài ấy thôi mà còn 2 bài nữa là *Bài thơ đan áo* và *Bài thơ cuối cùng*, với một bài của người yêu trả lời chưa hề công-bố mà chúng tôi sẽ trích ở trong phần thi-tuyển dưới đây.

Một điều nữa, chúng ta cũng nên biết là sau khi đem hết tâm-hồn và nước mắt trút cả vào mấy bài ấy để khóc mối tình ngang-trái kia, T. T. Kh. không còn trở lại thi-đàn nữa, và nay cũng kể như người đã thuộc về dĩ-vãng.

THI TUYỂN

BÀI THƠ THỨ NHỨT

Người ấy thường hay ngắm lạnh-lùng
Giải đường xa vút bóng chiều phong,
Và phương trời thẳm mờ sương cát,
Tay vít dây hoa trắng cạnh lòng.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thở dài trong lúc thấy tôi vui.
Bảo rằng hoa dáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng thế thôi.

Thuở đó nào tôi có hiểu gì,
Cánh hoa tan-tác của sinh-ly,
Cho nên cười đáp : mầu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy.

Đâu biết lần đi một lỡ-làng
Dưới trời đau-khổ chết yêu-đương.
Người xa-xăm quá, tôi buồn lắm
Trong một ngày vui, pháo nhuộm đường.



HAI SẮC TY-GÔN

Từ đấy thu rồi thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ.
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ
« Người ấy » cho nên vẫn hững-hờ.

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời,
Ái-ân lạt-lẽo của chồng tôi,
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tâm bóng một người.

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi,
Một mùa thu cũ rất xa-xôi.
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã
Làm lỡ tình-duyên cũ mất rồi !

Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
Chiều thu hoa đỏ rụng, chiều thu...
Gió về lạnh-lẽo chân mây vắng,
Người ấy ngang sông đứng ngóng đò.

Nếu biết rằng tôi đã có chồng,
Trời ơi, người ấy có buồn không?
Có thầm nghĩ tới loài hoa vỡ,
Tựa cánh hoa phai, tựa máu hồng.



BÀI THƠ ĐAN ÁO

Chị ơi, nếu chị đã yêu,
Đã buồn lỡ hái ít nhiều đau thương.
Đã xa hẳn quãng đời hương,
Đã đem lòng gởi gió sương mịt-mùng.
Biết chăng chị nỗi mùa đông
Đáng thương những kẻ có chồng như em.
Vẫn còn thấy lạnh trong tim,
Đan đi đan lại áo len cho chồng.
Như con chim hót trong lồng,
Hạt mưa rụng xuống bên sông bơ-thờ.
Tháng ngày nổi tiếng tiêu-sơ,
Than ôi gió đã sang bờ ly tan!

Tháng ngày miễn-cưỡng em đan,
Kéo dài một chiếc áo len cho chồng.

Như con chim nhốt trong lồng,
Tháng ngày mong đợi ánh hồng năm nao.
Ngoài trời mưa gió xôn-xao,
Ai đem khóa chết tim vào lồng « nghiêm ».
Ai đem lễ giáo giam em,
Sống hờ trọn kiếp trong duyên trái đời...
Lòng em khổ lắm chị ơi!
Trong bao tủi cực với lời mỉa-mai.
Quang-cảnh lạ, tháng năm dài,
Đêm đêm nghĩ đến ngày mai giật mình.



BÀI THƠ CUỐI CÙNG

Anh ạ, tháng ngày xa quá nhỉ...
Một mùa thu cũ một lòng đau.
Ba năm ví biết anh còn nhớ
Em đã câm lời có nói đâu?

Đã lỡ thôi rồi chuyện biệt-ly,
Càng khơi càng thấy lụy từng khi.
Trách ai mang cánh ty-gôn ấy
Mà viết tình em được ích gì?

Chỉ có ba người được đọc riêng
Bài thơ đan áo của chồng em.
Bài thơ đan áo nay rao bán
Cho khắp người đời thóc-mách xem.

Là giết đời nhau đấy biết không?
Dưới dàn hoa máu tiếng mưa rung.
Giận anh, tôi viết dòng dư lệ
Là chút dư hương, điệu cuối cùng.

Từ nay anh hãy bán thơ anh,
Và để yên tôi với một mình.
Những cánh hoa lòng hừ, đã ghét
Thì đem mà đổi lấy hư vinh.

Ngang trái đời hoa đã úa rồi,
Từng mùa gió lạnh sắc hương rơi.
Buồng « nghiêm » thơ-thẩn hồn eo-hẹp
Ai nhớ người không muốn nhớ lời.

Tôi oán hờn anh mỗi phút giây,
Tôi run sợ viết bởi rồi đây,
Nếu không im được thì tôi chết.
Đêm hỡi làm sao tối thế này?

Năm lại năm qua cứ muốn yên,
Mà phương trời gió chẳng làm quên.
Mà người vỡ-lở duyên thầm kín
Lại chính là anh, anh của em.

Tôi biết làm sao được hỡi trời!
Giận anh không nỡ, nhớ không thôi.
Mưa buồn mưa hắt trong lòng ướt
Sợ quá đi anh... có một người.

TRẢ LỜI CỦA NGƯỜI YÊU

Các anh hãy chuốc thật say,
Cho tôi những cốc rượu đầy rồi im!
Giờ hình như quá nửa đêm,
Lòng đau đau lại cái tin cuối mùa.
Hơi đàn buồn như trời mưa,
Các anh tắt nốt âm thừa đi thôi!
Giờ hình như đã tới rồi,
Bánh xe đã nghiến, đã rời-rã đi!...

Hồn tôi lờ-mờ sương khuya,
Hờ rung tôi viết bài thơ trả lời.
Vâng, tôi vẫn biết có người
Một đêm cố tưởng rằng tôi là chồng,
Để hôm sau khóc trong lòng.
Vâng, tôi vẫn biết cánh đồng thời-gian,
Hôm qua rụng hết lá vàng,
Và tôi lỡ chuyến chiều tàn về không.
Tiếng xe trong vết bụi hồng,
Nàng đi thuở ấy nhưng trong khói mờ.
Tiếng xe trong xác pháo xưa,
Nàng đi có mấy bài thơ trở về.
Tiếng xe mở lối vu-quy,
Hay là tiếng cắt nàng chia cuộc đời.
Miệng chồng Khánh gắn trên môi,
Hình anh mắt Khánh sáng ngời còn mơ.

Đàn xưa từ chia đường tơ,
Sao tôi không biết hững-hờ nàng đan.
Kéo dài một chiếc áo lam
Tơ càng đứt mối, nàng càng kéo giay.

Nàng còn gỡ mãi trên tay,
Thì tơ-duyên mới đã thay hẳn mầu.
Chung hai thứ tóc đôi đầu,
Bao giờ đan nổi những câu chân tình.
Khánh ơi, còn hỏi gì anh ?
Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng.
Chỉ kêu những tiếng thu tàn,
Tình ta đã chết anh càng muốn xa.
Chiều tan chiều tắt chiều tà,
Ngày mai ngày mốt vẫn là ngày nay.
Em quên mất lối chim bay,
Và em sẽ chán trông mây trông mờ.
Đoàn-viên từng phút từng giờ,
Sống yên lặng thế em chờ gì hơn ?
Từng năm từng đứa con son,
Mím môi vá kín vết thương lại lành.
Khánh đi còn hỏi gì anh,
Ái-tình đã vỡ, ái-tình lại nguyên.

Em về đan nốt tơ duyên
Vào tà áo mới, đừng tìm mối xưa.
Bao nhiêu hạt lệ còn thừa,
Dành ngày sau khóc những giờ vị-vong.
Bao nhiêu những cánh hoa lòng,
Hãy dâng cho trọn nghĩa chồng hồn cha.
Nhắc làm chi chuyện đôi ta,
Bản năng anh đã phong-ba dập-vùi.

Hãy vui lên các anh ơi !
Nàng đi tôi gọi hồn tôi trở về.
Tâm-hồn lạnh-nhạt đê-mê,
Tiếng mùa lá chết đã xê-dịch chiều.
Giờ hình như gió thổi nhiều,
Những loài hoa máu đã gieo nốt đời.
Tâm-hồn nghệ-sĩ nổi trôi,
Sá chi cái đẹp dưới trời mong-manh.
Sá chi những truyện tâm-tình,
Lòng đau đau chứa trong bình rượu cay !

+



BÀNG-BÁ-LÂN

BÀNG - BÁ - LÂN

THI-SĨ Bàng-bá-Lân sinh tháng 11 năm Nhâm-Tý, dương-lịch 1912 tại phố Tân-ninh, phủ Lạng-thương, tỉnh Bắc-giang, miền Thượng-du Bắc-việt, nhưng chính quán thì ở làng Đôn-thư, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam.

Nguyên họ Nguyễn-xuân, mới đổi ra họ Bàng được ba đời nay.

Giòng-giõi Nho-gia, Thi-sĩ Bàng-bá-Lân biết làm thơ từ thuở nhỏ, lại sống ở thôn-quê nhiều năm — mặc dù có tốt-nghiệp trường Bảo-hộ Hà-nội — nên những hình-ảnh nhân-vật và đời sống nông-thôn đã in sâu vào tâm trí, khiến Thi-sĩ đã vui buồn với những vui buồn của những người dân nơi đồng ruộng. Vì vậy, hầu hết những tác phẩm của Thi-sĩ đều hướng về nông-thôn và đậm những mầu sắc của quê-hương, dân-tộc.

Về sự-nghiệp văn-nghệ, Thi-sĩ đã từng viết các báo : *Đàn-bà* (1939-1945), *Công-dân*, *Hạnh-phúc*, *Nhân-loại* (bộ cũ), *Tia sáng*, *Văn-nghệ tập-san* (1955-1956) v.v... và đã xuất-bản các thi-phẩm : *Tiếng thông reo* (1934), Xưa (1941), *Thơ Bàng-bá-Lân*, *Tiếng võng đưa* (1957).

Nói đến Bàng-bá-Lân, tưởng chúng ta cũng nên biết thêm rằng Thi-sĩ còn là một nhà giáo, hiện dạy văn-chương và chuyên khoa ở các trường Văn-Lang, Cộng-hòa, Hoàng-việt (Sàigòn) ; và là một nhiếp-ảnh gia có tài, giàu kinh-nghiệm, ra đời từ 20 năm nay, đã từng bày ảnh tại nhiều nước Âu, Mỹ và từng được nhiều giải thưởng quốc-tế.

THI TUYỂN

TRƯA HÈ

Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,
Nằm mát, đàn trâu ngẫm-nghĩ nhai.
Ve-ve rung cánh, ruồi say nắng ;
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.

Trời lơ cao vút không buông gió ;
Đồng cỏ cào phô cánh lượt hồng.
Êm-đềm sóng lụa trôi trên lúa ;
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.

Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
Bà hàng thưa khách ngả thiu-thiu ;
Nghe mồ-hôi chảy đầm như tắm...
Đứng lặng trong mây một cánh diều.

Cành thưa, nắng tưới, chim không đứng ;
Quả chín bâng-khuâng rụng trước hè.
Vài cô về chợ buông quang thúng
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.

Thời-gian dừng bước trên đồng vắng ;
Lá ngập-ngừng sa nhẹ lướt ao.
Như mơ đường khói lên trời nắng ;
Trường học làng kia tiếng trống vào.

CỔNG LÀNG

Chiều hôm đón mát cổng làng,
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi;
Đồng quê vờn lượn chân trời,
Đường quê quanh-quất bao người về thôn.

Sáng hồng lơ-lửng mây son,
Mặt trời thức giấc véo-von chim chào.
Cổng làng rộng mở. Ồn ào,
Nông-phu lững-thững đi vào nắng mai.

Trưa hè bóng lặng nắng oi,
Mái gà cục cục tìm mồi dắt con.
Cổng làng vài chị gái non
Dừng chân uể-oải chờ cơn gió nồm.

Những khi gió lạnh mưa buồn,
Cổng làng im-ỉm bên đường lội trơn.
Nhưng khi trăng sáng chập-chờn,
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt-tha.

Ngày mùa lúa chín thơm đưa...,
Rồi Đông gầy chết, xuân chưa vội-vàng.
Mừng xuân ngày hội cổng làng,
Là nơi chen-chúc bao nàng ngây-thơ.

Ngày nay dù ở nơi xa,
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng;
Thì bao nhiêu cảnh mơ-màng,
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.



NHÀ DỘT

Bốn bề gió lạnh vào thăm,
Ba gian mưa ướt biết nằm nơi nao?
Dế ngâm thơ ở khe nào,
Bảo cho ta biết ta vào trú mưa.

1943



NGƯỜI TRÂU

Trời xám thấp, rặng tre ngà trút lá
Đầy ngõ thôn hun-hút gió chiều đông.
Sương mù bay phơi-phới tỏa đầy đồng,
Hơi lạnh cắn vào lần da cóng buốt.

Trong thửa ruộng chân đê tràn ngập nước,
Đôi bóng người đang chậm bước đi đi...
Người đàn-ông cúi rạp bước lầm-lì,
Người vợ cố đẩy bừa theo sát gót.
Họ là những nông-phu nghèo bậc chót,
Không có trâu nên người phải làm ... trâu.
Họ bừa ngầm một thửa ruộng chiêm sâu.
Nước đến bụng ôi, rét càng thêm rét !
Áo rách tướp, hở ra từng mảng thịt
Tím bầm đen trong gió lạnh căm căm.
Hì-hục làm, thỉnh-thoảng lại dừng chân
Véo và ném lên mặt đường từng vốc...
— Nhác trông ngỡ nắm bùn hay nắm đất —
Nhìn lại xem : ô, đống đỉa đen sì !...

Ta rùng mình quay mặt bước chân đi,
Lòng tê-tái, một mối sầu u-ám.
Trời càng thấp. Tầng mây chì càng xám,
Mưa phùn gieo ảm-đạm khắp đồng quê.
Gió chiều nay sao lạnh buốt, lê-thê.

Đôn-thư, 1945

✣

ĐÓI

Vũ vũ thùy gia tử,
Y phá, lạp bất hoàn,
Thúc tòng nam phương lai
Hướng ngã tiền đầu than...

CAO-BÁ-QUÁT
(Đạo phùng nga phu)

Năm ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi
Giống Lạc-Hồng cực trải lắm đau thương !
Những thây ma thất-thểu đầy đường,
Rồi ngã gục không đứng lên vì .. đói !

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

Khắp đường xa những xác đói rên nằm
Trong nắng lửa, trong bụi lầm co quắp.
Giữa đống giẻ chỉ còn đôi hố mắt
Đọng chút hồn sắp tắt của thây ma ;
Những cánh tay gầy quờ-quạng khua-khoa
Như muốn bắt những gì vô ảnh.
Dưới mớ tóc rối bù và kết bánh,
Một làn da đen xạm bọc xương đầu.
Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu,
Má hóp lại, răng hằn sâu gớm-ghiếc.
Già trẻ gái trai không còn phân biệt,
Họ giống nhau như là những thây ma,
Như những bộ xương còn dính chút da,

Chưa chết đã bốc xa mùi tử khí!
Mùi nhạt-nhẽo nặng-nề kỳ-dị,
Một mùi tanh lộn mửa thoảng mà kinh.
(Mùi tanh hôi ám-ảnh mãi bên mình
Khiến cả tháng ăn không còn ngon bữa).
Những thây đó cứ xỉu dần tắt thở,
Nằm còng-queo mắt vẫn mở trừng trừng.
Trông con ngươi còn đọng lệ rưng rưng,
Miệng méo xệch như khóc còn đang dở.
Có thây chết ba hôm còn nằm đó,
Ruồi tám phương bâu lại khóc vo vo...
Rồi ven đường đôi nhát cuốc hững-hờ
Đắp-điếm vội những nấm mồ nông dối!

Đói từ Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

Rải ven đường những nấm mộ âm-thầm
Được đánh dấu bằng ruồi xanh cỏ tốt.
Có nấm mộ quá nông trơ hài cốt,
Mùi hôi tanh nồng-nặc khắp không-gian.
Sau vài trận mưa nước xối chan chan,
Ôi, thịt rữa xương tàn phơi rải-rác!

∴

Tại Hà-nội cũng như bao tỉnh khác,
Những thây ma ngày lết đến càng đông ;
Đem ruồi theo cùng hơi-hớm tanh nồng,
Rồi ngã gục khắp đầu đường cuối ngõ.
Thường sớm sớm cửa mỗi nhà hé ngỏ,
Rụt-rè xem có xác chết nào chăng !
Từng chiếc xe bò bánh rít khô-khan
Mỗi sáng dạo khắp nẻo đường nhặt xác.
Xác chồng chất lù lù như đống rác,
Đó đây thò khô đét một bàn chân
Hay cánh tay gầy tím ngắt teo răn
Giơ chới-với như níu làn không-khí,
Như cầu cứu, như vẫy người chú ý...
Có hơi thở tàn thoi-thóp chưa thôi,
Có tiếng cựa mình, tiếng nấc... Những tròng ngươi
Nhìn đẫm lệ người chôn người chửa chết !
Bốn ngoại ô mở ra từng dẫy huyệt
Được lấp đầy bằng xác chết... thường xuyên.
Ruồi như mây bay rợp cả một miền...
Chết ! Chết ! Chết ! Hai triệu người đã chết !

Họ là những người quê non nước Việt,
Sống cần-lao bên ruộng lúa, đồng khoai.
Lúa xanh rờn nhờ họ đổ mồ-hôi,
Nước Việt sống vì mồ-hôi họ đổ.

Năm ấy, thuở Nhật, Tây cùng đô-hộ,
Chúng thi nhau cướp lúa của dân ta.
Hết lúa rồi, hết sạch cả khoai ngô;
Hết củ chuối, hết nhãn khô cả sắn !
Ngày giáp hạt không còn chi gậm nhấm,
Đói cháy lòng, đành nhá cả mo cau;
Nhá cả bèo và nuốt cả khô dầu !
Đói ! đói ! đói ! Người nhao lên vì đói !

Đói từ Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

Tạm biệt quê-hương, lê gót âm-thầm
Trên rải-rác mọi nẻo đường đất nước.
Từng gia-đình dắt-díu nhau lê bước
Đi lang-thang mong sống tạm qua ngày.
Đợi lúa lên hương, bông trĩu đầu cây.
Hơn tháng nữa sẽ hồi-cư sẽ sống !
Nhưng đau-đớn hỡi ơi là ảo-mộng !
Họ ra đi, hy-vọng có ngày về !
Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hỡi người quê.
Dần lả gục khắp đầu đường xó chợ !

Cùng lúc ấy, cũng trên đường rộn-rã,
Từng đoàn xe chuyên-chở thóc vàng tươi.
Thóc của dân đen, thóc của những người
Đang chết đói vì thực-dân cướp thóc.

Thóc chúng cướp phần vung xài huy-hoắc,
Phần chúng đem để mục nát trong kho !
Ôi, đau thương, chưa từng thấy bao giờ...
Trong lịch-sử chưa bao giờ từng có !
Hai triệu người, vì thực-dân, lìa bỏ
Nước thân-yêu, oan-uổng chết đau thương,
Trong lúc đầy đồng bát-ngát, ở quê-hương,
Lúa mơn-mởn đang ra đòng trổ trái,
Lúa trĩu hạt vàng tươi sai gấp bội,
Ngạt-ngào thơm báo hiệu ấm no vui.
Nhưng người đi không về nữa, than ôi !
Lúa chín gục, chẳng còn ai gặt hái !...

Ta nhớ mãi cái thời-kỳ đen tối !
Quên làm sao tội-lỗi kẻ xâm-lăng !
Quên làm sao mối thù hận khôn cùng !
Quên sao được hai triệu người chết đói !
Năm Ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi,
Giống Lạc-Hồng cực trải lắm đau thương !
Những thây ma thất-thểu đầy đường.
Rồi ngã gục không đứng lện vì... đói !

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm !...

(Tháng năm 1957)

KIẾP SAU VÍ LẠI GẶP MÌNH...

(Tặng Phạm-kim-Thuần,
người bạn đời của tôi)

Còn nhớ mãi mùa đông năm Tuất
Về Bắc-giang xem mặt hỏi mình.
Yêu mình vì nụ cười xinh,
Yêu mình dáng-dấp hiền-lành dễ thương.
Tuổi mình mới tròn gương có lẻ,
Về cùng ta, ôi bé bỏng sao!
Khi ăn ở, lúc ra vào,
Nết-na, thùy-mị, ai nào không ưa.
Mình cũng có ít mơ nho-nhỏ,
Những mong ta sẽ cố thực-hành...
Thương ôi! Ta để tan tành,
Vì ta vốn kiếp trời sinh hững-hờ:
Suốt ngày trắng ngẩn-ngơ ngơ-ngẩn,
Chỉ mơ-màng thơ-thẩn không đâu!
Không nghèo song cũng không giầu,
Nên chi chẳng có nhà lầu xe hơi.
Nhưng mình chẳng nửa lời mong muốn,
Yên vui cùng vườn ruộng nông thôn;
Thả vài lứa lợn con con,
Đầy sân gà vịt sớm hôm vui-vầy.
Mình rất thích trồng cây gây trái,
Thích nuôi tằm, chăm hái dâu xanh.

Đôi bàn tay trắng mịn xinh
Giờ đây hẳn nổi gân xanh mấy đường.
Nghĩ lắm lúc mà thương mà xót,
Cũng toan ra gánh vác với đời,
Để cho mình được thảnh-thơi,
Môi hồng nở mãi nụ cười vô-tư.
Nhưng cái bệnh làm thơ đeo-đẳng,
Ngày càng thêm trầm-trọng. Ôi buồn !
Mải-mê vui-thú ruộng vườn,
Ngược xuôi chán ngắt con đường lợi danh.
Đã thế lại đa-tình lắm mối,
Khiến việc nhà càng rối bòng-bong.
Nhiều cô má phấn môi hồng
Thường xen vào những chuyện lòng đôi ta !
Cũng có lúc chén xô bát vỡ,
Lời gắt-gay chồng vợ eo-sèo ;
Vì ta điêu-đứng đã nhiều,
Nhưng mình vẫn một lòng yêu mặn nồng.
Hỏi : « Có ghét lấy chồng thi-sĩ ? »
Không nói-năng, mình chỉ lắc đầu.
Thế ra trăm khổ ngàn đau
Mình không than-thở gì đâu, hở mình ?

Kiếp sau ví lại gặp mình,
Thì ta lại kết mối tình cùng... thơ !

(13-5-57)

TIẾNG VÕNG ĐƯA

Nắng lửa rung-rinh,
Xóm tre lặng-lẽ.
Tiếng võng nhà ai ru trẻ
Nặng-nề chậm-chạp đong đưa...

Nặng-nề chậm-chạm đong đưa...
Cót ca cót két nhịp thơ muôn đời,
Bồng bống bông... Ạ ời ời...
Cót ca cót két muôn đời nhịp thơ.
Ta say sưa
Nghe tiếng võng đưa
Ru hồn mơ
Trong lời thơ
Dân-tộc.
Mơ-màng lắng nghe tiếng khóc
Của thời măng sữa xa-xôi.
Ạ ơi ơi...
Ạ ời ời...
Cót ca cót két
Muôn đời
Nhịp thơ...

Tiếng võng đưa
Cót ca cót két...
Trưa hè nắng khét
Bà ru cháu say-sưa...

Tiếng võng đưa
Cót ca cót két...
Mẹ đi biền-biệt
Chị ru em ời ơi...

Tiếng võng đưa
Cót ca cót két...
Đêm dài mưa rét
Mẹ ru con mơ-màng...

Dân-tộc Việt-nam
Lớn trong tiếng võng.
Dân-tộc Việt-nam
Già trong lời ru.
Êm-đềm thay tiếng võng đưa.
Nhịp thơ
Dân tộc.
Mơ-màng ta nghe tiếng khóc
Của thời măng-sữa xa-xôi.

Ạ ơi ơi...
Ạ ời ời...
Cót ca cót két
Muôn đời
Nhịp thơ.

Và đây những vần thơ
Nhịp theo tiếng võng đong-đưa.
Nhịp theo lời ru êm-ái,
Tình quê-hương vời-vợi
Hồn dân-tộc mang-mang...

6 - 1957



ĐOÀN-THÊM

ĐOÀN - THÊM

THI-SĨ Đoàn-Thêm sinh ngày 27 tháng 9 năm 1916 tại Hữu-thanh-oai, tỉnh Hà-đông, bên bờ sông Nhuệ-giang, (Bắc-việt).

Dòng-dõi nhà Nho, xuất thân Luật-khoa cử-nhân và tốt-nghiệp Luật-học Đông-dương tại trường Đại-học Hà-nội năm 1940, sau đó một năm, thi-sĩ Đoàn-Thêm bước chân vào Hành-chánh, đã giữ nhiều chức-vụ điều-khiển, và hiện ở chức Phó đổng-lý phủ Tổng-thống kiêm Đổng-lý văn-phòng Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống từ năm 1955.

Đồng thời, Thi-sĩ còn tham-gia công việc nghiên-cứu của Học-viện quốc-gia hành-chánh, và đã được cử đi công-cán quan-sát ở nhiều xứ Á-châu.

Về văn-nghệ, thi-sĩ Đoàn-Thêm đã từng đăng thơ trên các báo : Công-dân, Văn-hóa, và đã xuất-bản tập *Loạn-ly*, tập *Taj-Mahal* (tả nỗi tâm-tình bất-diệt của hoàng-đế Ấn-độ *Shah-Jehan*). Tập Taj-Mahal này của Thi-sĩ được nhiều nhà văn ngoại-quốc chú ý, và giáo-sư J. T. Dorsey Jr đã dịch ra Anh-văn.

Tuy bận việc hành-chánh, nhà thơ họ Đoàn vẫn sáng-tác, và có soạn tập thơ *Từ-Thức*, một thi-phẩm mới nhất đã được nhiều báo giới-thiệu, mà chúng tôi sẽ trích ít đoạn trong phần thi-tuyển dưới.

Ngoài phạm-vi thơ, thi-sĩ Đoàn-Thêm còn là một cây bút chuyên nghiên-cứu, bình-luận các vấn-đề chánh-trị, và tổ-chức hành-chánh của các cơ-quan ngôn-luận và nghiên-cứu như các tạp-chí : *Nghiên-cứu hành-chánh*, *Văn-hóa*, *Bách khoa*, *Gió Nam* v. v...

Thi-sĩ Đoàn-Thêm là một nhà thơ có khuynh-hướng về các thể cổ, phỏng theo tôn-chỉ của thi-sĩ Pháp André Chénier, là dùng thể cổ để diễn tư-tưởng mới. Thi-sĩ chủ-trương đem phương-pháp nghệ-thuật của Tây-phương áp-dụng vào công-cuộc sáng-tác, khiến văn-chương Việt-nam có thể phổ-biến một cách rộng-rãi trên thế-giới. Trong tập thơ *Từ-Thức*, Thi-sĩ đã phỏng theo truyện cũ của cụ Nguyễn-Dữ, nhưng chỉ mượn khung-cảnh và các vai-trò chính để trình-diễn một cách xây-dựng tư-tưởng Tiến-hóa về phía tinh-thần của Tây-phương ở giai-đoạn hiện-tại...



BẠCH-LĂNG TAJ MAHAL

Bên núi bờ sông vắng,
Chơ-vơ vạn-cổ thành,
Sương sa mờ nóc tháp,
Đáy nước động chòi canh.

Thượng-uyển tùng chen bách
Bên hồ lặng bóng xanh,
Đền vàng quanh điện ngọc,
Đá đục sợi tơ mành.

Bạch-thạch xây lăng trắng,
Bình-phong sắc ngũ-hành,
Trân-châu lèn hổ-phách,
Ngọc-tẩm ánh trăng thanh...

Mông-Cổ Tây-Hàn-đế
Đường tơ hận dứt tình,
Đá vàng chung một mộ,
Trường-mộng nối duyên lành.



TỪ - THỨC

Tài-hoa nức tiếng sơn-trung,
Nước mây vui thú một vùng Hóa-châu;
Thuyền lan, thơ túi, rượu bầu,
Cuộc cờ dưới nguyệt, trống chầu đêm xuân.

Bút tiên buông nhẹ nét thần,
Phiếm tơ khéo lựa mấy vần cung thương.
Cổ kim văn vũ ngàn chương,
Mỉm cười Lý, Đỗ, coi thường Tôn, Ngô.
Dòng thi-lễ, chí giang-hồ,
Lánh đường khoa-bảng, ghét trò cân-đai.

TỪ-THỨC BẤT-ĐẮC-DĨ ĐI THI

Trời xuân mây biếc cửu-trùng,
Thấm nhuần mưa móc, trúc tùng tươi xanh...

Dời quê, thẳng tiến kinh-thành,
Ba ngàn sĩ-tử sắm sanh nhập trường.
Từ-sinh lều chõng lên đường,
Lắc lư ống quyển, theo phường lợi-danh.
Tam-trường ngọn bút tung hoành,
Kinh, văn, thi, phú, đua tranh mấy kỳ.

Thản-nhiên nghe xướng nhất nhì,
Cũng hia, cũng mũ, cũng quì, cũng tâu,
Bệ rồng năm lạy khấu đầu,
The thâm đã đổi ra mầu thụng lam.

Rác tai nghe luận tước hàm,
Trị bình ai nghĩ, tiếu đàm ai hay?



TỪ-THỨC LÀM QUAN

Đất Hóa-châu cờ bay pháo nổ,
Rước Từ-Công bái tổ vinh qui.
Cỏ huyên rạng ánh tà huy,
Nhớ xuân khuất bóng thấy gì ân-quang!

Bỏ tằm tang, dời làng lên huyện,
Cảnh lâm-tuyền lưu luyến khách thơ,
Lên yên, lòng vẫn ngẩn ngơ,
Khóm lan bên suối biết nhờ ai trông ?

Cất vó hồng, tây đông giong ruổi,
Hết an-nhàn, đến buổi xông pha,
Tòng tâm, hãy đợi lúc già,
Nam-nhi trốn nợ quốc-gia cũng hèn !

Đội ơn trên, báo đền gang tấc,
Cao thấp gì thang bậc công-khanh ?
Trí-tri, đến tuổi lực-hành,
Biết sao cầm hạc không thành cầu an ?

Dậm quan-san, bàn hoàn tấc dạ,
Chốn sảnh-đường thuộc-hạ xôn xao :
Cấp trên giữ ý làm cao,
Phụng-thù lánh mặt, tơ-hào xua tay !

Ngọn cờ bay, đêm ngày chiêu dụ,
Vượt đông đoài, an phủ sơn-thôn :
Lục-lâm giữ phận tôi con,
Tụng-đình khép cánh, công-môn vắng người.

Một phương trời, thắm tươi hoa cỏ,
Tấm lòng nhân, trăm họ mến yêu.
Thanh-bình non nước Thuấn Nghiêu,
Mưa hòa, gió thuận, nông tiều ấm no...

TỪ-THỨC CÁO QUAN

Chiều thu xế, chân trời hạc lánh,
Cỏ huyên già, tiết lạnh úa mau.
Tấc lòng hiếu-tử quặn đau,
Gậy tang rước cữu, lệ sầu thấm khăn.

Vận áo xám khó ngăn ma quỉ,
Mộ vừa khô, lệnh-chỉ trao tay :
Trấn-đường định hạn ba ngày,
Tiền đồng đổi giấy, thu ngay nộp liền !

Nước tao loạn, cường-quyền tác họa,
Tránh bạo-hành : cương-tỏa vướng chân !
Gớm-ghê thay, lũ gian-thần,
Lòng dân đã mất, tiền dân vẫn đòi !

Việc tiến-thủ, đến hồi ngang trái,
Cảnh cầm-đường, thư thái không mong,
Tội chi mắc nợ tang-bồng ?
Thái-sơn trút gánh, lông hồng nhẹ thân !

Vuốt ngọn thỏ, hạ vần cáo tạ,
Viện tóc tang, xin trả ấn kiềm.
Lời văn cũng khéo tị hiềm,
Trấn-đường khẽ gật, Đào-Tiềm bước lui.

Kẻ dưới trướng bùi ngùi trước vó,
Người trên yên theo gió đưa mây,
Thong-dong một tớ một thầy,
Phen này lối cũ vui vầy cỏ hoa...



CẢNH ĐÔNG-ĐÔ THỜI TRẦN-MẠT

Chán cảnh hương-thôn, tới thị-thành,
Đông-Đô chen chúc hội quần-anh.
Tây-hồ lộng bóng làng phong nguyệt,
An-Thái nồng hương bạn yến oanh.
Ngây-ngất lầu xanh ly rượu cúc,
Nhặt khoan gác tía khúc đàn tranh.
Vương-tôn công-tử đua hoan lạc,
Mặc sức Hồ-Ly giữa vuốt nanh...



TỪ-THỨC ĐI TÌM SÂM HÁI THUỐC

Nghe lời, theo hướng bể đông,
Bao nhiêu hang, động, ghềnh, sông cũng dò:

Sông Âm hiu hắt vi-lô,
Sông Lương bến vắng, con đò lặng thinh,
Trên mây, dưới nước, giữa mình,
Hoàng-hôn gác mái, bình-minh nhẹ chèo.

Sông Chu uốn khúc trong veo,
Sông Cao lơ-lửng bên đèo mờ sương.
Trào dâng bãi cát lạch Trường,
Gió đưa Diêm-Phố, buồm giương lạch Triều.

Leo cao đỉnh Lục, Cánh Diều,
Hang Na, động Bích cũng liều đưa chân.
Non kia có phải non Thần,
Cho ai mượn đám mây Tần qua chơi ?...



TỪ-THỨC THẤY GIÁNG-HƯƠNG LẦN ĐẦU TIÊN Ở BỒNG-LAI

Lãng-uyển mơ xuân, liễu thướt tha,
Hài nhung lững thững gót tiên-nga,
Tóc mây theo gió rờn vai ngọc,
Nùng, đạm hương lan, lụa rủ tà...

Muôn sắc hoa tươi lộng ánh kiều,
Trà-mi tô đượm phấn đào yêu,
Mẫu-đơn rực-rỡ mầu vương-giả,
Khóe hạnh long lanh nhuộm bóng thiều...

Lặng ngắm xa gần, khách ngẩn-ngơ,
Lòng trần bối rối, nhện buông tơ,
Cảnh, tình, hương, sắc, say hay tỉnh ?
Có lẽ phen này mới thấy... thơ ?

Thượng-giới, thường nghe đạo-đức cao,
Đường tu lối tục, chọn phương nào ?
Tiên-nương chớm nở bông hàm-tiếu :
Bể dục mênh mông sóng dạt dào !...



TỪ-THỨC BƯỚC CHÂN TỚI BỒNG-LAI

Dòng nước xanh xanh, uốn dịp cầu,
Bóng tùng chênh chếch ngả nương dâu,
Phất phơ mây khói, lầu cong mái,
Tuyết phủ Bồng-Lai, núi bạc đầu...

∴

Năm sắc mây lồng bóng nước xanh,
Đạm-hoàng, phơn phớt cánh chim oanh,
Tử lam, rực-rỡ mầu cung điện,
Bích lục, lơ thơ liễu rủ mành...

Mấy tiếng hòa-âm gợn sóng thanh,
Vi vu ti trúc gió đưa cành,
Vang lừng trước bệ, chuông đua khánh,
Giéo giắt cầm tiêu khúc lạc-hành...

Mấy chữ Quỳnh, Dao tạng nét thần,
Hoành-phi một bức chạm long vân,
Cột rồng mái phượng châu xen ngọc,
Bạch-lạp rung rinh ánh tỏa trần.

Trướng gấm, ngai vàng, vẻ xuất-nhân,
Mặt hoa da tuyết, nụ cười thân,
Một bà tóc bạc xưng Vương-Mẫu,
Thể-nữ xiêm hồng lướt dáng xuân...



TỪ-THỨC HỎI HỒ-CÔNG

Về hướng đường tiến-hóa của nhân loại, sau khi chui vào bầu Hồ-thiên ngắm cảnh vũ-trụ và được xem những sự biến thiên trong lịch-sử.

Hỏi Hồ-Công lẽ phải đường ngay,
Chân-nhân dạy :

— Đổi thay nhìn rõ cảnh !

Cuộc thiên-diễn muôn hình vạn ảnh,
Vẫn tỏ tường cứu-cánh nhân-sinh.
Giữa thế-gian, nhận đúng chỗ mình,
Tin thiên-mệnh, lộ-trình đưa tới đích.

Dẫu hạ-giới mịt mờ Chu Dịch,
Ngắm cõi trần, giải thích được huyền-cơ,
Vượt thời-gian không bến không bờ,
Thuyền nhân-loại, lửng lơ về hướng định...

Cũng có lúc trời quang mây tĩnh,
Vẳng sáo thiều, đủng đỉnh quãng nhàn-du ;
Cũng có khi tiết lạnh sương mù,
Lòng quá-khách âm u ngờ lạc lối ;

Cũng có lúc mưa tuôn sóng giội,
Vụng tay chèo, chìm nổi mặc phong-ba ;
Cũng có khi nước thuận gió hòa,
Tranh chỗ mát, nào va, nào chạm,
Mất thăng bằng, kẻ rơi, người bám,
Mũi quay ngang, thuyền tạm lui xa,

Đành buông trôi, mấy khách vị-tha
Chịu đắm đuối cho người qua nguy-hiểm...

Đức hy-sinh thiêng liêng mầu-nhiệm
Khiến lòng người thâm nhiễm yêu thương,
Bớt hung tàn, nghe tiếng gọi thiên-lương,
Vững tin-tưởng, theo đường tiến-hóa.

Đường tội ác, lắm phen tai họa,
Tiến lại ngừng, cải-quá lại đi mau,
Tuy dặm trường, gối mỏi, bước đau,
Chân trời sáng, trước sau chầu Thượng-Đế!

TỪ-THỨC THẤY CHÂN-LÝ VÀ QUYẾT ĐỊNH VỀ TRẦN

Thương nòi giống lầm than đau khổ,
Cảnh Bồng-châu, Lạc-phố nhạt mầu xuân!

Bỏ thanh-nhàn cho vẹn nghĩa-nhân,
Sả hạnh-phúc, xuống trần góp sức!
Cùng tiến hóa thoát nơi cơ-cực,
Quay gót về, đạo-đức sáng tâm-linh.
Dẫu qua đời, dòng dõi anh-minh
Tiếp mạch máu hòa mình vào nhân-loại,
Muôn thủa cùng núi sông trường-tại,
Theo tuần-hoàn trở lại uyên-nguyên,
Hà-tất tham bất-tử nước non tiên
Để vạn-kiếp ưu phiền không đạt mịnh!

Bao năm trước hoài công suy tính,
Sách thánh-hiền chưa tỉnh giấc mơ;
Lắm thuyết hay, tâm trí càng mờ,
Học chưa đáo, hết ngờ đến nản.

Ngẫm tiền-triết lẽ nào gây ly-gián
Để bao người chán ngán nhân-sinh?
Đạo-lý cao, huyền-viễn, siêu-hình,
Hậu-thế liệu phê bình, tham bác;

Một tán dương thì hai xuyên tạc,
Loạn tâm-thần, đánh lạc sĩ-phu,
Giảng không tường, học mãi vẫn âm u :
Ôi ! bể học tối mù, ai chiếu sáng ?

Đường tiến-hóa phương xa tỏ rạng
Cuộc nhân-sinh, định-mạng cao siêu,
Diệt kiêu-căng, dời chốn cô-liêu,
Về đất nước, thuận chiều thiên-lý !

Chân trời rực ánh vàng tuyệt-mỹ,
Buổi khai-minh, hoan hỷ phút đầu tiên,
Phút quang-huy khoáng-hậu không-tiền
Của tin-tưởng vô-biên tràn sức sống !...



TỪ-THỨC AN PHẬN Ở CỐ-HƯƠNG

Thôn-trang bến cũ,
Sông nước mơ giăng,
Cành mai nẩy lộc,
Khóm trúc ra măng.

Mạ xanh dăm mẫu,
Ngan ngỗng lăng quăng.
Sáo diều vi vút
Mấy điệu trầm thăng.

Cố-nhân hai cụ
Vui chuyện hữu-bằng;
Học-trò mươi chú,
Một ngọn thanh-đăng.

Vần thơ kim cổ,
Câu được câu chăng;
Nỗi lòng soi tỏ,
May có chị Hằng...

(Trích ở tập « Từ-Thức »
hay « Kẻ tìm đường »)





PHẠM-DÌNH-TÂN

PHẠM-ĐÌNH-TÂN

THI-SĨ Phạm-đình-Tân sinh năm 1913, người làng Bảo-long, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định (Bắc-việt).

Xuất thân trong một gia-đình Nho-giáo có tham bán Tây-học, thi-sĩ Phạm-đình-Tân ưa thích văn-nghệ từ thuở nhỏ. Ngay lúc còn ở cuối ban Trung-học tại Hà-nội, Thi-sĩ đã cùng một ít bạn tổ-chức những buổi họp hàng tuần để học tập văn-chương cùng các môn nghệ-thuật. Sau đó, khi Thế-Lữ, Khái-Hưng và Nhất-Linh lập ra Tự-lực văn-đoàn, thì Phạm-đình-Tân cùng với mấy người bạn nữa (trong đó có Phạm-đình-Khiêm) lập ra Tinh-việt văn-đoàn. Tổ-chức này hiện nay vẫn hoạt-động, mà chính Thi-sĩ là người chủ-trương đoàn.

Ngoài công việc của Tinh-việt văn-đoàn, thi-sĩ Phạm-đình-Tân còn chủ-trương và cộng-tác với nhiều tờ báo như Phụ-nữ thời-đàm, Thanh-nghị, Thanh-niên (ở Hà-nội), Phụng-sự, Tinh-thần (ở Sài-gòn).

Về phạm-vi thơ, trước đây Thi-sĩ đã có nhiều bài đăng trên các báo : Phong-hóa, Chủ-nhật của Tự-lực văn-đoàn, và có tập *Tiếng Thầm*, viết từ năm 1942, có tựa của Thế-Lữ, nhưng đến năm 1952 mới xuất-bản theo lời khuyên nhủ của các bạn, vì những bài trong đó là những cảm-xúc mới-mẻ, và kín-đáo, là những đìu-hiu của chiều thu, vang xa của dĩ-vãng, lạnh-lẽo của mưa thu sùi-sụt khi tâm-hồn tỉnh thức.

Thi-sĩ chẳng những chỉ là một nhà thơ, mà còn là một nhà văn. Văn của Phạm-đình-Tân từ trước đến nay đã có trên 10 tác-phẩm ra đời toàn chuyên chú vào đạo-giáo, giáo-dục và xã-hội. Đáng để ý là tập *Tòa Thánh La-mã* đã được đức Giáo-hoàng Piô XII vừa quá-cố ban khen đặc-biệt.

Một điều nên nói thêm để các bạn đọc biết thi-sĩ Phạm-đình-Tân là một nhà thơ quan-niệm : thơ phải rất dễ hiểu, phải đi thẳng vào trái tim, còn phải đọc đi đọc lại hay phải có tác giả cắt nghĩa thì không còn là thơ, vì nó không rung chuyển tâm-hồn, như vậy viết văn xuôi còn hơn...

THI TUYỂN

ĐÁ VỌNG-PHU

Nắng chiều soi đá ra vàng,
Trên non còn một mình nàng chơ-vơ.
Ẵm con nhìn cõi mịt-mờ.
Mong chồng biết đến bao giờ mới thôi !
Đợi trông đứng mãi chân trời,
Gió mưa mòn rũa thân người rêu leo.
Ta đi tìm tấm tình yêu,
Tới đây thâu nhận thêm chiều đau-thương.

Cây ngàn thầm lặng mơ-màng,
Rừng hoang ôm-ấp bóng nàng lẻ-loi.
Suối than-thở dưới chân đồi,
Mây buồn ngơ-ngẩn bên trời say-mê.
Ta còn cảm-động lâm-ly,
Lệ đâu điểm ngọc trên mi mắt nàng.
Lòng thơ phút chốc mênh-mang,
Hồn thơ thổn-thức với nàng lau sơ.
Chân đưa bước tới thẫn-thờ,
Mắt hoa mờ lệ người xưa lạnh-lùng :
— Không, không, giọt nước sương trong
Vô tình đượm cạnh má hồng đó thôi.
Lòng mong-mỏi đã lâu rồi,
Đến nay mắt đá bao đời đã khô.
Còn đây tiếng gọi mơ-hồ
Vẩn-vơ với gió chiều thu trên ngàn !



PHÚT BUỒN THƯƠNG

Nắng sớm đưa tin đến ngọn hồng,
Nụ tươi hé nở ý tươi trong.
Sương mai treo ngọc trên mầm mới,
Vườn thoảng đầu hương mở cửa lòng.

Sáng nay tinh-khiết quá. Hồn tôi
Thêm thẹn tình riêng những ngậm-ngùi :
Ân-ái tân-hôn vừa thoáng đượm,
Tủi buồn đã lắng đọng trên môi !

Say-đắm đêm qua lúc vội-vàng,
Tôi không nương nhẹ phút mênh-mang
Của bao mong-mỏi. Bên nhan-sắc
Mộng đẹp hoen trên gối trẻ-tràng.

Một áng công-trình của hóa-công,
Một niềm cao-quý chốn thanh trong ;
Chút gì mầu-nhiệm thiêng-liêng quá,
Tôi đã xô tan với dục lòng !

Ánh-sáng tràn thơm dưới mái hiên,
Ngậm-ngùi tình nghẹn giữa bình-yên,
Hồn nghe ai bước ngừng trong cửa,
Mắt đắm yêu-đương ngại ngẩng nhìn !



MỘT PHÚT LÀNH THÔI

Một phút lành thôi có nghĩa gì ?
Mắt mừng, miệng nở lựa lời đi,
Tay nhanh-nhẩu đón, dâng âu-yếm,
Hờn giận còn đâu dấu vết chi ?

Một buổi chiều xưa bên mé ao,
Hai người ân-ái đón hương đào
Cùng nhau ca-hát trong giây-phút,
Rồi rẽ duyên nhau, biết tại sao ?

Người ở bên đây, kẻ đứng kia,
Cách nhau không hiểu bởi gì chia.
Nhìn nhau mắt lặng đầy kiêu-hãnh,
Lòng muốn chân qua : bước nặng-nề.

Tưởng khó hơn là vượt núi sông,
Bao nhiêu lưỡng-lự chất bên lòng,
Bao nhiêu tự-ái, bao tơ rối,
Để lỡ đời nhau cuộc tái-phùng.

Một phút lành thôi có nghĩa gì ?
Từng ngàn duyên-kiếp đã phân-ly.
Bao hồn dang-dở ôm hiu-quạnh.
Lệ chẩy canh tàn mọng khóc mi.



ĐẸP XƯA

Sông êm như một trang thơ,
Liễu trao cành đứng trên bờ nghiêm-trang.
Nước lăn ngàn cánh hoa vàng,
Trăng dời mây trắng soi đàng vua qua.

Yêu-kiều hai đội cung nga,
Xiêm mầu tha-thướt, giải là nhẹ bay.
Nhịp-nhàng bước lượn, nâng giây,
Thuyền rồng lướt bến mê-say dịu-dàng.
Đàn nương sáo rót mơ-màng,
Trong khoang Tùy-Đế yêu nàng Thứ-phi.
Một nàng dâng nước gối quỳ,
Một nàng che quạt gần mi cúi đầu.
Chén thơm rung ánh ngọc-châu,
Hương lên sóng mắt giờ lâu chưa mờ.
Tùy-Vương, lòng đón muôn thơ,
Tay cao dốc cạn chén mơ tràn đầy.
Đàn ca mau nhịp nồng say,
Buồm tơ lắng gió, trăng cây nghiêng mình.
Đêm nay trời biếc thanh-thanh,
Hồn tôi lẫn bóng nương hình đôi nơi.
Trường-an ngậm ánh trăng cười,
Kim-lăng dìu-dặt muôn lời yêu-đương.
Êm-êm uốn khúc nhịp-nhàng,
Trường-giang ngọt chẩy dịu-dàng trong mơ...
Sông êm như một trang thơ..

⚜

ĐAU-ĐỚN

Đau đớn là đường lên Ánh-sáng!

. . . .

Tự thuở nào, Người trụt xuống trần-gian,
Tổ-tiên xưa con cháu cả nhân-hoàn,
Vì một tội mà trầm-luân muôn kiếp.
Đầu muốn ngửng: xác thịt đè liên-tiếp!
Mắt trông lên: mí nặng cúi nhìn chân!
Một chút gì của Chúa liễm vào thân
Hằng nhớ tưởng tuyệt-vời nơi Thiên-quốc.
Nhưng than ôi! tội vần hồn kiệt-nhược,
(Sức mọn-hèn chống-đỡ được là bao!)
Nên từ lâu cho tới ngày nào
Cả nhân-loại đắm mình trong bóng tối!
Một tội tổ giắt theo ngàn giống tội,
Một phạt hình u-ám cả muôn năm!
Nguồn bùn dơ lan chảy khắp trần-phàm.
Ngọn lửa phạt thiêu sầu muôn thế-kỷ.
Đã bao năm, đã bao năm rền-rĩ,
Tiếng khóc than không ngớt, không ngừng thôi.
Biết bao-giờ hồn thảm thoát lò sôi
Ra khỏi chốn tối-tăm và yên-lặng?

Đau-đớn là đường lên Ánh-sáng !
Chúa nhân-loài thương nhớ một đàn con.
Vì tổ-tiên chìm đắm cả linh-hồn,
Và xác thịt bầy mồi cho quỷ dữ.
Khắp đây đó, Chúa trông nhìn vũ-trụ,
Đâu oai-quyền xứng-đáng cứu trần-gian ?
Đâu ơn thiêng rẩy tưới đất khô-khan ?
Đâu công-nghiệp rõ-ràng soi bóng tối ?
Trong vực thẳm, ai dám cao tiếng gọi ?
Đấng nhân-lành tha-thứ tội ngàn xưa ?
Không, cả trần-gian hư-thối đen mù !
Hồn dầu-dãi không còn... thật không còn đáng kể !
Chúa buồn-bã thầm rơi ánh-lệ,
Biết vì ai nhẹ giảm tội-tình sâu
Cho đàn con lưu-lạc chốn u-sầu
Được ngẩng mặt trông lên Cha sáng-láng ?

Đau-đớn là đường lên Ánh-sáng !
Cha vì con phải hạ xuống trần-gian,
Bỏ ngai vàng cao-quý chốn vinh-quang !
Bỏ rực-rỡ triều-thiên ngàn ánh lạ !
Bỏ bầy tôi trung-thành nơi cao-cả !
Từ giã trời, cung-điện tối uy-linh,
Xuống trần-gian sống giữa chốn hôi-tanh,
Để hàn-gắn những vết thương đang rộng mở.

Ôi ! lòng nhân-từ vô-độ !
Ôi ! tình yêu tuyệt-đối không cùng !
Tay công-bằng thẳng phạt kẻ kiêu-căng.
Tay nhân-đức vuốt-ve hồn tội-lỗi.
Từ đêm ấy trong hang lừa u-tối,
Chúa bắt đầu nhận lấy chuỗi lao-lung
Để người ta được thấy phút vui-mừng
Trên thiên-quốc tưng-bừng hương sáng !

Đau-đớn là đường lên Ánh-sáng !
Chúa hiến mình làm bia bắn của Đau-thương.
Tay nâng-niu ôm-ấp mối sầu trường,
Tim khắc-khoải trong muôn nghìn cay-đắng.
Cây thập-giá trên xác trần đè nặng,
Đường đau-thương sỏi đá buốt thịt xương !
Nước bọt dơ quân dữ nhổ chán-chường
Trên mặt thánh máu-me nhễ-nhại !
Cả mình thánh ê-chề tê-tái,
Triều-thiên gai : đau-đớn mỉa-mai sao !
Giờ trông mong sắp tắt mọi ưu-sầu,
Chúa kêu khát. Và giấm đưa thay nước.
— Ta nuốt hết đau-thương tủi-cực
Để mở đường hạnh-phúc cho trần-gian.
Phút cuối cùng quân độc-dữ, hung-tàn
Còn cầm mác đâm thêm dấu nữa.
— Đây giọt máu cuối của lòng ta chan-chứa

Yêu trần-gian làm của lễ dâng Trời.
Bao đau-thương, bao tủi-cực, bao tơi-bời,
Ta đã nếm, đã uống, và đã chịu.
Ôi ! Hỡi trần-gian tội chĩu,
Từ giờ đây đường hạnh-phúc thênh-thang.
Hãy theo ta, theo rõi bước đau-thương
Để tiến tới nơi đầy Ánh-Sáng.

Đau-đớn là đường lên Ánh-Sáng !
Chúa muôn loài đã sống lại hôm nay.
Tiếng mừng-ca vang dậy khắp đó đây
Vẻ đắc-thắng từng-bừng trên các mặt.
Thiên-thần hát, nhạc thiêng lừng ánh ngát.
Hoa tung đài, nở nhị vút muôn hương.
Cả trần-gian đứng dậy. Khắp ngàn phương
Lòng hớn-hở reo theo lời cảm-tạ.
Chúa bằng lòng mỉm cười từ-giã
Và oai-nghiêm trở lại chốn Vinh-Quang
Là nơi từ ngàn xưa trong chốn đền vàng.
Chúa ngự-trị và nhận lòng cung-kính.

. . . .

Đau-đớn là đường lên Ánh-Sáng !
Chúa muôn loài vạn-tuế ! Sáng muôn-năm !



PHAN-PHONG-LINH

PHAN-PHONG-LINH

LÀ con trai thứ của thi-sĩ Phan-mạnh-Danh, tác-giả *Bút-hoa* và *Xuân-mộng*, Phan-phong-Linh sinh năm 1911 tại làng Phù-ủng, huyện Phù-cừ, tỉnh Hưng-yên (Bắc-việt) và mất tại Sài-gòn vào khoảng mùa thu năm 1956.

Xuất thân trong một gia-đình Nho-giáo, thi-sĩ Phan-phong-Linh là một nhà thơ rất giỏi về Đường và cũng sở-trường về phương-diện dịch các thơ Đường. Còn về Tây-học, Phan-phong-Linh có cấp bằng Thành-chung, đã từng làm thư-ký tòa-sứ, và sau ngày hiệp-định Genève, ông di-cư vào Nam, đã làm đến chức chủ-sự phòng báo-chí ở trong bộ Tài-chánh.

Phan-phong-Linh là người rất sốt-sắng về văn-nghệ, coi văn-nghệ như là một lẽ sống của đời. Nhưng đến năm 1951, thơ Phan-phong-Linh mới bắt đầu đăng vào tờ *Thế-kỷ* của các bạn Bùi-xuân-Uyên, Triều-Đẩu và Viên-Phong, rồi sau này là các báo *Tự-do*, và *Văn-nghệ tự-do*.

Đầu năm 1956, Phan-phong-Linh soạn xong tập *Thắng cảnh Việt-Nam qua thi ca*, một tác-phẩm có giá-trị với sự sưu-tập rất công-phu. Nhưng than ôi! đứa con đầu lòng này của Thi-sĩ mới lên khuôn in được nửa chừng, thì Phan-phong-Linh bị bệnh gan phải đưa vào nhà thương Đồn-đất, và sau đó đã ra người thiên-cổ...

THI TUYỂN

MỘNG XUÂN

Trăm hoa ướp ngát lời thơ,
Hơi xuân êm lót gối mơ diễm-huyền.
Quanh-co đường tục lối tiên,
Ấy tình Nguyễn-Triệu hay duyên Lưu-Thần.
Then sương lỏng khóa lầu Tần,
Bâng-khuâng mộng Hạc mộng Trần là đâu ?
Cỏ cây tơ nõn phô mầu,
Nước pha-lê chảy dưới cầu nao-nao.
Xuôi dòng một cánh bè sao,
Liễu xanh bên ngọn suối đào thướt-tha.
Từng không phơi-phới bóng hà.
Biết đây tuyết rụng hay là mai rơi.
Sinh-ca trầm bổng xa vời,
Hương thơm muôn dặm đón người vãng lai.
Xiêm-y thấp-thoáng bóng ai,
Ngà say dưới nguyệt ngâm bài tình-thi...

⚜

PHÓNG BÚT

Gió liễu nhẹn mơn tơ nắng dịu,
Gương hồ thoáng gợn bóng mây qua.
Men yêu rạo-rực làn môi thắm,
Phơi-phới xuân tình ngát cỏ hoa.

Bừng trông phơ-phất bóng hà,
Biết đây tứ rượu hay là lời thơ.



LẦU HOÀNG - HẠC

(Dịch Hoàng-hạc-lâu của Thôi-Hiệu)

Người xưa cưỡi hạc xa bay,
Mà lầu Hoàng-hạc chốn này còn trơ.
Hạc vàng một hút tới giờ,
Ngàn măm mây trắng hững-hờ trôi qua.
Hán-dương cây rõi sông xa,
Nội châu Anh-vũ cỏ hoa rầu rầu.
Chiều tà biết cố-hương đâu,
Sóng sông mờ khói lòng sầu mang-mang.



THĂM HÒN CHỒNG

Duyên văn-tự hẹn cùng non nước,
Khao tương-phùng một cuộc phiếm-du.
Đăng-trình vào buổi mùa thu,
Ngọc cây lá cỏ còn mờ hơi sương.
Xe đỗ lại bên đường lấy cát,
Trèo quanh-co bát-ngát đồi cao.
Tai nghe suối chảy rì-rào,
Mắt trông lênh-láng nắng đào ngoài khơi.
Hết đồi cát đến nơi thắng lãm,
Bức họa-đồ « phá lã thừa phòng » :
Từng từng đá xếp chập-chùng.
Hình kia dáng nọ lạ-lùng xiết bao.
Còn ngờ giấc chiêm-bao chửa tỉnh,
Thoắt đã lên đến đỉnh Hòn-Chồng.
Phóng tầm con mắt xa trông,
Nước cuồn-cuộn chảy, sóng tung ngất trời.
Bọt trắng xóa như hoa mai rụng,
Khai từ bao một vũng tang-thương.
Gió cuồng nổi giật từng cơn,
Những toan xô vỡ giang-sơn tan-tành.

Ngoảnh nhìn lại bức tranh hùng-vĩ,
Hòn Chồng cao ngạo-nghễ hiên-ngang.
Dưới chân lớp lớp sóng tàn,
Cuồng phong lại hóa gió đàn bên khe.
Mấy vạn kỷ núi kia còn đó,
Vết chân loài dã-thú in sâu.
Phù trầm bao cuộc bể-dâu,
Khởi từ đâu để đến đâu mới ngừng ?
Leo trèo mãi xem chừng đã mệt,
Ngả lưng nằm ngủ thiếp bên khe.
Say-sưa hơn giấc mộng hè,
Bạn-bè lay dậy rủ về Nha-trang.

8-10-55



GẶP-GỠ

(Gởi Thanh-Vân)

Em, cô gái miền Nam,
Anh, chàng trai xứ Bắc.
Gặp nhau ở vùng Trung,
Tình sông dài dằng-dặc.

Đậm nhạt ai tô tranh thủy mặc,
Rêu xanh sườn núi vết chân in.
Sương thu buông xóa mờ hư ảnh,
Nhịp bước chân theo giấc mộng chìm.

Gió tung tà áo tím,
Sóng vỗ giải cát vàng.
Gặp nhau rồi ly-biệt,
Xa cách mấy quan-san.

Những toan níu lại thời-gian,
Để nghe lanh-lảnh tiếng nàng trong sương.
Xa nhau cách vạn dặm đường,
Đường xa bao nả, tình trường bấy nhiêu.





TOAN-ÁNH

TOAN - ÁNH

LÀ một người chịu ảnh-hưởng của cả về tân-học và cựu-học, và là một cây bút chuyên về phong-tục cùng đồng quê, thi-sĩ Toan-Ánh người làng Thị-cầu, tỉnh Bắc-ninh, sinh năm Ất-mão (1914).

Xuất thân trong một gia-đình Nho-giáo, từ hồi còn niên-thiếu, Toan-Ánh đã thấm nhuần những căn-bản luân-lý Á-đông do sự giáo-dục của một cụ đồ Nho, và đặc-biệt là công-trình hướng-dẫn của mẫu-thân về tình yêu xứ sở, quê-hương và những tấm gương trung hiếu tiết nghĩa của các danh-nhân liệt-sĩ.

Hiện thời Toan-Ánh là một công-chức cao-đẳng ngạch hành-chánh và đang sửa soạn cho ra một tập thơ lấy tên là : « Sóng thời-gian ».

Chẳng những là một nhà thơ, Toan-Ánh còn là một nhà văn, tác-giả của những quyển *Phong-lưu đồng ruộng* (xuất-bản năm 1942, khảo về phong-tục), *Trong lũy tre xanh* (truyện ngắn tập-quán, xuất-bản năm 1943), *Thanh gươm Bắc-việt* (lịch-sử tiểu-thuyết, xuất-bản năm 1951), *Người đẹp Chiến-quốc* (lịch-sử tiểu-thuyết, xuất-bản năm 1952), *Tiết-tháo một thời* (tập truyện về khí-tiết của sĩ-phu Việt-nam, xuất-bản năm 1957), và của các tác-phẩm : *Ký-Vãng*, *Bó hoa Bắc-việt*, *Anh-hùng-ca Việt-Nam*, *Lời cố-nhân*.

Ngoài sự-nghiệp văn-nghệ trên này, nhà thơ Toan-Ánh còn là một tay soạn kịch. Riêng bộ môn này, năm 1942, Toan-Ánh đã có một vở kịch vui ra đời lấy tên là *Bước đầu*. Hiện thời, ông là một cây bút thường xuyên của tạp-chí Chỉ-đạo, và trước đây đã từng viết bài và đăng thơ trên các báo : *Tao-đàn*, *Tiểu-thuyết thứ bảy*, *Trung-bắc chủ-nhật*, *Bạn dân*, *Bạn đường*, *Nước Nam* (xuất-bản ở Hà-nội), *Lẽ Sống*, *Tân-dân* (xuất-bản ở Saïgon).

Toan-Ánh làm thơ ít hơn văn, nhưng thơ của ông lại rất giầu tình-cảm và bao giờ cũng nhẹ-nhàng, đầy nhạc-điệu với những tình-cảm êm-dịu và thắm-thiết.

THI TUYỂN

CẢM ĐỀ NGÀY GIỖ TỔ HÙNG-VƯƠNG

Ai về Phú-thọ, phủ Lâm-thao,
Gửi nén tâm-hương thỏa ước-ao.
Rừng núi Hy-cương còn vững đó ;
Cháu con Hồng, Lạc dám quên sao.
Dân hăm lăm triệu dân như một,
Nước bốn ngàn năm nước khác nào.
Rạng vẻ năm châu nòi giống Việt,
Công ơn đức Tổ sánh trời cao.

KHAI BÚT

(Năm Mậu-tuất)

Mậu-tuất xuân này tuổi bốn tư,
Trẻ không còn trẻ, sức còn dư.
Con sinh năm một đông nhà cửa ;
Văn viết câu dầm chật án thư.
Tiếng pháo Giang-châu ầm lối xóm ;
Câu thơ Lý Đỗ rộn sân từ.
Còn xuân, xuân tới còn khai bút,
Tuổi mới như mình há chịu ư ?...



MƯỜI CON

Bác hỏi thăm tôi được mấy con ?
Xin thưa : hiếm lắm chục vừa tròn !
Sáu trai nghịch-ngợm không kiêng vọt ;
Bốn gái ngây-thơ rất sợ đòn.
Nũng-nịu nơi này vừa khóc mếu ;
Nhởn-nhơ chỗ khác đã cười ròn.
Nhờ trời lũ ấy mai sau khá,
Ngang dọc lừng danh rạng nước non.

BIẾT EM NĂM ẤY

Biết em năm ấy tuổi mười lăm,
Mơn-mởn trăng tơ giữa buổi rằm,
Cô nữ học-sinh trường tỉnh lỵ
Nhiều chàng trai trẻ vẫn yêu thầm.

Những chàng trai trẻ kể thêm anh,
Mỗi bận anh qua ẩn dưới mành,
Em đứng như hoa trong giàn mộng,
Nhẹ-nhàng tà áo động rung-rinh.

Những buổi chiều hôm lúc gió lên,
Lòng anh xao-xuyến bóng nàng tiên,
Ước mong sẽ sống bên người đẹp,
Mộng cảnh thiên-thai rất dịu-hiền.

Biết em cách đó chẳng bao lâu,
Anh đến xin me bỏ miếng trầu.
Me có bảo rằng : Em nhỏ quá
Nhưng thôi đôi trẻ đã thương nhau.

Nghỉ học vắng em cô giáo mong,
Kém vui lớp học lạnh như đồng,
Hỏi thăm lũ bạn tranh nhau đáp :
Chị ấy, thưa cô sắp lấy chồng.

(Vĩnh-Yên, 1939)

HAI MƯƠI NĂM SAU

Hôm nay giở lại tập thơ hoa,
Hai chục năm trường thật chóng qua.
Kỷ-niệm vẫn còn nguyên tựa mới,
Ái-ân nồng-đượm tuổi chưa già.

Bóng dáng ngày xưa dẫu đổi thay,
Đôi khi tiếc lại tuổi thơ-ngây,
Đôi khi nhớ lại thời trăng mật,
Những đắm say và vẫn đắm say !

Giờ đây quấn-quít lũ con thơ,
Châu ngọc tình-duyên thuở ước mơ,
Ríu-rít nói cười, đùa nhí-nhảnh
Cung đàn hạnh-phúc rộn đường tơ.

Biến đổi tang-thương mấy cuộc rồi,
Thăng-trầm bao lúc, trải bao nơi ;
Qua cơn sóng gió trời quang đẹp,
Hết bước phong-trần đến độ vui,

Anh, tóc hoa-râm điểm mái đầu,
Em, thời nhan-sắc thuở xưa đâu ?
Uyên-ương tổ ấm, thêm trời mọc,
Sung-sướng ta cùng ngắm lại nhau.

(Sài-gòn, 17-4-58)

GIẤC MƠ HOA

Đêm qua mơ gặp một nàng tiên,
Tóc mây, áo tím, mắt nhung huyền,
Miệng cười, môi thắm, hoa hàm tiếu,
Lời nói êm êm rất dịu hiền.

Vườn tiên muôn sắc cánh hoa tươi,
Nhộn-nhịp tưng-bừng hớn-hở vui.
Tiên-nữ ngập-ngừng e-lệ thẹn,
Má hồng hồng ửng, mắt trong ngời.

Gió thơm hương ngát cánh hoa bay,
Lũ bướm chập-chờn rỡn bóng cây,
Cảnh lạ người trần càng thấy lạ,
Ngắm nàng tiên-nữ đắm như ngây.

Thấp-thoáng bên hoa mái tóc vương,
Thướt-tha tà áo đượm màu sương,
Nàng tiên ngơ-ngác đang tìm bạn
Gặp khách trần-gian khéo ngỡ-ngàng.

Vườn tiên không-khí nhẹ như tơ ;
Chim hót, bướm đùa khúc nhạc thơ.
Người tục mải nhìn tiên-nữ bước,
Ước mong... Hồi-hộp đắm hồn mơ.

1958

TÌNH EM

Em buồn, em chán, em lo,
Bạn em nào biết bao giờ lại yêu ?
Mình em thui-thủi buồng điều,
Vắng ai em thấy bao nhiêu là sầu.
Em ngồi đan áo canh thâu,
Chỉ tơi-bời đứt vì đâu hỡi trời !
Âm-thầm em đợi ngày mai,
Hôm nay em tủi vắng người tình quân.
Hạt mưa róc-rách qua sân,
Chao ôi ! Nước chảy mấy lần trời mưa.
Em buồn tưởng lúc ngày xưa,
Bên ai em sống những giờ yêu-đương !
Giờ đây đêm vắng canh trường,
Sao thưa, trăng nhạt, màn sương gợi sầu.
Gió khuya hiu-hắt cợt nhau,
Phòng riêng quạnh-quẽ đượm màu đắng cay.
Giờ đây trong phút giây này,
Nhớ ai ngực nghẹn-ngào đầy trái tim.
Chờ ai hết ngóng lại tìm,
Đã ân-hận bóng lại duyên bẽ-bàng.
Bao nhiêu sông nước đò giang,
Bao nhiêu cô-quạnh nhỡ-nhàng bấy nay !

Chờ ai em đợi tháng ngày,
Vắng ai em gọi đám mây nhắn nhời.
Nhắn rằng : « Hỡi đám mây ơi !
Phải chăng vì tháng ngày trôi dần dần
Mà ta nay quá tuổi xuân,
Bạn ta nhạt-nhẽo tình thân từ giờ ;
Chàng đi chốn khác nhởn-nhơ,
Cùng ta chàng đã thờ-ơ lạnh-lùng ;
Chàng yêu nhiều gái má hồng,
Ngây-thơ kiều-diễm đầy lòng say-sưa ».
Tình em đáng ngán hay chưa ?
Ngày vui thủa trước bây giờ là đâu ?
Em còn đeo-đẳng mối sầu,
Thành tan núi lở nghìn thâu vẫn còn.

(Thi-Cầu, 1935)





THAM-THỆ-HÀ

THẨM-THỆ-HÀ

LÀ một nhà thơ có những cảm-xúc dồi-dào và kỹ-thuật điêu-luyện, thi-sĩ Thẩm-thệ-Hà chính tên là Tạ-thành-Kỉnh, sinh ngày 9 tháng 3 năm 1923, tại quận Trảng-bàng, tỉnh Tây-ninh (Nam-việt).

Thẩm-thệ-Hà bước chân vào làng văn từ năm 1939 với bút-hiệu Thành-Kỉnh ký dưới những bài thơ đăng trong *Phổ-thông bán-nguyệt-san* ở phần văn-học do Trúc-Khê chủ-trương (xuất-bản ở Hà-nội) như các bài : *Bến đò chiều*, *Lá rụng*, *Trinh-Đán*, v. v... Nhưng chỉ là nhà thơ tài-tử. Và cho đến năm 1947, mới chính thức bước chân vào làng thơ, làng văn, làng báo với bút hiệu Thẩm-thệ-Hà.

Thẩm-thệ-Hà bắt đầu viết thường-trực về thơ và các bài khảo-luận văn-hóa cho tờ bán-nguyệt-san *Việt bút*. Sau đó, Thi-sĩ chủ-trương nhà xuất-bản *Tân Việt-Nam*, rồi các tờ : *Việt-nam giáo-khoa*, *Phụng-sự*, nhà xuất-bản *Lá dâu*. Ngoài ra Thi-sĩ còn cộng-tác với nhà xuất-bản *Sống mới*, biên-tập cho các tạp-chí *Nhân-loại* và *Phổ-thông*.

Về thơ, Thẩm-thệ-Hà có 2 tác-phẩm là *Thâm-thúy* viết hồi tiền chiến, và *Mộng-Đào* mới đây, nhưng chưa cho xuất-bản, trong đó có những bài mà chúng tôi sẽ trích ở trong phần Thi-tuyển dưới đây.

Nói đến Thẩm-thệ-Hà, chúng ta tưởng cũng cần biết thêm về anh, chẳng những là một nhà thơ mà hiện

còn là một giáo-sư văn-chương của các trường trung-học: Tân-thanh, Chi-lăng, Nguyễn-văn-Khuê, v. v... một nhà khảo-luận, một nhà tiểu-thuyết sáng tác theo khuynh-hướng tranh-đấu. Về phạm-vi này, chính Thẩm-thệ-Hà là tác-giả của các tập truyện dài đã ấn-hành: *Người yêu nước*, *Vó ngựa cầu thu*, *Gió biên thùy*, *Đời tươi thắm*, *Hoa-trinh-nữ*, *Con đường cứu nước*; của tập giáo-khoa *Chánh-tả văn-phạm*, và tập khảo-luận *Việt-nam trên đường cách-mạng tân văn-hóa*.

Chưa hết, Thẩm-thệ-Hà còn có những tác-phẩm giá trị như *Lưu-động*, *Trên đường sáng*, *Tiếng thùy-dương* (truyện dài), *Lý-thuyết văn-nghệ* (khảo-luận) mà một ngày gần đây sẽ cho ra mắt các bạn đọc...

THI TUYỂN

TRỊNH - ĐÁN

Gió cừu thổi lạc ngàn mây,
Ôi! vàng-võ lắm cho gầy nét thu.
Đời buồn như kẻ chinh-phu:
Lên yên! vó ngựa cầu thu nhịp đều...

Quan-san mấy dặm phù-kiều,
Đem tơ đất Việt se liều đất Ngô.
« Thuyền ai đậu bến Cô-tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-san ».

Trữ-la nhớ giải mây vàng,
Đem thân này đổi muôn vàn mộng kia.
Đêm nằm nghe gió vương tơ;
Đêm nằm nghe gió làm thơ má hồng.

Canh tàn lắng giọt sầu đông,
Xe dê chừng với lá đồng đã sang.
Thẹn mình nép bóng long-nhan,
Trông vời đất Việt hai hàng lệ sa.

1946



PHẠM-THÁI

Nay gươm vẫn loáng ánh trăng trong,
Ngời sắc phương-phi đẹp vẻ rồng.
Mà khắp trời kia vờn lửa hận,
Thù nào không lấp huyệt tiêu vong?

Bách nạp ẩn sau mùa đảm lạc,
Thiền-môn tạm gởi tấm đài-đan,
Ngửa mong ba thước đền dư huệ,
Nhìn bóng tơ bay ngọn Thái-Hàng.

Ngày mai, thôi nhé, anh Quang-Ngọc,
Dẫm nát thành đô tựa chiến-trường.
Những mảnh hồn tan trong gió liệm,
Về đây ủ lấy mộng cần-vương.

Ngày mai, này một giải Tiêu-sơn,
Kiếm thép cười trong ngọn lửa hờn.
Ba vạn hùng binh, ồ Đế-khuyết :
Đầu rơi theo gió lộng từng cơn.

Ôi ! mấy trời thu, mấy mùa thu,
Trời mây không lấp mối quân thù.
Ngàn phương binh lửa tàn binh lửa,
Nhưng vẫn đầy vơi chí trượng-phu.

Ngày mai, mưa gió lộng biên-cương,
Binh lửa tàn rồi, hỡ Nhị-Nương ?
Chén rượu hoàng-hoa ai nữa chuốc ?
Ngựa hồng ai nữa lại lên đường ?

Nghĩa cả duyên hờ thẹn chí trai !
Lửa tàn chuyết muội ý du nhai.
Xót thân cống my mùi vương-giả,
Lại xót đời trên những chuyến hài.

Ai đem thành bại luận anh hùng ?
Binh lửa tàn rồi nghiệp kiếm cung.
Đời có bao nhiêu trang tuấn-sĩ,
Mà không trả được mối thù chung.

Những lúc hao mòn bao khí-tiết,
Mơ-màng bỗng thấy bạn Quỳnh-Như
Trở về an-ủi, đem tin-tưởng,
Lời hãy còn vương trước án thư.

(Thu 1946)



ĐÂY MÙA XUÂN LẠNH

Đây mùa xuân lạnh gió mưa phai,
Chiều biếc sầu lên vọng hải-đài.
Đời tựa tiếng chim trong nắng sớm,
Tình vương bóng ngựa ruổi song ngoài.
Nhạc đêm dễ khiến mờ hư-ảo,
Giấc đẹp còn mơ dạng Liễu-Trai.
Một buổi ngỡ đâu kề má phấn,
Rèm châu thoảng động gót vân-hài.

(Thâm-Thúy)



RỜI MỖI CHIỀU XUÂN

Bấy lâu những ngỡ chết yêu-đương
Sau những chiều phong kín đoạn-trường,
Yên-tĩnh sống trong đài-các ấy,
Vô-tình đến cả bướm, hoa, hương.

Bỗng một chiều kia gặp-gỡ ai,
Đường mi yểu-điệu, tóc trâm cài,
Chiều xuân nâng tiếng tơ trong gió,
Khiến dậy lòng thơ mộng trẻ trai.

Từ đấy đường hương nở nhụy đào
Như thuyền lạc giữa suối Ly-Tao,
Thấy màu trinh ửng trên mi mắt,
Mà tấm tình xuân bỗng dạt-dào.

Từ đấy tơ vương giữa tấm lòng.
Kết thành một mảnh Đợi-Chờ-Mong.
Làm sao em hiểu lòng anh được,
Mà bắc cầu yêu để nối dòng ?

Rồi một tàn xuân thức trắng đêm,
« Dâng đàn » bài ấy viết cho em.
Xem thơ, em bảo em không hiểu,
Thôi thế là tan hết nỗi-niềm.

Em có bao giờ hiểu đặng đâu
Lời thơ che kín ý thâm-sâu ?
« Ngày mai anh bỏ làm thi-sĩ »,
Nhưng sẽ yêu em đến bạc đầu.

Rồi mỗi chiều xuân lắng tiếng đàn,
Gởi lòng trong gió dệt du-dương,
Ngàn phương mây trắng trôi mờ-mịt,
Thi-sĩ riêng mình ngậm nhớ thương...

(Thâm-thúy)

TỐNG - BIỆT - HÀNH

Viết mấy vần thơ Tống-biệt-hành,
Nghe chừng xáo-trộn giấc tàn canh.
Hỡi ôi! thiên-lý ngùi kim-mã,
Vân-các tan rồi nhạc yến anh.
Đồng-ải sớm vương niềm cửu-biệt,
Phù-hoa khép chặt cửa kinh-thành.
Mai này nhắm lại dòng thơ cũ,
E đã hương vàng rụng giếng xanh.



XUÂN THANH - SẮC

Về đây trong xuân ý, Tần-Phi!
Thanh-sắc rờn trong sắc dậy-thì.
Rộn-rã nghe như triều sóng nhạc,
Dành xuân trang-điểm cái dung-nghi.

Thánh-thót tơ mềm ửng nhạc thương,
Tần-Phi! gió lệ nép môi hường.
Về đây bỡ-ngỡ trong xanh lá,
Trên cánh thơm và giữa vạn hương.

Đẹp quá, nàng tiên của cõi đời,
Mộng hồng đem rải khắp nơi nơi.
Kẻ trần ngơ-ngác khi trông thấy
Uyển-chuyển mình mai, yểu-điệu lời.

(Mộng-Đào)



ANH-HUY

ANH - HUY

THI-SĨ Anh-Huy tên thật là Cấn Huy-Tăng sinh ngày 17 tháng 3 năm 1922 tại làng Phụng-thượng, huyện Phúc-thọ, tỉnh Sơn-tây (Bắc-việt).

Thi-sĩ theo học đến năm thứ ba trường Trung-học Gia-long (Hà-nội). Năm 1939, Thi-sĩ vào Nam và trôi nổi qua khắp các tỉnh miền hậu-giang.

Thi-sĩ chính-thức bước vào làng thơ năm 1942. Đến nay đã lần lượt cộng-tác với các báo : Dư-luận, Điện-tín, Việt-bút, Lẽ-sống, Công-đồng, Đại-chúng, Dân-ý, Ánh-sáng, Tiếng-chuông, Công-lý, Bình-minh, v. v...

Về phạm-vi thơ, thi-sĩ Anh-Huy đã xuất-bản tập *Tràng-giang* (năm 1944) và hiện có những tập chưa xuất bản : *Cổ-độ*, *Lẳng-lặng*, *Máu*, *Lửa loạn*.

Ngoài ra, Anh-Huy còn là tác-giả của những tập truyện dài : *Tâm-sự một mớ tóc* (Quốc-hoa xuất-bản năm 1952), *Cô Sen* (Nam-cường xuất-bản năm 1952), *Cô Lan* (Quốc-hoa xuất-bản năm 1953).

Nhà thơ này hiện nay vẫn sống bằng ngòi bút...

THI TUYỂN

THU SAY

Rượu say uống mãi càng say,
Trời mưa nắng mãi không ngày râm ư ?
Bao năm lòng vướng hải-hồ,
Rượu đời cạn mãi mà chưa thấy tàn.

Ôi giang-san ! Hỡi giang-san !
Trời mưa để nắng, nắng tràn để mưa.
Bao nhiêu tắm nắng, gội mưa,
Tóc tơ rụng mãi là thưa đầu dần.
Sao trời Thu cả mùa Xuân,
Trăm hoa có nở một lần lòng tôi ?
Mặt khô, cằn-cỗi da mồi,
Hai mươi tuổi lẻ, héo đời thơ sanh.
Lòng đau âu sự đã đành,
Duyên tơ đứt nối không thành tình tang.
Ngân thơ, rung một điệu đàn
Sầu, sầu, sầu dứt, tiếp tràn sầu thêm.
Quên là khi rượu say mềm,
Trà nghiêng chén, chén, chén rền... cũng quên.

Rượu đây, say tiếp ! tiếp liền !
Tiếp quên cả vạn não-phiền ngày mưa.
Uống đi ai rượu hải-hồ !
Trời còn mưa nắng, say bừa còn say.
Rượu nồng nhắp lưỡi tê cay,
Trò đời biết lại còn cay hơn nhiều.
Ôi ! nhân-gian quá tiêu-điều,
Vu-vơ như thể cánh diều ta bay.
Mây tan mây, ngày tàn ngày,
Đầy sân rợp lá rụng bay, Thu rồi.
Thu rồi Thu, Thu lại Thu,
Rượu say, say rượu, lu-bù lại say.

Bao thu đã nặng sầu đầy,
Bao thu gầy, cái thân gầy gầy thêm.
Ai đem cạm bẫy lừa chim ?
Rượu đời uống mãi là quên hải-hồ.
Mưa, còn mưa, tạnh rồi mưa,
Mưa rồi lại nắng, trời chưa lần nào
Râm mà tạnh, cho anh hào
Rượu quên say, ruột thôi cào... Giang-sơn !

Vị đời nếm cả cô-đơn,
Đường tơ nảy một, phiếm đờn lìa đôi.
Quê-hương ư ? — Cả tám trời.
Gia-đình ư ? — Cả những người đó đây.
Bạn cùng hương rượu, thơ mây,
Thơ vang vang vút, rượu say say nhừ.
Rượu say, say mãi mãi ư ?
Thì say ! thì rượu ! không chừa là say.
Còn lăn-lóc, còn tê-cay,
Còn mê-man trộn lẫn ngày vào đêm.
Chưa tan hết nỗi ưu-phiền,
Là còn say để mà quên sự đời.
Vơi ! — Ừ vơi ! — Vơi ! — Ừ vơi !
Rót thêm ? — Ừ rót ! — Say rồi ? — Ừ say !
Hỏi là đêm hay là ngày ?
Hỏi mưa hay nắng, còn say hay gì ?

Từ ngày lạc bước ra đi,
Cái bay bay mất, cái về về chưa !
Môi ướt rượu, mắt nhòa mơ,
Cả đời muốn những say-sưa cả đời.
Muốn nay mai, lại nay mai
Cứ mau hết để đến ngày chờ mong...
« Yêu anh, em cứ khóa phòng,
« Nợ đời mưa, nắng, say... xong, anh về.
« Hoa trôi còn vướng bè kia,
« Huống anh, một kẻ ra đi, chẳng thời !
« Cứ còn nước cá còn bơi,
« Còn luồng gió hướng, chim trời còn bay.
« Sự đời say vẫn cứ say ».

(Lẳng lặng — 1942)



CHƠI THUYỀN ĐÊM

Gợn-gợn triều lên lấp-loáng mây,
Thuyền nan nho-nhỏ mấy khoang gầy.
Mảnh chèo gảy mãi trên đàn sóng
Một nhịp, trời ơi ! tôi ngất-ngây.
Có phải đây là sông Xích-Bích
Cho người không rượu cũng say say ?
Đây nàng Tô-Tiểu ngâm thơ gió,
Mặt ngà nga-ngả, má hây-hây.

Em là lệ-liễu bên sông vậy,
Tôi hở môi cười đáp chút duyên.
Có lý nào đâu em cả giận
Kẻ đã cùng em một chiếc thuyền.
Tôi muốn ngày mai trời chẳng sáng,
Cho tôi dệt nốt giấc mơ tiên;
Tôi muốn đêm nay trời tối nữa,
Cho ta lạc mãi chốn u-huyền.

Vâng, phải, người thơ ai lại thế,
Trên dòng sông nước, bước sơ-giao.
Sao mà tôi thấy hay hay lạ!
Có lẽ đêm nay là đêm nào?
Vâng, để tôi ngâm bài « Dạ Túy »
Xem lòng em có thấy lao-đao.
Em đừng e-ấp chiều lơi-lả,
Cho cả hồng lên cặp má đào.

Vâng, phải, người thơ ai lại thế,
Trên dòng sông nước, bước sơ-giao.

(Tràng-giang — 1944)

HOÀI THU

Một chút vàng gieo dưới nắng tơ,
Vài đôi chim ủ lạnh ven hồ,
Cánh huyền khép lại từng song kín,
Là ở lòng tôi dậy dáng thu.

Gió vội-vàng sang vườn trước cửa,
Ít chùm hoa rữa rụng tơi-tơi.
Bướm giang-hồ dạt bơi trên gió,
Sợ trận mưa Ngâu sắp tái-hồi.

Tôi lạnh-lùng thương kẻ viễn san,
Bơ-vơ mây nước, gió trăng ngàn,
Hương xa lẩn-vẩn lòng lưu-luyến,
Khóc mãi tơ tình sớm dở-dang.

Trắc-trở cho ai, mấy nhịp cầu
Vô tình cản lại cánh buồm nâu ;
Đường mây chưa tới hồi hưng-thái,
Rượu uống tràn say, đợi bạc đầu.

Cũng ví mình như Phạm-Thái ư ?
Canh tàn, bấc lụn, khóc Quỳnh-Như ?
Lẽ đâu ngang dọc thân ngàn ngả,
Dừng lại bên sông, giốc rượu trừ.

Tôi biết rằng tôi chẳng giống ai,
Dọc đường gió bụi, mặc chông gai,
Biên-thùy, quán lạnh, nghe thông hét,
Phảng-phất hồn thơ, bút cảm-hoài.

Thu nay nhẹ đến trong hiu-hắt,
Khắc-khoải xa vời quốc vẫn kêu.
Có ai ảo-não trong im-lặng,
Nhớ kẻ chinh-phu lạc-lõng chiều ?

(Tràng-giang — 1944)



XA KHƠI

Chiều đông qua sông, lòng không cũng.
Sương rơi đầy trời cao mông-lung.
Nhớ ai xa vời nơi cô-thôn,
Nhớ ai cho lòng càng cô-đơn.

Sông xa bờ ai reo tơ đàn,
Hồn ta dâng tràn qua mênh-mang ;
Hồn ta, chim trời bay trên ngàn,
Gió ơi ! cùng ta say giang-san.

Say, gió ơi ! khúc nhạc.
Say, gió ơi ! điệu đàn.
Trời cao lồng sương bạc,
Cất cánh cùng hiên-ngang.

Ta ca bài « Chánh-khí »,
Ta hát khúc « Cao-kỳ ».
Cánh và cánh sát,
Đi, cùng bay đi !

A ha ! Trời vô cùng, đất vô cùng,
Gió và hồn ta cùng vui chung.
A ha ! Bốn bể là huynh-đệ,
Có ai thành bại luận anh-hùng ?

Nhìn một dải non xa,
Quay một vòng chân trời,
Hít một hơi gió núi,
Hứng một giọt sương rơi,
Thương ai ngoài cát bụi,
Nhớ ai nơi xa vời.

Sương trăng-trắng, trời bàng-bạc,
Mù-mù nước chảy bao giờ thôi.
Lòng ta chứa một tràng-giang nước,
Thuyền về đâu đó chốn xa khơi ?

(Lửa loạn — 1952)



LẮNG TIẾNG MƯA THU

Mưa !
Những giọt nhỏ đều-đều.
Mưa !
Một màn trời trăng-trắng.
Mưa !
Ngõ sụt-sùi vắng-lặng.
Mưa !
Cây cối nở xanh rêu.

Mưa, mưa !
Mưa những giọt đều-đều,
Mái nhà kêu lắc-rắc,
Nhịp theo lời âm-nhạc
Buồn buồn réo-rắt kêu.

Mưa, mưa !
Ôi ! mưa hoài mưa hủy,
Mưa sao không thèm nguôi,
Rét cả lòng thế-kỷ
Và rét cả lòng ai.

Mưa, mưa !
Những người co chiếu đắp,
Đêm tàn không chợp mắt,
Lòng vằng-vặc mưa mưa.

Mưa, mưa !
Có những lòng se tơ,
Có những lòng dệt lụa,
Có những lòng may thơ.

Đêm thu mưa gió là như thế,
Mà bước sao anh vẫn bước đều ?
Quả-quyết anh đi tìm nghĩa sống,
Để về xây-đắp lại tình yêu ?

Bước chân nhịp-nhịp trên đường vắng,
Nhịp-nhịp trên đường những bước chân ;
A ha ! những kẻ cười mưa gió,
Nóng ở trong lòng, nóng ở thân !

Và ta, nóng ở trong đôi mắt,
Lửa hồn rực cháy mưa không tắt,
Nhìn thấy xa-xa ánh mặt trời
Ngày mai sáng tỏ cuộc đời tươi.

Và em, còn nữa trong rèm trúc,
Đan áo len, riêng để tặng người...

Rồi ngày một, ngày hai,
Nắng lạt vàng phai thắm,
Gió rộn lòng xanh,
Nghiêng-nghiêng sầu ngả trắng,
U-uất bụi kinh-thành,
Nẻo xa heo-hút, ngùi thương bạn,
Bốn phía cao mây, gót lộng hành,

A ha ! những kẻ cười nhân-sự,
Vũ bão coi như truyện đã đành.

Rời chốn nghiêm-linh :
Biển cả,
Sông sâu,
Núi cao,
Rừng thẳm,
Đèo cheo-leo,
Đường cong-queo, cây đá gập-ghềnh ;
A ! sóng gió đảo-điên,
Oai-hùng quyết-liệt,
Bền gan, vững chí tung-hoành.

Ta là kẻ đã cười vang trong chiến-trận,
Đã hát vang qua những bãi sa-trường,
Đã reo vang cùng bốn cõi biên-cương.
Ta là kẻ đã say vùi trong khói-lửa,
Đã say vùi nghiêng-ngửa,
Đã say vùi trong nghĩa sống hiên-ngang.

Ôi ! nghĩa sống, nghĩa sống !
Bao nhiêu là nghĩa sống :
Tim cháy lên như lửa hồng,
Mắt hoa lên như phải bỏng,

Và máu sôi lên,
Ngực lồng lên,
Thân-thể căng lên từng thớ thịt,
Với bao nhiêu ý-nghĩ oai-hùng.

Hôm nay đây nằm lắng liếng mưa thu,
Là một kẻ thương-binh trong tử-địa,
Là một kẻ giam mình trong thất-thế ;
Lửa căm-hờn nung đốt chí âm-u.

(Lửa loạn — 1952)



NHỮNG PHIẾN LINH-HỒN

Tràng-giang hỡi ! tại sao mà chảy mãi ?
Để lòng ta cuồn-cuộn mãi không thôi.
Đất phù-sa, cây lá ngụt-ngùi trôi,
Như lòng thế-kỷ, vị-lai và quá-khứ.
Trái đất quay cuồng
Giữa vô-vàn vũ-trụ.
Những mầm non xanh nở
Giữa dòng đời.
Tất cả những mưa ngàn, gió núi
Chảy về xa khơi,
Giữa không-gian mịt-mù.

Ta lắng hồn nghe
Không gian vạn thuở ;
Tiếng đời nức-nở
Vang trong hồn đê-mê.
Đêm nay, ta thấy anh-linh hiển-hiện về.
Ta cũng muốn gầm trăng và hét gió,
Cho đời reo theo tiếng gọi anh-hào.
Ta vẫn thấy chiến-bào của tiền-nhân đẫm máu
Và muôn gươm cùng tua-tủa như đêm sao.

Dư-vị của ngàn năm
Uy-linh vạn thuở.
Những vì sao
Là mắt đêm hé mở.
Và đáy lòng ta
Chứa-chất bao mong nhớ.
Linh-hồn ta mở cửa
Đón chào ánh bình-minh.
Những hy-vọng tốt lành
Không bao giờ có thực ;
Như những cánh chim xanh
Hẹn hò, không bao giờ trở lại
Trên những cành lá xanh.

Em mở đôi con mắt
Nhìn ta rồi khép chặt ;
Ta nghĩ rằng về ta
Một vì sao mới tắt.

Em khép đôi con mắt,
Không bao giờ nhìn ta ;
Ta nghĩ rằng khép chặt
Luôn cả những sơn-hà.

Trái đất tròn !
Trái đất quay,
Ta là một mũi tên
Bắn xuyên vào trái đất ;
Đất nứt chảy ra muôn tháng ngày,
Hấp-hối rồi ngừng im
Như một trái tim tan-vỡ ;
Những mảnh vụn tung ra đầy vũ-trụ.
Muôn vì sao đều vấy-ố
Như mảnh áo thương-binh.

Mặt trời nếu lấy môi
Hôn lên mình trái đất,
Chao ôi !
Nóng của cái hôn trời
Sẽ làm khô cháy tất.
Tôi sợ nhất,
Nếu mà em hôn tôi ;
Vì nếu em hôn tôi,
Thì cũng như mặt trời
Hôn lên mình trái đất.

(Lửa loạn — 1952)



LÊ-VĂN-TẤT

LÊ-VĂN-TẤT

LÀ một nhà thơ hiện sống âm-thầm trong cuộc đời của một phế-nhân, thi-sĩ Lê-văn-Tất sinh năm 1917, tại làng Long-sơn, quận Tân-châu, tỉnh Châu-đốc (Nam-việt).

Mồ-côi cha từ thuở lên ba tuổi, nhưng nhờ sự nuôi-nấng của thân-mẫu, thi-sĩ Lê-văn-Tất được trở thành một giáo-viên tại trường Tân-châu từ năm 23 tuổi.

Năm 1940, thi-sĩ bị chánh-quyền Pháp bắt giam một độ vì tình-nghi hoạt-động chánh-trị. Sau những năm ly-loạn 1945 — 1946, Thi-sĩ lên ở Sài-gòn giúp việc tòa Đô-Chánh.

Nhưng đến năm 1955, thi-sĩ Lê-văn-Tất bị tai-nạn xe hơi gẫy xương sống, hai phần thân bị tê-liệt, cho đến ngày nay bệnh-tình cũng vẫn chưa thuyên giảm, Thi-sĩ chỉ còn cử-động được cái đầu và hai tay.

Về phạm-vi thơ, Thi-sĩ đã sáng-tác từ năm 20 tuổi. Lời thơ nhẹ-nhàng chân thật, chuyên về tình-cảm và đạo-đức. Trong những ngày còn mạnh khỏe, Thi-sĩ đến đâu cũng hay giao-thiệp với các bậc kỳ-lão, túc nho để cùng đàm-luận và xướng-họa văn thơ. Các ông phủ Phạm-

kỳ-Xương, Phan-trường-Thọ tuy tuổi ngoài 70 nhưng vẫn xem Thi-sĩ là bạn vong niên và rất tương đắc trong những cuộc đàm-luận.

Thơ của thi-sĩ Lê-văn-Tất hiện có 2 tập mới xuất-bản đầu năm nay là tập thơ *Tiếng lòng* và tập kịch thơ *Bến Ngân-hà*. Ngoài ra, Thi-sĩ còn là tác-giả của những tập : *Dừng chơn* (hồi-ký, sách trẻ em). *Sự tích miễu bà núi Sam* (khảo cổ). *Niêm luật Đường thi*. Hiện nay tuy bị tật nặng như trên kia đã nói nhưng thi-sĩ Lê-văn-Tất vẫn thản nhiên, vui-vẻ và cố-gắng làm việc cho văn-nghệ, thật đáng nêu gương vậy.

THI TUYỂN

HỒI TƯỞNG

Mỗi lúc đi ngang tượng Thích-Ca,
Hồi tâm ôn lại chuỗi ngày qua ;
Điều lành nguyện gắng công đeo đuổi ;
Việc ác nên tìm chước lánh xa.
Niệm chữ từ-bi, tâm quảng-đại,
Ghi câu khắc kỷ, tánh ôn-hòa.
Đâu đây có « tiếng vô thinh » gọi,
Chậm bước e cho bóng xế tà !...

TỰ THUẬT

Dừng gót phong-trần một ít lâu,
Tầm trong lóng đục nghiệm cơ mầu.
Oan gia ví buộc trong tâm khảm,
Quả báo còn treo trước đỉnh đầu.
Nhẹ bước mừng cho người tỉnh mộng,
Ngược giòng thương bấy khách rơi châu.
Lý đời lý đạo nên hòa hiệp,
Suy ngẫm an tường lẽ cạn sâu.

Quả báo trời ban thật chí công,
Dù bao gian khổ dám sờn lòng.
Vì chưng kiếp trước gây oan trái,
Nên bước đường nay phải chập-chồng.
Sớm trả nợ đời cho nhẹ nợ ;
Gắng đền công-quả để bòn công.
Bắn sai nào tại cung tên hỏng,
Chỉ trách riêng mình nhắm chẳng thông.



LƯNG MẸ

Tháng ngày chồng chất trên vai,
Khiến lưng của mẹ hôm nay đã còm ;
Chiều chiều chống gậy lom-khom,
Dừng chơn, mẹ đứng bên chòm mía lau.

Nhìn già, lòng trẻ thêm đau,
Ngày nay còn đó, năm sau... mất rồi.



MẸ HỠI CHỜ CON

Con biết rằng con bất hiếu nhiều,
Ra đi, con để mẹ buồn hiu.
Mẹ ơi, xin biết giùm cho với,
Những buổi trưa và... những buổi chiều.

Trưa chiều tựa cửa ngóng phương xa,
Lòng vẫn nao nao nhớ mẹ già.
Trán mẹ nhăn nhiều, đôi má cóp,
Mái đầu bạc trắng tuyết sương pha.

Đêm nay nước mắt tràn trên gối,
Thổn-thức lòng con đã nát tan.
Có lẽ đêm nay mẹ cũng thế,
Thương con mẹ nghĩ-ngợi trăm đàng.

Cảnh-ngộ đưa con đến cuối trời,
Trăm cay nghìn đắng buộc lòng thôi!
Quê nhà tựa cửa mẹ mong nhớ,
Nhớ mẹ lòng con cũng rã-rời...

TU

Chẳng phải tu là ở miễu am,
Ở non, ở núi, ở rừng thâm;
Ở chùa, ở hội hay tư-thất,
Nên hiểu tu là rửa sạch tâm.

Vâng! — tu cốt yếu sửa tâm trần,
Noi dấu tiền-nhân gắng bước lần;
Vấp ngã, ngã rồi, kiên-nhẫn tiến,
Sớm chầy cũng quyết đến bên chân.

Không làm điều quấy gắng làm lành,
Lừa lọc tâm lòng được sạch thanh;
Thương hết muôn loài cùng vạn-vật,
Đấy: « lời chánh lý » đã ghi rành.

Bất cứ dù anh giáo-phái nào,
Cũng trau tâm-tánh giống như nhau;
Tùy theo kết-quả nhiều hay ít,
Đấy: « Giá người tu » thấp với cao.

✤

LÁ VÀNG RƠI

Hai mái đầu xanh trộn lẫn nhau,
Cho tình thêm nặng, nghĩa thêm sâu.

Tôi đắp trong tim một nấm mồ,
Khi buồn tôi tưới mấy vần thơ;
Chiều chiều tôi đứng bên hiên vắng,
Ngắm giải Tương-giang nước đục lờ.

Tôi biết tình tôi đã lỡ rồi!
Như giòng sông lạnh chẩy làm đôi.
Như con nhạn lẻ trong đêm vắng,
Buông giọng đau thương suốt một đời!

Hồn mộng năm canh luyến điệu đờn,
Tơ sầu vương-vấn rối từng cơn!
Thôi thôi chớ nhắc làm chi nữa,
Mộng dở-dang rồi! đâu cố-nhân?

Mỗi một chiều thu, mỗi một chiều,
Lòng tôi ảo-não giữa cô-liêu.
Lòng tôi hiu-quạnh cô-đơn quá,
Bao lá vàng rơi... hận bấy nhiêu!

✦

ĐÊM NAY

Đêm nay... gió lạnh mưa buồn,
Gió lay khóm trúc, mưa tuôn lệ sầu!
Trùng-phùng mộng trước còn đâu?
Đau thương lưu lại mái đầu điểm sương!

Cầm tay, xưa hẹn một đường,
Mà nay xa cách đôi phương lỡ-làng.
Trời già thử thách lá gan,
Người trần đem lửa nung vàng mà chơi.

Khi vui, vui tận chân trời,
Khi buồn, buồn đã hết lời thở-than!
Đời tôi là giấc mộng tàn,
Tình tôi là chiếc lá vàng chơi-vơi!

Ô hay! mưa gió đầy trời,
Gió lay, lá rụng, mưa bồi, lệ tuôn.
Đêm nay gió lạnh mưa buồn.



ĐỜI TÔI

Nét nhăn trên trán đến rồi,
Mái đầu điểm bạc, nụ cười chua cay.
Trần-gian tri-kỷ là ai?
Ai vì nhân-nghĩa? ai say bạc vàng?

Bao phen suối lệ tuôn tràn,
Vì đâu hờ-hững cho tàn mộng xuân ?
Đời tôi là kiếp gian-truân,
Đời ai đầy những vui mừng tuổi thơ.

Vì ai ra ngẩn vào ngơ ?
Vì ai thổn-thức đợi chờ bóng ai ?
Đời tôi dở tỉnh dở say,
Đời ai êm thắm, tháng ngày yên vui ?

Đời tôi... ngao-ngán ngậm-ngùi,
Đời ai chưa trải những mùi đắng cay ;
Tình ta, ai thấu, ai hay,
Cõi lòng còn chạm nét ngày phân ly.

Than ôi ! thương tưởng mà chi ?
Cho đau, cho khổ, ích gì cho nhau.
Cho tim khô héo, úa xào,
Cho đời sớm nhuộm một mầu thê-lương !

Mối sầu ngày tháng thêm vương,
Ai mua, ai bán, chữ thương cho người ;
Vì ai tôi sớm chán đời,
Vì ai tôi héo nụ cười tuổi xuân ?

Có khi cố gượng vui mừng,
Mà trong mừng gượng, ngập ngừng lệ tuôn.
Đời tôi sanh để mà buồn,
Đời ai sanh để luôn luôn vui cười.

Xa nhau buồn viết ít lời,
Gọi là kỷ-niệm cuộc đời dở-dang.

1958





HOÀI-TRINH

HOÀI - TRINH

THI - SĨ Hoài-Trinh tên thật là Phạm-đình-Thái, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1922, tại làng Thái-bình, tỉnh Tây-ninh (Nam-việt) trong một gia-đình công-chức.

Bắt đầu làm thơ làm văn từ hồi còn là một học-sinh Trung-học (1936), Hoài-Trinh đã từng viết trên các tuần báo : *Văn-lang*, *Đông-dương*, *Đồng-thanh*, *Đông-phong*, và các nhật-báo : *Điện-tín*, *Sài-gòn*, *Dân-báo* v. v... với bút-hiệu *Xuân-Thới*, thời tiền chiến.

Nhưng Hoài-Trinh cũng như đa-số bạn trẻ có khiếu và yêu văn-nghệ thời ấy, tuy có hoài-bão lấy nghệ-thuật làm khởi điểm cũng như cứu-cánh cho đời mình, vẫn không vượt khỏi nếp sống gia-đình. Vì vậy ngòi bút tài-tử này phải cam đành bó tay, gác bút để sống một cuộc đời mực thước, phẳng-lặng ở vùng quê. Rồi sau đó mới lại góp mặt vào làng văn, bút-hiệu Hoài-Trinh mới xuất-hiện trên các tờ : *Tiến*, *Cần-lao*, *Tân-sinh* và một vài nhật-báo khác.

Năm 1955, Hoài-Trinh làm Tổng Thư-ký Tòa-soạn báo *Dân đen*, và bắt đầu từ đó, nhà thơ này sống hẳn về nghề báo.

Riêng về thơ, Hoài-Trinh có 2 tập : *Sương Thu* (viết hồi tiền chiến) và *Đất Sống* (viết trong và sau khói lửa). Trong ấy có những bài mà chúng tôi sẽ trích ở phần Thi-tuyển dưới.

Chẳng những là một nhà thơ, Hoài-Trinh còn là một nhà văn có một kỹ-thuật già-dặn về bộ môn tiểu-thuyết. Hiện nay, anh có sẵn mấy tập truyện dài như: *Hương, Khi trời còn chưa sáng, Những người của Ngày mai, Trăng nội thành, Bón phân cho đất.* Nhưng anh chưa nghĩ đến việc in, vì tự xuất-bản thì chưa đủ điều-kiện, mà đưa cho người khác thì lại sợ như quyển *Vững niềm tin*, một truyện dài của anh mới ra đời lần thứ nhất, đã bị một nhà xuất-bản nọ vì quá cẩu-thả, phản-bội lời cam-kết, đánh máy kiểm-duyệt, đem in không chờ anh xem lại, làm trật nát từ đầu chí cuối. Khi Tác-giả hay thì sự đã rồi...

THI TUYỂN

XUÂN TÌNH

Mùa mới tưng bừng hương sắc dậy
Nhạc dâng ý mộng, ngất trời thơ
Lòng từ lâu lắm không lên tiếng
Nay bỗng bừng lên một ánh mơ

Tình nở mùa thương không ngượng-nghịu
Hoa đương phong kín nét đồng-trinh
Sắt son đừng thẹn duyên Tư-Mã
Gió lạc lòng thương vạn lý trình.

Nghiêm khắc làm chi với kẻ yêu
Hoa xinh đâu nở đến hai chiều
Tình tôi mới chớm, xin đừng để
Tan-tác theo làn gió hắt-hiu...

Tình mới vương thương tha-thiết lắm
Hoa đương độ nở hẳn là xinh.
— Ai ơi! Hãy mở lòng xuân thắm
Đón mộng lòng tôi đang rất xanh...

HOÀI - TRINH
(Sương Thu, 1939)



HẬN

Lòng đã biết « Yêu là phải Khổ »
Nhưng làm sao vẫn cứ yêu liều?
Người trong khuê-các treo gương giá
Mái cỏ nằm mơ, nhớ dáng Kiều.
Từ buổi gặp ai bên miếu cũ
Ta về xây mộng đúc nhà vàng.
Câu thơ bích-ngọc đầy thư-án
Mà tấm đan-đài đã nát tan.

Có nghĩa gì đâu một Khách Thơ
Một đời thi-sĩ, sống là mơ
Con thuyền vội tách sang bờ khác
Bến cũ đìu-hiu, gió phất-phơ.

Ta đứng bên nầy gởi mộng sang
Xót-xa muôn nỗi, nhớ muôn vàn
Chiều chiều đón gió ta năn-nỉ
Mượn chở tình ta đến tận Nàng.

1939



ĐẤT SỐNG

Tôi trở về đây
Một ngày gió lạnh
Cát bụi mờ bay
Chân trời ảm-đạm...
Lòng bỡ-ngỡ nhìn không-gian u-ám
Tôi tưởng chừng Sắt Máu vẫn đương say;
Tôi lạc vào đây
Vườn đầy hương sắc
Nhựa sống tràn đầy
Tin yêu mãnh-liệt
Hoa Bút bừng say...

Ôi ! Hoa Bút bừng say lòng lạc-lõng
Đã từ lâu bối-rối, thiếu quê-hương.
Tôi bàng-hoàng. Hoa Bút thấm châu phương
Ru bản-ngã một niềm riêng ưu-ái
Tình nhân-loại, tình cao-siêu vạn-đại
Tình mênh-mông, bát-ngát ý phiêu-diêu
Chung nhau đi, Nhân-Loại một tình yêu
Một Lý-tưởng, dìu nhau lên Đất Sống !



LẠC - LOÀI

Đây một linh-hồn không bến đỗ
Lạc-loài theo gió bụi muôn phương.

KHỔNG - DƯƠNG

Gì buồn hơn nỗi buồn thầm lặng
Của một đời trai *Lạc Bến-bờ* ?
Bút rỉ âm-thầm mong nhớ mực,
Hồn tàn khô nhạt phấn hương Thơ.
Bạn-bè một lũ còn đôi đứa,
Bản thảo mười năm sót mấy tờ.
Năm tháng đìu-hiu trong xóm nhỏ,
Tường cao bưng-bít sầu bơ-vơ.

Ngoài kia, sóng gió muôn trùng dậy,
Uất hận trào dâng, khói lửa mờ.
Ngày lại ngày qua, ngày sắp hết
Căm hờn, tủi nhục vẫn trơ trơ.
Muốn kêu một tiếng nhưng rồi lại,
Thụ động cam đành kiếp nhuốc-nhơ.
Chia hợp, ly tan đời diễn biến
Mình sướng vui gì chuyện tóc-tơ ?!

1952



CHUYỆN ĐỜI NHẮC NỮA THÊM ĐAU

Hồn thiêng nay đã đọa-đày
Cố-đô tủi hận, tháng ngày xót-xa,
Đêm đêm nằm lắng tiếng gà
Mộng về cố-lý, sầu ra biên-thùy...
Lâm hành một lũ nam-nhi
Sắt-son gắn bó, gian nguy xem thường !
Nhưng rồi... trái hướng mùa Sương
Lòng trai sớm để vấn-vương mây vàng.
Hỡi ơi ! một đỉnh non Hàng
Đã làm chí lớn xoay ngang ngược chiều.
Đường xưa loãng bóng tịch liêu
Mà bờ Dịch nọ tiếng tiêu còn sầu.

Ngậm-ngùi khi nghĩ đến câu :
« Tráng-sĩ nhứt khứ... » lệ trào ướt mi.
Nhớ ngày cất bước ra đi
Chí trai da ngựa kể chi ngày về ?
(Xưa nay lắm kẻ cũng thề
Nhưng rồi lại cũng trở về... có sao ?)

Chuyện đời nhắc nữa thêm đau
Hồn thương chết rũ trong ao tù đày.

(Đất sống — 1925)



GIÒNG DƯ LỆ

Cho tôi ép nốt giòng dư lệ
Nhỏ xuống thành thơ, khóc chút duyên.
T. T. KH.

Năm ấy, em gặp chàng
Một thi-sĩ nghèo-nàn
Có tâm-hồn quảng-đại
Và đôi mắt mơ-màng.

Chàng rất đỗi nghèo khổ
Nhưng chàng vẫn đắm say
Không bao giờ than-thở
Cho hay người tài trai !

Sẵn có chút thiên-tài
Chàng làm nhiều thơ hay
An-ủi người đau khổ
Hướng-vọng một ngày mai.

Gặp chàng, em yêu chàng
Đời thi-sĩ nghèo-nàn
Em quyết theo giúp đỡ
Cho bớt nỗi lầm-than.

Chúng em yêu nhau lắm
Thơ chàng ngày càng hay
Thần Ái-Tình diễm-ảo
Thêm hương-vị ngất-ngây...

Em hằng trong giấc mơ
Phác-họa cảnh nên thơ
Một gia-đình đầm-ấm
Giữa tháng ngày thoi đưa...

Bên song, em dệt lụa
Trước án, chàng ngâm thơ
Cảnh gia-đình thuận-thảo
Thiên-hạ phải trầm-trồ :

« Gia-đình tươi đẹp quá
Gái Sắc sánh Trai Tài
Hẳn kiếp trước của họ
Kim-đồng, Ngọc-nữ đây! »

Tưởng đến lúc bạc đầu
Chúng em vẫn gần nhau
Nhưng... trời ơi! Thê-thảm
Thật em có ngờ đâu!

Ngày kia, em buộc lòng
Quên chàng để lấy chồng
Mẹ em đà quyết-định
Phận con, em phải tòng.

Mẹ em nay đã già
Hứa lỡ với người ta
Nếu em mà không thuận
Ắt mang tiếng xấu-xa.

Thôi em đành hy-sinh
Cắt đứt mối duyên tình
Trăm năm cam lỗi hẹn
Ôi! Ước-nguyện ngày xanh.

Chàng là người trí cả
Lòng chàng tợ biển sâu
Hẳn chàng cũng suy-độ
Mà thấu nỗi cho nhau.

Hay là chàng vẫn tưởng
Em, một đứa bạc tình
Đã ra đi vui sướng
Cuộc đời mới đẹp xinh.

Ôi, khổ lòng em chưa ?
Ai người tin em giờ ?
Mẹ ơi ! Mẹ có biết
Hận sầu của trẻ thơ ?

Lòng em... gió mưa rơi
Lòng em... rối tơi-bời
Khi nghe tiếng pháo nổ
Em phụ chàng, chàng ơi !

Lòng em cố nhủ lòng :
« Lấy chồng phải yêu chồng
» Để khỏi làm tan-nát
Hạnh-phúc, gia-đình chồng ! »

Chồng em, người thực tiễn
Chàng sống rất tự-nhiên
Không bao giờ mơ-mộng
Những cảnh sống hư-huyền.

Tuy chàng yêu em lắm
Nhưng vẫn chẳng chiều em
Quan-niệm chàng : « Chồng vợ
Không phải chuyện con tim.

« Đời là trường Tranh-đấu
Muốn sống phải khôn-ngoan
Chớ phải đâu tiểu-thuyết
Mà mộng chuyện Tim vàng ?! »

Chàng còn bảo : « Vợ chồng
Phải là sự hợp đồng
Hai khối óc thiết-thật
Cùng làm, cùng hưởng chung ! »

Em tuy không đồng ý
Nhưng lòng đã nhủ lòng :
« Rán đừng làm tan-nát
Hạnh-phúc, gia-đình chồng ! »

Tâm-hồn em un-đúc
Trong nền giáo-dục xưa
Tuy có bị ảnh-hưởng
Sách lãng-mạn, mộng mơ.

Nên buồn đời ngang trái
Không thỏa ước-nguyện xưa
Để sống đời như mộng
Bên người hằng ước mơ.

Em vẫn cố nhủ lòng :
« Lấy chồng phải yêu chồng
Để khỏi làm tạn-nát
Hạnh-phúc, gia-đình chồng ! »

Rồi em cố tưởng-tượng
Chàng rày đã quên em
Sống lại đời vui sướng
Đọc sách, ngắm trăng lên.

Đem tâm-hồn lãng-mạn
Tô vẽ cảnh thiên-nhiên
Chàng nhớ đâu em nữa
Một kẻ đã lỗi nguyền ? !

Thế rồi... tháng ngày qua
Theo chồng bến cát xa
Mười năm... câu chuyện cũ
Cùng ngày tháng, phôi-pha.

Chuyện xưa, em hồ quên
Dưới bổn-phận vợ hiền
Trời già lại xui khiến
Cho khổ lòng em thêm.

Hôm nay, về tỉnh cũ
Đi ngang qua nhà chàng
Nhà xưa đã bỏ hoang
Bên hè, cây nhãn héo.

Về nhà em mới hay :
Đám cưới em một ngày
Chàng bỏ nhà đi biệt...
Ôi ! Trời đất cao dài...

Chị em liền kể lại :
« Trước ngày nó ra đi
Có đến nhà chào chị
Và gởi lại cho dì

Một phong thơ niêm kín
Không biết nói điều chi
Nhưng vì nó dặn kỹ
Chỉ trao tận tay dì
Nên chị không dám xé
Mà cũng chẳng gởi đi ! »

Cầm thơ, tay run run
Nước mắt em ròng ròng
Ôi ! Mười năm... chuyện cũ
Nhắc chi cho đau lòng ?

Thấy em đứng ngẩn-ngơ
Chị em giục : « xé thơ
Coi cái gì trong ấy ? »
Em mới tỉnh giấc mơ.

Xé ra... chỉ một bài thơ
Một bài thơ... một bài thơ não-nùng.
Mắt mờ đẫm lệ, tay run
Chị ơi ! Đọc hộ mấy giòng tâm thơ...



BÀI THƠ CHÓT

(Gởi T. bất-diệt của lòng anh)

Khi mới biết lòng anh như đã chết
Mây thôi hồng và nắng cũng thôi xanh
Muôn hoa tươi cũng héo ở trên cành
Và vũ-trụ thấy một màu Đen tối.

Anh cố giữ cho lòng không bối-rối
Để mơ-màng tưởng nhớ phút giây xưa
Em cùng anh sánh gót dưới hàng dừa
Một đêm trăng sáng trên đường đá đỏ.

Em nói những gì, Anh còn nhớ rõ
Nhưng làm sao ? Ai hiểu tại làm sao ?
Chim muốn bay, cũng giữ chẳng đặng nào
Tình đã chết, có mong gì sống lại ?

Anh không trách chi Em điều Ngang trái
Anh không buồn Số kiếp quá mong manh
Có gì đâu khi bướm muốn xa cành ?
Anh chỉ tiếc cái gì xưa đã hết...

Nhưng anh biết, cái gì xưa đã chết
Anh càng buồn càng hết muốn làm Thơ
Mộng đang xanh, mộng cũng hóa bơ-phờ
Đây bài thơ chót kính dâng tặng Bạn !

Và thành chúc đời Em luôn tươi sáng
Như mộng kiều đầm-ấm tuổi xuân-xanh
Như hương Trinh bát-ngát ý dịu lành
Hòa nhạc mới triều dâng tơ Hạnh-phúc.

Cuộc chia biệt ngờ đâu vừa đúng lúc
Lòng bâng-khuâng, bối-rối trước khúc quanh
Đi không đành mà ở cũng không đành
Muôn chim Việt thấy về cành Nam cả...

Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá
Nhưng lòng anh đã bình-thản lại rồi
Hết đau buồn và cảm thấy sục sôi
Niềm uất-hận của một thời lạc lối.

Lấy Nghệ-thuật làm trò hề múa rối
Đem tài-hoa cung-phụng sóng mắt huyền
Để khẩn cầu, xin-xỏ nụ cười duyên
Người kiều-nữ chốn lầu hoa thâm kín.

Trong khi ấy, thanh-niên không bịn-rịn
Giã gia-đình, trường học để ra đi
Họa xâm-lăng đe-dọa ở biên-thùy
Kèn gọi lính giục người ra cứu nước.

Thôi em nhé! Từ đây anh cất bước
Em yên lòng vui hưởng cuộc đời vui
Đừng buồn, thương, nhớ, tiếc hoặc ngậm-ngùi
Muôn việc thảy đều do nơi số-kiếp!

Hỡi ơi! Biết Khóc hay Cười,
Vàng son đâu nữa mà tươi hoa Quỳnh?
Ai đi, xóa một hận tình,
Để dâng non nước tuổi xanh ngang-tàn.
Lòng em hoa nhạt bẽ-bàng,
Bến chiều sông lạnh lỡ-làng đò xưa.
Hỡi người đi gió, về mưa,
Mười năm lận-đận, bây giờ có hay;
Chén sầu đã quá đắng cay,
Nợ kia xin hẹn ở ngày tái-sinh!

✣

TỰ VỊ THẾ KỶ

Tập truyện ngắn thứ ba ở hải ngoại của **Xuân Vũ Xuân Thu** *sẽ cho ra mắt bạn đọc vào tháng tư đen 1990.*

Bạn không cần phải đọc Tư Bản Luận của Mác, Tư tưởng Mao Trạch Đông, không cần phải đọc Tuyển tập Hồ Chí Minh để tìm hiểu chủ nghĩa Cộng Sản, con người Cộng Sản để lượng định xem cái chủ nghĩa ấy thành công hay thất bại và con người cộng sản là loại người gì?

Trên từng trang một của quyển sách này, bạn sẽ thấy rõ *mặt mũi, tâm địa, tư cách, đạo đức* của họ được nhà văn Xuân Vũ khắc hoạ rất rõ nét, không thổi phồng, không cường điệu. Tác giả chỉ nêu lên những sự việc một cách nghệ thuật mà chính tác giả đã nghe, đã thấy và đã sống "Những sự thực cần phải tố giác, mà không một tiểu thuyết gia nào tưởng tượng nổi" — và — "hiện thực đã có những nét khốc liệt mà trí tưởng tượng không với tới..." (Nguyễn Mạnh Trinh và Hoàng Khởi Phong trong Tựa và Bạt cho tiểu thuyết *Kẻ Sống Sót* của Xuân Vũ)

Đọc tập truyện ngắn này bạn còn thấy nhà văn phơi bày cái thâm cung bí sử của thời đại nhà Hồ, từ đảng viên quèn đến lảnh tụ anh minh đều mang đầy dục vọng đê hèn, hơn nữa, những hung thần đã phá nát luân lý dân tộc, đã ăn thịt nhân dân và ăn cả thịt lẫn nhau.

Nếu với *Mạng người lá rụng* bạn đi lạc vào một thế giới thảm khốc của những kiếp con người được gắn cho danh hiệu *giải phóng* thì trong *Tự vị thế kỷ* bạn sẽ đi vào một xã hội của Cộng Sản đầy cạm bẫy và lừa bịp được che bằng một thứ mây thiên đường.

XUÂN THU P.O. Box 97 Los Alamitos CA 90720